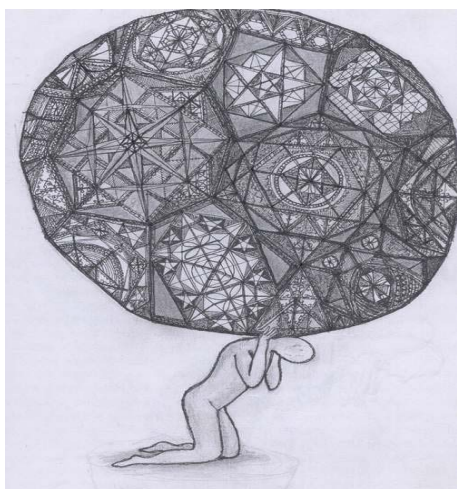


THƯ QUÁN

B ả n T h ả o



tranh TQT

■ **Chủ đề đặc biệt:** Tưởng nhớ Vũ Hữu Định (Đặng Tiến, Hoàng Lộc, Đinh Trầm Ca, Tường Linh, Nguyễn Lê Uyên...) ■ Những bài thơ/văn của VHĐ mới được sưu tập
■ **Mục Thường xuyên:** Viết chung, sáng tác, nhận định văn học, đọc sách...

Năm thứ 5 tập 23 tháng 4-2006

Thư Quán bản Thảo
Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

Tưởng Nhớ Nhà Thơ Vũ Hữu Định

Thư Quán Bản Thảo

TẬP HAI MƯƠI BA, THÁNG TƯ NĂM 2006

Tưởng Nhớ Nhà Thơ Vũ Hữu Định

Đọc trong số này:

Viết chung: *trang 5:* Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, NG~, Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh.

Tưởng nhớ nhà thơ Vũ Hữu Định: *trang 39:* Đặng Tiến, Nguyễn Lệ Uyên, Hoàng Lộc, Đinh Trầm Ca, Tường Linh (thơ).

Thơ văn Vũ Hữu Định: *trang 72.*

Trang thơ: *trang 93:* Hải Phương, Hoàng Xuân Sơn, Khê Kinh Kha, Nguyễn Đức Nhơn, Nguyễn Văn Ngọc, Khoa Hữu, Huỳnh Hữu Nạn, Nguyễn Bắc Sơn, Huỳnh Hữu Võ. Đức Phổ, Hoài Khanh.

Trang truyện ngắn:*trang 114:* Trần Hoài Thư, Lữ Quỳnh, Phan Tấn Uẩn, Trang Luân, Phạm văn Nhân, Trần bang Thạch.

Trang văn học & Đọc sách:*trang 182:* Ôn Năng Khang, Cao Vị Khanh.

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

Logo: Lữ Kiều (Thân Trọng Minh. VN)

TQBT số 24 sẽ phát hành vào tháng 7 năm 2006. Bài vở xin gửi về trước tháng 5-06.

tranhwaithu@verizon.net

phamvannhan1942@yahoo.com



VIẾT CHUNG

TRẦN HOÀI THƯ * PHẠM VĂN NHÀN *
NG~ * TRẦN BANG THẠCH * CAO VỊ
KHANH *

Rong bút

Trần Hoài Thư

Đi tìm Vũ Hữu Định ở Mỹ

Trong một căn phòng rộng mênh mông của thư viện đại học Cornell NewYork, đầy dãy kệ ngăn san sát, nơi này đã chứa đựng những di sản về văn hóa của toàn thế giới. Có ai ngờ một tạp chí như Tiếng Động, tiếng nói của Ban đại diện Đại Học Xá Minh Mạng vào năm 1971, hay Trước Mặt do Phan Nhự Thức chủ biên trước 1975 ở Quảng Ngãi lại nằm giữa kệ sách. Có ai có thể ngờ một tạp san Bộ Binh của khóa 23/24 Thủ Đức vào năm 1966 lại được đóng lại bìa cứng, có mặt tại đây. Cũng thật không thể tưởng tượng có những nội san của các trường trung, đại học miền Nam trước đây được cất giữ. Đó là những ví dụ để nói lên sự giữ gìn và bảo tồn văn hóa nhân loại của một đại học Hoa Kỳ. Nó không có màn kỳ thi, không kẻ thắng người thua. Không trả thù. Không kết án nọc độc để rồi đốt hủy... Nó chẳng cần phân biệt hay ưu đãi ai. Sách nào cũng được bảo bọc tối đa, bìa cứng, chữ nổi. Nếu là tạp chí quá cũ thì được bỏ vào hộp carton, cột dây cẩn thận.

Không những chỉ có căn phòng rộng lê thê này để cất giữ di sản văn chương miền Nam mà còn có cả một tòa nhà khác nằm riêng biệt ngoài vòng đai của khuôn viên đại học cũng chứa các tạp chí và sách báo của miền Nam thuộc loại quá khổ. Nơi này, có những tập như Khởi Hành đóng bộ, hay nguyệt san Đời, hay những bộ nhật

báo Chính Luận, Tin Sáng, Điện Tín v.v... Nhưng đừng mang ra ngoài hay xé. Coi chừng tiếng hú báo động đấy.

*

...Nơi đây không có ngăn riêng dành cho nhà văn lớn hay nhà văn nhỏ. Không người nổi tiếng hay kẻ vô danh. Bên cạnh tập thơ của Tố Hữu là tập truyện của Nguyễn Mạnh Côn. Bên cạnh những tập sách mỏng do nhà xuất bản Quân Giải Phóng xuất bản nằm bên cạnh những tác phẩm của Cục Chính Huấn QLVNCH. Sách của kẻ chiến thắng nằm bên sách của phe chiến bại. Bên cạnh một cuốn sách đóng bìa công phu, phụ bản nhiều màu, tranh bìa của họa sĩ tên tuổi vẽ, là một tập sách nghèo nàn, đơn sơ, đến tội tình.

Chỉ có kẻ đọc mới có quyền thẩm định và lựa chọn. Cho dù cuốn sách có mạ vàng, giấy loại hoa vân, bìa cứng hay cho dù tranh bìa được vẽ bởi một họa sĩ hàng đầu đi nữa, cũng không thể thu hút quyền rũ được hẳn.

Riêng tôi, tôi chọn Vũ Hữu Định.

Thứ nhất là anh thuộc thế hệ chúng tôi.. Dù thời sinh tiền, anh chưa có một tác phẩm nào xuất bản, nhưng không hẳn vì thế mà thơ anh lại không được nhiều người ưa thích. Riêng bài thơ *Còn một chút gì để nhớ* đã đi vào tâm trí chúng tôi không ít thì nhiều, thời ấy.

Nói đến VHD là nói đến một người bạn giang hồ, và những cốc rượu bốc cháy. Có người trách anh bỏ bê gia đình, vợ con để theo tiếng gọi của những phần rượu tặng. Có lẽ những bài thơ về rượu này khá phổ biến, nhưng họ làm sao hiểu được nỗi lòng của Định và lý do tại sao anh

lại phải xa người mẹ bệnh hoạn, xa vợ con, xa quê. Từ ba năm làm lính biên trấn mà *Đồn cheo leo đón gió/Bốn mùa phen mây che/ Đất trời đầy một cõi/Nhốt đời chưa cho về* rồi những tháng năm luân lạc, chấp nhận làm một người con bất hiếu, một người chồng một người cha không chu toàn trách nhiệm, để được sống, để được tiếp tục làm thơ, tiếp tục dâng hiến cho đời, cho người đọc những bài thơ đẹp, hay, để đôi lứa càng thương yêu nhau, để Pleiku càng đi vào trong tim của chúng ta, bằng tóc em mượt và mắt em ướt, để bọn trẻ chúng tôi thời ấy, cả tháng không thấy đàn bà, không thấy cả một tờ tạp chí, được an ủi rằng may mà có em đời còn dễ thương...trong khi đêm ngày tai như muốn bức màn nhĩ vì trái pháo và tiếng trực thăng cùng những núi đồi vây hãm khó có thể thoát được ra ngoài.

Hãy hiểu nỗi lòng của Định. Hãy thương lấy Định qua những giòng tâm sự đành đoạn nào nùng khi anh viết về người vợ của anh:

*Lần nào em sinh nở
ta cũng phải vắng nhà
tháng này em sinh nở
ta lại trên đường xa*

.....

*cám ơn người vợ khổ
chiều nay ta khóc thầm
uống những giọt rượu đắng
ngày xa quê long đong*

Trách anh hay trách hoàn cảnh, thời thế ?

*

... May mà có em đời còn dễ thương...

Vâng. Nếu cảm ơn thành phố ấy có em, thì cũng cần phải cảm ơn VHD của chúng ta nữa.

*

Để rồi từ đó, những chuyến đi đi về về thư viện Cornell, Library of Congress, dậm dài thăm thẳm, qua đồi, qua đèo chập chùng, để chúng tôi nói với lòng, anh VHD chúng tôi đi tìm VHD đây. Rồi những chồng tạp chí cũ mà người phụ trách mang đến cao ngất, cứ lật và cứ lật miệt mài. Nơi nào có cỗi thơ anh trú ngụ ? Tạp chí nào, số nào để có thể mượn mà tìm ra dấu vết thơ anh ? Trang giấy nào có tên Vũ Hữu Định dù chỉ một hai dòng nhất là ở giữa xứ lạ quê người mà việc sưu tập di sản văn chương miền Nam chỉ biết trông cậy vào các thư viện Mỹ ?

Nhưng chúng tôi tin hương hồn anh sẽ phù trợ việc làm của chúng tôi, hà hơi tiếp sức chúng tôi vượt tất cả những trở ngại khó khăn. Để rồi những lần lên đường vào bốn giờ sáng, khi đêm bùng bít cùng tuyết rơi mịt mù. Và những lần trở về, một mình trong đêm, giữa xa lộ đầy ánh đèn xuôi ngược, hay qua dốc đèo hiu quạnh, có khi lạc qua một thị trấn quờ quạng tìm lối ra, không phải *đi năm phút đã về chốn cũ* mà đi một phút đã về chốn cũ, mất lâu như không thấy đường nhưng lòng thì vui thật là vui. Bởi vì mỗi lần trở về là những bài thơ VHD làm bạn đồng hành, nằm bên cạnh...để cho mình quên cả nhọc mệt, mà nhấn mạnh bàn đạp gia tốc...

Tập thơ này là một tập thơ được may mắn. Với tổng số 80 bài (tập thơ in trong nước chỉ có 45 bài), nó không phải bị nộp lưu chiểu hay phải chịu qua giấy phép xuất bản nào để phải chịu cắt xén hay thay đổi cho phù hợp với chế độ đương đại. Sách dày 170 trang, gồm 2 phần. Phần đầu Dẫn Nhập và phần hai là thơ sưu tập. Riêng lần xuất bản này, chúng tôi "chơi sang" : Bìa sách được in bằng loại nhũ kim (gold metallic and golden foil), và giấy toàn là giấy loại đặc biệt. Dành chỉ tặng nếu có yêu cầu. Không bán. Xin nhắc lại dành để tặng khi có yêu cầu. Để chứng tỏ cùng Định là đám bạn bè tuổi ngựa của anh dám chơi đẹp, chơi sang và chơi hết mình vì bạn!

Chúng tôi xin được để tập thơ này bên cạnh **phần rượu tặng** trong ngày giỗ thứ 25 của anh.

Những tấm hình nhận trẻ

Dự án Y Uyên do tạp chí Thư Quán Bản Thảo khởi xướng đã được hoàn thành tốt đẹp. Pho tượng đồng bán thân của Y Uyên đã được điêu khắc gia Phan văn Hạng đắp lại hai lỗ tai (mà kẻ gian đã xẻo mất). Một buổi lễ an vị Tượng đầy cảm động đã được tổ chức tại tư gia thân nhân nhà văn Y Uyên với sự có mặt của một số thân hữu đại diện TQBT. Vì hình chụp không đi kèm trong số 22, nay xin được đi trong số này.



Hình 1: Lễ an vị pho tượng đồng bán thân của nhà văn Y Uyên sau khi được hoàn chỉnh. Nhân dịp này chúng tôi đã đặt trên bàn thờ anh tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 18 chủ đề về Y Uyên và Tuyển truyện Thời Chiến Y Uyên do Thư Ấn Quán xuất bản. (Ảnh, tư liệu TQBT)



Hình 2: Từ trái sang phải: (hàng trước) Chị Mỹ (áo bà ba đen, một nhân vật nữ được nhà văn Y Uyên nhắc rất nhiều trong các tác phẩm của ông). Chị Tấu (áo trắng) chị cả của Y Uyên.

Hàng sau: Nhà văn Mang Viên Long. Nhà văn Nguyễn Lệ Uyên.
 Anh Vương (em trai của Y Uyên). Nhà văn Bùi Đăng (tác giả truyện dài
 Cúi Mặt dâng nhiều kỳ trên Bách Khoa) (Ảnh, tư liệu TQBT)

Thêm một bức hình về thi cử thời xưa.

Kỳ này xin được gửi đến quý bạn bức tranh phác hoạ kỳ thi vào năm 1895 tại Nam Định. Hình được chụp lại từ bức tranh màu khổ tabloid in trên tạp chí Pháp Le Petit Journal, phát hành vào năm 1895 mà chúng tôi may mắn có được bản gốc. Theo bài viết, kỳ thi này có khoảng 10 ngàn thí sinh với 20 giám khảo và phải chấm tất cả 17 ngàn bài. Nhìn tranh, nhớ đến những câu thơ đầy trào lộng và chua chát của Tú Xương : *Tấp tễnh người đi, tở cũng đi/ Cũng lều cũng chống cũng vô thi.*



Tranh sưu tập của TQBT

Câu Chuyện Tháng Ba...

Năm 2006

Phạm Văn Nhân

Để chuẩn bị cho TQBT số 23 phát hành vào tháng tư năm 2006. Tháng có mùa xuân cây lá đâm chồi nẩy lộc và lòng người cũng thấy phơi phơi hơn qua những tháng ngày giá rét. Nhưng nói đến mùa xuân trên xứ Mỹ này, có lẽ chỉ nói đến những thành phố phía nam Hoa kỳ, hay bên Cali thì...ấm áp và đẹp lòng người hơn. Chứ thành phố tôi ở vào cuối tháng ba đầu tháng tư không biết chừng đâu ...trời đất “ nổi cơn gió bụi” mà trút xuống cơn bão tuyết như mỗi năm....thì chỉ có cách nằm nhà “ trùm chăn” đọc sách.

Vì số 23 chúng tôi làm số tưởng nhớ nhà thơ Vũ Hữu Định, cho nên, chúng tôi, mà đại diện là anh THT phải đi tìm thêm tư liệu để viết về anh. Tìm tư liệu ở đâu trên xứ Mỹ này? Chỉ còn cách là lái xe đến thư viện Cornell bên tận Nữ Ước để tìm thêm thơ và những bài viết về VHD; mặc dù chúng tôi đã có trong tay bản sao tập thơ : Còn Chút Gì Để Nhớ do một thân hữu từ trong nước gửi tặng TQBT. Tập thơ này do bạn bè của anh làm (nxb Trẻ tp/HCM xuất bản) nhưng cũng chỉ mới có 45 bài thôi. Với số chủ đề và chủ trương của chúng tôi là in và lưu trữ những tác phẩm văn học của những bạn bè cầm bút cũ. Xét thấy với 45 bài thơ mà nxb Trẻ đã phát hành còn quá ít đối với nhà thơ VHD . Do đó mà trong tháng ba, dù trời lạnh và tuyết rơi, anh THT cũng phải đi đi về về từ thành phố Plainfield, NJ đến NY ba bận để tìm

kiếm.

Trong khi đó, chúng tôi cũng hỏi thăm bạn bè và đọc giả nào còn nhớ thơ của VHD đã đi trên các tạp chí văn học nào trước 1975 ở SG để chúng tôi dễ tìm tại Cornell. Có bạn cho biết trong “Thời Nay” và như thế là với gần 300 tập TN tại Cornell, chúng tôi tìm cũng không thấy. Bên cạnh đó chúng tôi lại thấy đặc san “Chí Linh” của TTHL/XDNT/ Vũng Tàu. Mừng quá, vì VHD nguyên là cán bộ xây dựng nông thôn, chúng tôi mượn xem có thơ của VHD không. Nhưng rồi cũng không thấy; mà thơ anh chỉ có trên những tạp chí văn học nghệ thuật thời danh lúc bấy giờ như KH, Văn, Bách Khoa, Chính Văn, Thời Tập. Nghe anh THT kể là anh tìm được trong một tuyển tập các nhà thơ miền Trung xuất bản mới đây với trên 200 tác giả, khá đồ sộ, bìa cứng, giấy tốt, đóng bằng chỉ, dù có tên VHD nhưng chỉ có một bài mà tiểu sử thì sai bét (anh mất 1981 mà đề là 1982). Ngoài ra còn viết thêm hai dòng: cộng tác với các tạp chí ở trung ương và địa phương. Chỉ có bao nhiêu đó cho một nhà thơ miền Nam. Trong lúc THT tìm lục những chồng báo, mà theo lời anh “chất cao như núi” đó, thì chúng tôi lại thấy tạp chí “gần gũi với chúng tôi như một thân tình: Tạp Chí Ý Thức cũ. Có cả những tờ Ý Thức hồi còn ở Phan Rang, quay bằng Ronéo nữa. Và trong những số Ý Thức đó chúng tôi bắt gặp bài văn của anh. Mừng quá, copy ngay và đi ngay trên số này, như một chứng tích văn học của nhà thơ Vũ Hữu Định.

Phải nói nơi thư viện Cornell có những tạp chí, ngay cả những đặc san của các trường trung học công và tư trước 1975 vẫn còn lưu trữ trong thư viện này. Có điều đọc hay copy thì được hết. Nhưng xé hay mang ra ngoài thì coi

chừng, như bài viết của anh THT .

2/

Gần cuối năm 1982 tôi được ra khỏi trại, về nhà, bạn bè tới thăm và có đưa tin nhà thơ VHD trong một lần uống rượu say với bạn bè đã té lầu chết. Nghe, có buồn. Vì ở trong trại đói lên đói xuống mà tôi chưa chết. Sao lại uống rượu để phải ngã xuống lầu mà...chết hỡi anh (?). Chúng tôi có buồn. Nhưng rồi cũng thoáng qua như bao cái chết khác của bạn bè thân hữu của tôi. Nhà thơ VHD, tôi không quen. Nhưng với những bài thơ của anh đi trên các báo, không những độc giả mà đối với anh em có chút máu văn nghệ không sao mà không yêu mến thơ của anh được. Có phải vì: *Xin cảm ơn thành phố có em/ Xin cảm ơn một mái tóc mềm/ Mai xa lắc trên đôn biên giới/ Còn một chút gì để nhớ để quên.* Và cũng như: em Pleiku má đỏ môi hồng của anh đã gọi lên trong tôi những tháng đi huấn luyện trên cái xứ: *Đi dăm phút đã về chốn cũ;* mà mỗi sáng chủ nhật lái xe từ Hàm Rồng về Hoàng Diệu để ngồi uống ly cà phê đậm xứ cao nguyên đặc sánh trong cái hay hay lạnh để nhìn cô chủ quán dễ thương, dễ thấy. Ừ! *em pleiku má đỏ môi hồng/ ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông/ nên mắt em ướt và tóc em ướt/ da em mềm như mây chiều trong.* Đã gây ấn tượng cho bọn lính chúng tôi, và nhất là người dân thành phố Pleiku – nhất là những cô nữ sinh- không ai là không thuộc bài thơ phổ nhạc này của nhạc sĩ Phạm Duy.

Bên cạnh đó, nhớ lại khi ở pleiku, tôi vẫn thích bài **Biên Trấn Ca** của anh: *Đồn cheo leo đón gió/ Bốn mùa phen mây che/ Đất trời đây một cõi/ Nhốt đời chưa cho về/*

*Chiều đứng bên đường non/ Đau lòng ta biết mấy/ Chiều
ngó lên đường dốc/ Ôi đời trong lòng son.* Cho nên, -
cũng là cho nên- khi anh THT gọi điện thoại cho tôi:
ông Nhân ơi! số tới tụi mình làm số *tưởng nhớ nhà thơ
Vũ Hữu Định* đi. Tôi chẳng ngần ngại gì mà không trả lời
không làm mà còn “ hăng hái” làm nữa là khác. Và,
chúng tôi lại bắt đầu đi tìm VHĐ từ trong thư viện
Cornell, cho dù tháng ba trời rất lạnh và...tuyết rơi bên
trời lưu xứ này. Lạnh ngoài trời. Nhưng trong lòng chúng
tôi thấy ấm vì chúng tôi đã làm những việc cần phải
làm- dù còn rất nhỏ và khiêm tốn-. Có điều, chúng tôi
rất vui, cho dầu có mệt mỏi vì vừa phải kiếm sống hàng
ngày, vừa phải làm TQBT, vừa hai người- tôi với anh
THT - phải chia nhau để đánh máy lại hơn 80 bài thơ của
anh, rồi trình bày bìa, layout để phát hành tập thơ cho
anh. Lấy tên: *Thơ Vũ Hữu Định*. Để gửi tặng bạn bè trong
và ngoài nước. Đồng thời nhờ người mang tập thơ này về
trong nước để gửi đến gia đình của Người Thơ đã quá cố
như một món quà kỷ niệm của những người yêu mến
anh.

Riêng tôi rất vui, khi nghe anh THT nói là tập thơ đã in
xong, và trên đường gửi qua cho tôi (thời điểm 3-3-06)
khi tôi đang viết bài này.

Rất cảm ơn những bạn bè văn hữu đã hưởng ứng viết bài
về số tưởng nhớ nhà thơ Vũ Hữu Định trên TQBT số 23
này. Cùng với những bài thơ, văn đi trong số 23 này.

Cà Kê Mệt Mỏi

Ng~.

Những ngày đầu năm Việt Nam vẫn cứ âm u, vẫn cái lạnh rét và lác cắc mưa. Mưa ngã những con đường quê xót xa bùn đất. Mưa dội cầm mảnh áo phong phanh. Mưa xán vào cổ xù và cô lữ, quật bều bì bõm những bầy nhầy đọng ứ đến nửa đời người. Mái rạ liêu xiêu ngược nhìn tầng cao bóng nhầy. Bàn chân tòe nứt nẻ khép lặng sau chiếc quần te tàu lá chuối buổi tàn cơn bão. Và những chiếc xe đạp lóc cóc nép sát lề cỏ sững mắt nhìn chiếc xe con vút qua. Triệu triệu hột gạo, triệu triệu mồ hôi và nước mắt và máu và tử nhục vút lên làn khói mỏng thông dong “phụ mẫu”, vi vu dú đờn phía trên những câu khẩu hiệu, ca hát trên những mâm cơm hẩm, mắm hoi.

Ngày đầu năm, cả dân tộc là con cháu Lạc Hồng luôn hướng về cội nguồn, sáng rực rỡ đời sống tâm linh bốn ngàn năm có thừa. Nhưng những anh bần cố nông từ thuở hồng hoang bỗng chia làm hai trường phái, hai đẳng cấp khác nhau: anh bần cố nông thứ thiệt là rượu lạt, mỡ thừa dâng lên tổ tông với lòng thành kính; còn anh bần cố nông giả hiệu điêu ngoa thì dâng cúng linh hồn rở sét, trước những tượng đài hề trước khi nhớ đến ông bà và rung đùi bên những ly Martell ngàn đời anh bần cố nông chính hiệu con nai đen không dám mơ tưởng.

Đầu năm đi thăm hai nhà bần cố nông vốn là bạn hữu một thời, thấy lòng se thắt, lạnh buốt như từng cơn gió Bắc xán vào mặt rất buốt.

Một mỗi vừa ngán ngẩm, đành phải nằm nhà lang thang trên mạng và tình cờ thấy bài Bonjour Viet Nam. Cứ ngỡ là một bài thơ của anh Tây ba lô nào đó, sau khi đi giáp vòng cái đất nước khốn khó này, tức cảnh làm thơ. Té ra

là không phải vậy. Đó là bản nhạc của anh chàng nhạc sĩ Marc Lavoine. Chúí mũi mà đọc. Câu chữ như thơ. Tự hỏi: chắc anh ta đến Việt Nam nhiều lần, sống ở Việt Nam lâu năm. Nếu không sao những dòng chữ của anh rung động lòng người đến vậy, sao anh có thể sẻ lòng và cảm thấu những bàn chân tõe, những phiên chợ nổi trên sông nước Hậu Giang, nhìn thấu cái sự cồng lưng của những bà mẹ Việt Nam trên đồng ruộng. Hay anh ta là gốc Việt có bà mẹ lưng còng, chân tõe tẽ ngón Giao Chỉ?.

Lang thang nữa, xuống bên dưới và click vào ô nhỏ, nghe giọng hát như tiếng chim Sơn Ca. Tiếng hát của cô bé Phạm Quỳnh Anh trong như pha lê, lóng lánh như những giọt sương mai đọng trên lá ướn buổi sáng sớm:

Racontes moi ma couleur. Mes cheveux et mes petits pieds

Qui mes portent depuis que je suis nées

Racontes moi ta maison, la rue. Racontes moi cet inconnnu

Les marches flottants et les sampans des bois

Les femmes courbées dans les rizières pour mes mère

Nghe tới nghe lui, nghe hoài mà sao lần nào cũng mới, cũng lạ bởi những ca từ mộc mạc, bình thường nhưng sáng lấp lánh trong những giai điệu mê hồn. Còn giọng ca của cô bé Quỳnh Anh, cứ như lửng lơ giữa tầng mây xanh ngắt.

() Giữa cuối năm, anh PCH send cho tôi truyện ngắn của Đỗ Hoàng Diệu. Đối chiếu Bóng Đèn trên mạng và Bóng Đèn của nhà xuất bản Đà Nẵng mới thấy tài nghệ của mấy anh chàng “biên tập đồ”, cắt xén, đảo lộn từ mới

ting vi làm sao. Đây cũng là kiểu “tự do sáng tác” của giới cầm bút trong nước. Còn những tay cầm dây cương đeo mã trá ngồi trên cao thì vung miệng chửi: “địt mẹ con bé tí tởn, nó dám nhẩy nhụa với các cụ tổ của nó thì chẳng ra làm sao. Tổ tiên mà nó đặt dưới đũng quần thì còn cái thể thống gì nữa” v.v. và v.v.

Mấy anh ngố cầm cương ới, Đỗ Hoàng Diệu không chửi tổ tiên ông bà chúng ta đâu. Cái thằng hăm hiếp nhân vật xưng tôi chính là cái tên khốn khiếp đẩy bao nhiêu sinh linh vào vòng lao lệ, đốn hèn, tử nhục. Cô ta chửi cha cái cục máu đỏ mào gà mà mẹ Tú Bà dạy nàng Kiều “thơ ngây” đánh lừa khách làng chơi. Cái màu đỏ thành biểu tượng khiến hàng triệu thằng người u mê ám chướng, ngu độn như bầy người nguyên thủy đẩy bao nhiêu triệu con người lang thang trên chính quê hương chúng ta, chửi cha đấm ăn cướp, bóp hầu bóp họng tầng lớp dân chúng ngây thơ; để ra những tên khôn vật, lưu manh thương thặng.

Đọc truyện Đỗ Hoàng Diệu, bỗng nhớ lại truyện “Linh Nghiệm” của Trần Huy Quang đăng trên tờ Văn Nghệ (CS) cách đây khá lâu. Nhân vật chính xưng tôi (hay là gì đó, đọc lâu ngày quên mất) là một tên vô công rồi nghề, thất nghiệp, đến chợ người chờ được thuê đi làm công kiếm vài đồng chạy bữa. Là tay khôn vật, điêu ngoa, tráo trở, thủ đoạn và lăm mánh khóc gian trá, nên dễ xách động đám đông. Bữa kia bụng đói cồn cào, giữa chợ người xác xơ gầy rộc, bỗng nổi lên cơn gió làm bay tung những tờ giấy lộn bẩn thiếu ở góc đường. Hắn ta nhìn thấy, chạy đuổi theo mớ giấy lộn mất vệ sinh đó và kêu lên “ta đã tìm thấy rồi, ta đã tìm thấy rồi” khiến cho những con người đói meo kia bừng tỉnh, chạy theo hắn ta.

Oi, chẳng ai biết được hẳn tìm thấy cái gì, nhưng nghe miệng hẳn la lên “đã tìm thấy” thì cứ lao theo, phóng lên phía trước như thơ cụ Bút Tre.

Hàng đầu ta cứ tiến lên

Tiến lên ta cứ tiến lên hàng đầu

Hàng đầu chẳng biết đi đâu

Đi đâu chẳng biết hàng đầu cứ đi.

Thật mệt mỏi. Năm tháng chất chồng. Thở xác mỗi một đã đành, đến tâm hồn cũng mỗi một già nua, cần cỗi và đau tận cùng nỗi đau.

Những trang viết từ Houston

Trần Bang Thạch

1. Em có còn nhí nhảnh tắm trong mưa?

Đó là câu thơ cuối của một bài thơ dài bạn tôi vừa mới gửi sang cho tôi. Đây chính là người bạn thơ tôi đã có dịp nói tới trên trang này. Người bạn chung tình đã viết hàng trăm bài thơ cho chỉ một người tình. Chỉ cho Nàng. Cả trăm bài thơ chưa hề được tác giả gửi cho báo chí hay in thành tập. Điều không ai ngờ được là Nàng cũng chưa hề đọc một dòng nào trong số hơn ba ngàn câu thơ này. Những câu thơ như: *Tôi ném tim tôi vào khoảng không. Em vô tình bắt được. Rồi bỏ quên trong lồng. Để trọn đời tôi chết ngộp.* Hay: *Viên đạn thù xước bên ngực trái. Tôi nghe đau vô ngần. Còn viên đạn tình trở khắp châu thân. Sao nghe ngọt ngào như ăn trái cấm.* Những câu thơ đó bạn tôi đã viết hơn ba mươi năm trước. Còn bây giờ, ở tuổi trên sáu mươi, một thân một mình tối ngày làm bạn

với đàn vịt trăm con trên ruộng nước Tầm Vu, và trăm sách vở quanh mình trong căn chòi bốn bề gió lộng, bạn tôi đã viết những dòng thơ:

Dưới mưa thấy em cỡi truồng đứng tắm

10 năm sau còn ớn lạnh trong lòng

10 năm mặc kaki thay áo ấm

Ngơ ngẩn con người lúc có lúc không.

*Những lúc thập phần sinh tử, giữa những trưà nắng rừng,
người tình si vẫn nhớ hoài những sợi mưa xưa:*

Nhớ Đức Xuyên nằm rừng nghe vượn hú

Bạc đầu chưa, ôi một tiếng gà trưà

Hoa rừng tím chết lòng trai châu thổ

U hoài chi? Từng sợi lạnh mưa xưa.

Sáu mươi tuổi mà vẫn không quên những tháng ngày tuổi nhỏ, thuở lên chín lên mười; rồi thuở giày saut áo trện. Vẫn giữ trong lòng mình một mối tình chỉ mình mình biết chỉ mình mình hay. Để bốn năm mười năm sau :

Em yêu hỡi đang trong thời đẹp lão

Ta không còn phong độ của ngày xưa

Trời Boston mưa mùa vào tháng mấy?

Em có còn nhí nhảnh tắm trong mưa?

Hơn chục năm rồi tôi không gặp mặt bạn tôi. Cho nên tôi cứ hình dung bạn tôi bây giờ như thế này: Một lão già râu tóc bạc phơ, chân tay khẳng khiu, áo quần vá chần vá đụp mà gương mặt và nét cười thì lúc nào cũng mang niềm vui và nụ cười. Một gương mặt ở tuổi 20, 30, 50 hay già cỡ nào cũng vẫn là baby face. Bạn tôi nói tối ngày chơi với nước, với vịt, với lục bình, rau mát và có thơ, có gió, có trăng ở bên mình, và có người tình xa xôi trong mộng thì làm sao mà dung nhan héo úa cho được. Như vậy cũng mừng cho bạn tôi. Chúc bạn tôi cứ chân cứng đá mềm trên con đường tình một chiều và cứ si tình để

tôi được đọc tiếp những bài thơ tình của người tình si trên sáu chục.

2. Thêm những tia lửa ấm

Chợt nhớ mà giật mình: TQBT 23 là tập thứ nhì của năm thứ Năm! Năm năm không phải là dài so với nền văn học có mặt hơn ba mươi năm nay tại hải ngoại. Nhưng đối với Nhóm Chủ Trương thì đó là một thời gian đầy thử thách và chờ đợi. Cho nên 5 năm đã là dài. Sức người có hạn. Thời gian có hạn. Khả năng có hạn. Không nói với nhau, nhưng mỗi người chúng tôi có lẽ đều mang trong lòng một nỗi chờ đợi. Bao giờ thì sức người cạn kiệt, người ở bên này và người ở bên kia? Bạn ta vẫn bôn ba xuôi nam về Sài Gòn, Hậu Giang, rồi ngược bắc tìm bạn văn này, nhà thơ nọ để có những trang viết gửi ra. Bạn ta vẫn lái xe đường dài trăm dặm, có khi trong mưa tuyết, chỉ để tìm mấy bài thơ, văn của những người viết cũ trong thư viện vùng Đông Bắc Hoa Kỳ. Bạn ta đêm khuya âm thầm bên đèn phím chữ để những trang bản thảo thành hình. Bạn ta vẫn trùm chần ngồi viết trong cái lạnh cóng xương của vùng cực bắc Mỹ Châu. May mắn là trong cơn thử thách và trong nỗi đợi chờ, chúng tôi thấy những tia lửa ấm. Thời gian qua đã có được những Tấm Lòng đến với TQBT, từ người đọc và từ người viết. Chúng ta đã tới với nhau trong thân tình. Lâu rồi đã có những đọc giả từ bên này vui vẻ gửi tiếng nói qua điện thoại về bên kia để chuyện trò với người viết họ chưa hề biết mặt. Đã có đọc giả trẻ về quê hương ghé lại Phan Thiết, Phan Rang, ghé lại Sài Gòn tìm gặp vài cây viết TQBT mà họ chỉ biết qua những bài văn, bài thơ in trên

TQBT. Từ lâu rồi đã có những sự tiếp sức từ những đọc giả, những thân hữu và những người viết, dù ít dù nhiều đều đáng quý. Tất cả là những tia lửa làm ấm lòng chúng ta.

Mong mọi người chân cứng đá mềm trên con đường chữ nghĩa trước mặt.

3. Thêm một dự án đã hoàn thành

Như vậy là coi như dự án tập truyện **Quần Quanh Chuyện Đời** đã hoàn thành. Mọi chuyện tưởng khó mà dễ. Lại nhắc tới những tấm lòng đã làm cho đứa con chào đời. Xin cảm ơn tất cả, tất cả.

Houston, tháng 3, 2006

"Bonjour Vietnam"

Cao Vị Khanh

Mấy ngày giáp năm, lòng bỗng nhong nhóng chờ một cái gì dù biết mình đã thật không có gì để đợi. Ở cheo leo ngay trên vĩ độ 45 bắc, núi rừng ao hồ thành phố vẫn bần bật trong cơn đông thiếp trắng. Và gió và tuyết cứ tha hồ đục đẽo mặt người. Và người xa xứ cứ vật vã với mơ kinh nghiệm càng lúc càng còm cõi về một nhiệt đới vàng.

Rồi tết đến. *Rồi tết đến, rồi lòng anh nhớ quá.* Thơ Nguyễn Đình Toàn đẹp như một kỷ niệm. Và tết, rồi cũng chỉ là một kỷ niệm trong mơ kỷ niệm tội nghiệp

đang lún dần vào phía bên kia của trí nhớ.

Ở giữa cái thờ ơ của đất trời xứ lạ và lòng người lạ xứ, âm vang tết nghe mơ hồ như chính cái quê hương chẳng những đã xa mút ngoài dặm trường mà còn xa mù trong lý tưởng. Người về người qua kể chuyện này chuyện nọ đã có lúc làm nhớ đến Túy Hồng có lần mô tả Huế như một thành phố đi-xa-để-mà-nhớ-chớ -không-phải-ở-để-mà-thương. Câu viết trong một tâm cảnh đặc biệt về một thành phố đặc biệt chẳng lẽ trở thành một lời tiên tri thấu thị, cho từng lượt người qua, lại, đi, về...

Hàng năm tết đến lại thấy lũ lượt người về... Rồi lũ lượt kéo qua, và những lời ... phiến muộn!

Thì đã đành là lá rụng về cội, chỉ có điều cái cội này sao có quá nhiều gai góc, sợ dễ làm xước đau... nhất là cho những chiếc lá còn quá xanh non.

Vâng những chiếc lá còn quá xanh non, những tuổi-trẻ-việt-nam không quá khứ, chẳng hận thù đang phơi phơi lớn lên khắp cùng mặt đất này, ngoại trừ cái phần đất có hình cong cong chữ S... và đang náo nức muốn tìm lại về nguồn. Cái ước muốn đúng đắn và cảm động biết bao. Cha chú đã bồng ẵm họ trên tay, giấu diếm họ trong nách, những bà mẹ đã mang họ trong bụng, những dì cô đã cồng họ trên lưng lội bùn lầy, chui rừng rậm trốn tránh đồn bót và băng qua những cơn bão dữ của thiên nhiên và lòng người, cốt tìm cho họ một-chỗ-đứng-dưới-ánh-sáng-mặt-trời, những người đó chắc cũng vừa lòng lắm. Hồng vừa lòng sao trong mấy ngày tết vừa qua, lòng ai nấy bỗng thấy rưng rưng khi tình cờ nghe (lậu) được một giọng vành khuyên non xèo, hát lên lời hoài vọng quê hương nghe thương đến đứt ruột.

Giọng hát đó là của cô gái Việt Nam mười tám tuổi tên Phạm Quỳnh Anh, sinh ra và lớn lên ở Bỉ. Và bài hát có tên gọi Bonjour Vietnam, lời và nhạc của một ca nhạc sĩ đang được ưa chuộng ở Pháp, Marc Lavoine. Nhạc êm dịu, trữ tình. Và lời thì tuyệt tác.

*Raconte-moi ce mot étrange et difficile à prononcer
que je porte depuis que je suis né*

*Raconte-moi le viel empire et le trait de mes yeux bridés
qui disent mieux que moi ce que tu n'oses dire*

Je ne sais de toi que des images de la guerre

Un film de Coppola, (et) des hélicoptères en colère

Un jour, j'irai là bas, un jour, dire bonjour à ton âme

Un jour, j'irai là bas (pour) te dire bonjour Vietnam.

*Raconte-moi ma couleur, mes cheveux et mes petits pieds
qui me porte depuis que je suis né...*

*..... Hãy kể cho ta biết cái tên khó gọi mà ta đã mang từ
thuở sơ sinh*

*Hãy kể cho ta về đất nước xa xưa và về đôi mắt xếch của
ta*

đôi mắt biểu lộ lòng ta hơn những lời không dám thốt lên

Ta chỉ biết quê nhà qua hình ảnh chiến tranh

*Qua phim của Coppola với những chiếc trực thăng hung
dữ ...*

Một ngày nào đó, ta sẽ về chào hồn thiêng dân tộc

Một ngày nào đó, ta sẽ về chào Việt Nam

*Hãy kể ta nghe về màu da, mái tóc và bàn chân nhỏ bé
của ta*

đã theo ta từ lúc mới chào đời... (1)

Phải nói là người nhạc sĩ Pháp trẻ tuổi và thời danh đó đã có một tấm lòng liên mẫn tuyệt diệu lắm mới viết thay được cho lớp trẻ Việt Nam đang sống như một loài cây không rễ - dù không phải là đã không hòa nhập được với

nếp sống xứ người. Nỗi ưu tư đó có thật, trong tròng mắt đen nhánh như hai hột nhãn, trên mái tóc cứng sợi đen tuyền, trên làn da sẫm vàng nhiệt đới, dù cặp môi xinh xắn đó có xỏ tiếng Tây tiếng Anh như gió cuốn mây bay. Chắc chắn, ở một nơi nào đó, vào một lúc nào đó, trong cái đầu nhỏ xíu và thông minh của họ, đã có lúc bật ra câu hỏi... tôi-là-ai giữa cái đám đông nhun nhúc mắt xanh tóc vàng đang vây quanh họ. Và từ đó, câu hỏi về một quê nhà nghe ra cứ mù mịt trong những câu chuyện giữa mẹ cha cô dì chú bác... Cái thế hệ thứ hai lớn lên giữa một-chỗ-không-phải-quê-hương, làm gì không có lúc muốn nhìn cho biết tận mặt quê hương, cái ước muốn không kém phần luận lý như chính cái luận lý bỏ đi của cha mẹ họ gần ba mươi năm trước.

Người nhạc sĩ, trong khuôn khổ giới hạn của bài hát, đã chọn lọc thật khéo những hình ảnh đơn giản nhưng đủ gây ấn tượng về lịch sử trầm luân của một dân tộc. (Thì thôi nhìn bằng cách nào, ngay cả khi chỉ thấy có một phía... những hélicoptères en colère, *những chiếc trực thăng hung dữ*, cuộc chiến rồi ra cũng đã là một tai họa chung cho cả dân tộc đó! Cũng có thể đó là tâm trạng chung của cái thế hệ tới sau chỉ biết chiến tranh qua những lời kể lại. Từ đó cái nhìn trở thành bao dung, khoan hòa, rộng lượng... như chính cái hồn tuổi trẻ vẫn thường không biện biệt...)

Hãy quên đi cái anh nhạc sĩ người Pháp và nghe lời ca từ trên đôi môi xinh xắn của một cô-bé-việt-nam, cái giấc mơ về quê nghe hiền lành, vô tội và dễ thương như tiếng kêu chiêm chiếp của một con chim con đang tập hót.

Hãy kể ta nghe về căn nhà, con đường và vùng đất ta chưa biết

*có chợ nhóm trên sông và thuyền tam bản
Và nổi náo nức tìm về cũng thiết tha, hồn hậu như chính
những hình ảnh nó gói ghém trong đó.
Một ngày nào đó, ta sẽ về chào hồn thiêng dân tộc
Một ngày nào đó, ta sẽ về chào Việt Nam
Sẽ đi thăm những ngôi chùa, tượng Phật, thay cho cha
Chào hỏi những người phụ nữ cấy lúa trên ruộng đồng,
thay cho mẹ
Và nhất là vòng tay mở ra, tấm lòng mở ra để ôm cho hết
... Việt Nam.
Dans la prière, dans la lumière, revoir mes frères
Toucher mon âme, mes racines, ma terre...
Un jour, j'irais là bas. Un jour, dire bonjour à mon âme
Un jour, j'irais là-bas (pour) te dire bonjour, Vietnam.*

*Trong lời nguyện cầu, trong ánh sáng chan hòa, ta sẽ gặp
lại các anh em
Trở về sống với tiếng lòng, cội nguồn, với đất mẹ quê cha
Một ngày nào đó, ta sẽ về gặp lại linh hồn của ta
Một ngày nào đó, ta sẽ về chào Việt Nam (1)
Tình tự đó được hát lên bằng một giọng hát rất non, non
như màu xanh của lúa mạ. Nghe hát, liên tưởng đến
người hát thấy ra cái mâu thuẫn ngộ nghĩnh vừa gây thích
thú vừa bỗng thấy một chút ghen ngào. Chính cái đáng
dấp xinh xắn của một cô gái rất-việt-nam hát lời vọng
tưởng Việt Nam bằng thứ tiếng Pháp phát âm hết sức
đúng điệu, đúng cách, đúng giọng không thua bất cứ một
cô đầm chính hiệu nào đã làm người nghe thấy bàng
hoàng.
Và... vấn đề đặt ra ở đây.*

Giọng non, thanh mà ấm, hát hồn nhiên và say sưa cái

nỗi thiết tha của mình về một quê hương chưa từng biết bỗng làm người nghe giật mình. Nhất là mỗi lần cô xuống giọng để kết một tiểu đoạn bằng mấy tiếng bonjour Vietnam, (trong tiếng Pháp không có "dấu nặng", cô phải lách giọng để phát ra cho đúng cái âm "dấu nặng" đó) nghe mà thương hết sức. Cô nhỏ hát thành khẩn như một người đã sinh ra ở đó và sẽ chết ở đó, đã chơi đùa một tuổi thanh xuân ở đó và ngậm ngùi một tuổi vàng ở đó. Cô nhỏ hát như một người đã biết đau cái đau của viên đạn xé thịt, đã khóc tiếng khóc của một người đào huyệt chôn bạn, đã rạn vỡ những vinh quang tự chủ và tối ám những nhục nhằn nô lệ. Cô hát như một người đã lồng lộng gió chiều Cữu Long, đã rám mặt núi đèo Trường Sơn, đã lún mỗi sinh linh Đồng Tháp, đã biết oan khiên Thúy Kiều, náo nùng Cung Oán... Rõ ràng cô hát bằng cả một hồn hoài hương dù giữa cô và cái quê hương đó chưa biết nhau được một lần. Có phải chính cái mà Carl Jung đã gọi là vô thức tập thể đã tàng ẩn trong những sợi nhiệm thể của cô khiến tiếng hát cô mang đầy vẻ trù mến về một đối tượng mà cô chỉ mơ hồ nghe kể lại. Như vậy có phải đã có một giấc-mơ-việt-nam đầu sẵn trong tim trong óc của những người tuổi trẻ dù chưa một lần thực sự biết mặt quê hương tròn méo dài ngắn ra sao. Có điều... hình như giữa giấc mơ êm đềm đó và cái thực-tại-việt-nam bây giờ dường như vẫn còn một khoảng cách không lấy gì hẹp lắm.

Em nhỏ, em thấy gì trong giấc mơ em?

Phải cái hình ảnh biểu tượng từ bao lâu nay, từ một thuở yên bình...phải Hà Nội mơ màng với tháp Rùa hồ Gươm, phải Huế trầm lặng với thành mộ lăng tẩm, phải Sài Gòn

sinh động với đèn đuốc lấp lánh như viên ngọc của Viễn đông

phải là những ruộng đồng bát ngát lúa vàng, những sông rạch chằng chịt thừa mứa tôm cá, những hội hè đình đám rộn rịp, những con người cần cù chất phát... Hay một thời cuồng nộ... hình ảnh kinh hoàng của đứa bé trần truồng chạy ra từ một vòm lửa, những vành khăn tang quấn trắng cả phố Huế-mậu-thân... Hay sự hồi sinh của một vùng đất chết. Hay sức sống thâm lặng của một dân tộc oan ương... Có điều biểu tượng nào cũng đúng và cũng không đúng. Dù biểu tượng nào cũng có thể làm em ngây ngất một ý hướng tìm về. Em sẽ về. Tôi biết em sẽ về. Một lúc nào đó.

Thử nghĩ đến một ngày em và tâm hồn trong vắt của em sẽ về lại đó. Em sẽ về, tôi biết.

Thử đọc một đoạn trong bài "Quê hương ngày gặp lại" của Kim Thanh đăng trên báo Khởi Hành số 108, tháng 10 năm 2005

"... chiếc Boeing 777 của Asiana Airlines lượn vòng Sài Gòn để chuẩn bị đáp. Lúc ấy gần hai giờ sáng. Thủ đô một thời, Hòn Ngọc Viễn Đông đã mất tên, hiện qua ô cửa máy bay, tối om.... Từ trên cao, chưa thấy một thành phố, phi trường về đêm nào ảm đạm như Sài Gòn... Huệ Trân, con gái tôi, hỏi, cắt đứt dòng suy tư:

-Thành phố gì mà tối thui vậy ba? Sao họ không thắp đèn lên, nhiều thiet nhiều như ở Mỹ ?

-Việt Nam bây giờ đó con

.....
Từng lượt hành khách từ các chuyến bay lục tục tiến vào một tòa nhà khá khang trang. Các nhân viên tiếp đón mặt

lạnh như tiền...

Tôi trình giấy tờ cho một nữ công an, sồn sồn, da tai tái, mặt lấm tẩm mụn. Ắ mở hé hộ chiếu, rồi nhìn xéo tôi, ra lệnh bằng giọng Bắc nhà quê, the thé:

- Ông kẹp các giấy này vào hộ chiếu, của ai phải đúng tên người đó, rồi đứng đấy chờ tôi !

Và lạnh lùng vẫy gọi những người kế tiếp. Nửa tiếng sau ả mới quay sang tôi:

- Ngoài tên thật, ông có biệt hiệu, bí danh nao không ? Sinh quán ở đâu, làm gì ở Mỹ, ở Mỹ lâu chưa, đến Mỹ diện gì, về Việt Nam mấy lần rồi ?

Muốn kiếm chuyện gì nữa đây. Tôi nhìn thẳng mặt ả, cao giọng:

*- Tôi đã trả lời rồi trong đơn xin visa
Ả nổi nóng, rút lên:*

- Bây giờ tôi hỏi lại có được không ?

Đến nước này, tôi phải đốp chát, bất cần hậu quả

- Không được. Bà không có cái quyền đó. Giấy tờ của tôi rất hợp lệ, được ký bởi hai chính phủ.

.....

Sau này, kể lại cho gia đình nghe, tôi vẫn hậm hực nói với Loan:

- Mà tại sao nó chỉ chiếu tướng một mình anh ?

Nàng cười bảo:

- Tại vì nó thấy mặt anh hãm tài quá ! Hoặc biết đâu chừng nó mê anh, muốn cho anh nếm một chút thú đau thương... Em đã dặn kẹp tiền vào passport thí cô hồn mà anh không chịu... (2)

Rồi thử nghĩ tiếp , giả sử em qua trót lọt cửa quan Tân Sơn Nhất, em vào tới phố phường Sài Gòn, mắt em mở lớn để làm quen với những lạ lẫm... Giả sử em về tới nhà một người thân nào đó, lệ trùng phùng mừng mừng tủi

tủi...

Như vậy ...

... Buổi sáng, Quốc, chồng Huyền Trân, đi trình giấy tờ, hộ chiếu cho đồn công an, nhưng quên không đem theo tiền "bồi dưỡng". Lập tức, hai tên còn trẻ, lạ hoắc, một nam một nữ, xuống nhà để "trước thăm bà cụ, sau chào anh hai mới về". Tôi không hiểu chuyện gì, phải ngồi tiếp nửa tiếng cho đến khi Huyền Trân đi đâu về rút tiền ấn vào tay, họ mới rút êm. (2)

Và em có thể cũng sẽ được đưa đi thăm những thắng cảnh đền đài di tích lịch sử như bất cứ người Việt nào trở về chỉ cốt để thăm-gia-đình nhưng đều cũng sẵn-dịp-di-cho-biết.

Hãy đọc thêm một đoạn của học giả Nguyễn Huệ Chi, người rất có thẩm quyền về những thắng tích Việt Nam, đã được đăng trên diễn đàn Talawas ngày 21/ 9/ 2005

... trèo lên Ngọa Vân Am ở phía tây hòn Yên Tử, ở độ cao khoảng 1000 mét, nơi người anh hùng hai lần lãnh đạo cả nước chống giặc Nguyên và cũng là vị tổ của nền Phật giáo thống nhất đời Trần : dòng thiền Trúc Lâm-Trần Nhân Tông, an tịch, người ta thấy choáng váng đến sững sờ : ngôi tháp Phật hoàng tức tháp Trần Nhân Tông cao sừng sững, bị đào rỗng ruột đứng vững vờ trước gió, bài vị bằng đá đen và một tấm đá bán nguyệt rất lớn khắc mấy chữ "Phật hoàng tháp" thật đẹp trong niên hiệu Minh Mạng (1839) bị đập thành nhiều mảnh... (2)

Em nhỏ, em có biết tại sao vậy không, những chùa chiềng, đền đài, tượng đồng, những con hạc gỗ, những đồ sứ đồ sành... những cổ vật vốn vô tri nhưng hữu tình vì thường chứa đựng trong nó cả lịch sử của một dân tộc mà bất cứ một người văn minh nào cũng trân trọng gìn giữ

lại bị đập thành nhiều mảnh.... Vì ở quê hương của em, từ hai thập kỷ qua, những kỷ vật đó đã trở thành một món hàng thời thượng. Khi nghe em hứa sẽ đi thăm những chùa chiềng, tượng Phật thay cha, tôi muốn rưng rưng...

Thử đọc tiếp một bài viết khác từ năm 2000 của giáo sư Phạm Cao Dương, cũng là một người rất có thẩm quyền về lịch sử. Ông trích lại một bản tin từ trong nước

... trong khi đó các đền chùa cổ tại Việt Nam, đặc biệt là tại miền bắc, đang bị trộm phá tan hoang. Chỉ tại địa bàn tỉnh Hà Tây gần đây đã liên tục xảy ra hơn 70 vụ trộm cắp cổ vật . Tại bốn huyện Chương Mỹ, Hoài Đức, Quốc Oai và Thạch Thất, trong lúc công an đang tiến hành điều tra truy tìm thì vào một đêm tháng 9/ 1999, tại chùa Tây Phương ở huyện Thạch Thất, kẻ gian lại đột nhập lấy đi một tượng Phật Bà nghìn mắt và một số đỉnh đồng... Ta cần để ý là những pho tượng ở các chùa không phải nhỏ và nhẹ... (3)

Em có hiểu cái lưu ý của tác giả không... .. *Ta cần để ý là những pho tượng ở các chùa không phải nhỏ và nhẹ...* Điều đó có nghĩa là không phải ai cũng có khả năng cạy, gỡ, khuôn vác và chuyên chở những pho tượng *không phải nhỏ và nhẹ* và mua bán và "xuất khẩu" sang tận Trung Hoa ! ? !

Tôi áy náy khi nghe em dự trù đi viếng thăm những dấu xưa tích cũ của một nền văn hiến khi dường như qua bài viết của ông Phạm Cao Dương, thì đó không chỉ là những vụ trộm vặt. Dường như còn có gì trong đó nữa...

... có điều ở cả hai việc, chính quyền Hà Nội đã tỏ ra hoàn toàn bất lực hay không để ý tới, đôi khi có vẻ như đồng lõa trong cảnh hỗn loạn của chợ chiều... Cái đau và

cũng là điều mỉa mai đối với người Việt là rất nhiều những cổ vật này là thuộc nhiều trăm năm trước. Trải bao thời loạn lạc, tất cả vẫn còn đó và được chính người dân đời này sang đời khác nối tiếp nhau gìn giữ. Các chính quyền bị gọi là phong kiến tối tệ xấu xa không hề đụng tới. Người phương bắc và người phương tây cũng không đụng tới được. Bây giờ dưới một chính quyền gọi là của nhân dân, chúng đã bị cướp mất... (3)

Tôi sợ khi em về, em sẽ thấy ngã ngang trước những bể bờ không, những tháp nghiêng ngả vì gổ đá gạch ngói bị cạy gỡ nhiều phen... hay là những tu sửa chắp vá nhờ nghệch, cầu thả, sơn phết lòe loẹt lừa mắt chỉ cốt để thu tiền du khách mà chẳng có một chút ý tứ văn hóa nào. Em muốn tìm lại hồn-thu-thảo, tôi sợ em về rồi chỉ còn thấy nước cau-mặt-với-tang-thương.

Tấm lòng em, tôi biết phẳng phiu chưa từng gấp nếp. Em mơ nhân ái, em mơ hòa bình, em mơ tự do, em mơ công bằng (là những điều em đã học hỏi thấm nhuần trong những nhà trường phương tây và cũng chính là mục đích tối hậu mà mẹ cha em đã bỏ mẹ cha của họ, bỏ làng xóm của họ, bất chấp hiểm nguy chết chóc tù đầy để bế bổng dắt díu em bỏ trốn đi tìm) Hồn em phơi phơi như gió sớm, em muốn thương yêu hết nhân loại... tôi còn biết em muốn đem sự lạnh lặn của mình đắp vá che phủ cho những mảng rách rưới của hết thầy đồng loại, nói gì tới lòng em với những người anh em đồng chủng. Tôi tin lắm đoạn kết của bài hát em sáng rở một niềm tin

Trong lời nguyện cầu, trong ánh sáng chan hòa, ta sẽ gặp lại các anh em

Trở về sống với tiếng lòng, cội nguồn, với đất mẹ quê cha
Một ngày nào đó, ta sẽ về gặp lại linh hồn của ta

Một ngày nào đó, ta sẽ về chào Việt Nam

Em ở xa, và lòng em mở ra, tưởng chừng mở lớn ra hết cỡ, em xa quê, muốn nối dài cánh tay để vòng tay em ngày về ôm trọn hết anh em, những người anh em từ mấy chục năm nay ở lại cội nguồn, chỗ không như em, đã lạc lỏng ngoài cõi lạ. Có điều tôi sợ dù tay em có nối dài qua sông qua biển cũng không níu hết được những anh chị em mà em tha thiết muốn gặp lại như ... *gặp lại linh hồn của ta*, vì hiện có khoảng hơn 90 ngàn người (theo con số thống kê đăng trong bản tin của đài BBC ngày 30/6/2005) vẫn được quen gọi là "cô dâu Việt Nam" đang ở ... Đài Loan. Cũng xa xứ như em vậy, nhưng tình cảnh hoàn toàn khác em. Họ là những người con gái nhà nghèo, theo kiểu quen gọi là nghèo rớt mồng tơi, đã rời xứ sở đi lấy chồng người-nước-ngoài sau khi trải qua một thứ "chợ" kiểu như chợ buôn nô lệ thời thế kỷ 19. Cái kiểu nhà nghèo đợ vợ đợ con lúc nào chắc cũng có. Tuy nhiên tấm thân con gái biến thành một sản phẩm mua bán cò kè bớt một thêm hai, trong một thứ chợ có tổ chức hăn hoai và rầm rộ như một phong trào thì chắc chỉ có dưới thời hậu-giải-phóng. Đó là chưa kể đến còn ngàn ngàn thanh niên thiếu nữ Việt Nam khác cũng đã được "xuất khẩu lao động" qua Đông Âu từ thời còn các nước-anh-em để trừ nợ súng đạn, hay gần đây qua các nước kỹ nghệ như một món hàng để thu về ngoại tệ. Cho đến nay, vấn đề xuất cảng lao động vẫn là một phương cách kinh tế của các nước nghèo hầu giảm bớt miệng ăn trong nước và giải quyết tạm thời nạn thất nghiệp. Tuy nhiên, cái lối đem con bỏ chợ chắc chỉ có độc-quyền-việt-nam mà thôi. Trong kỳ Đại Hội Thanh Niên Sinh Viên lần thứ tư ở Sydney (Úc đại lợi), linh mục Nguyễn Văn Hùng đã lên

tiếng báo động về số phận thảm thương của gần 100 ngàn công nhân Việt đã đến Đài Loan trong cái chương trình được gọi hoa mỹ là Hợp Tác Lao Động, và gần trăm ngàn cô gái Việt Nam khác được bán đi Đài Loan làm vợ cho những người đàn ông có khi chưa từng biết mặt, có khi thành vợ chán chê rồi lại được sang nhượng lại cho một người đàn ông khác. Chuyện nghe ra như từ một thời nào xa xăm lắm, phải không em.

Một người nghèo có khi là trách nhiệm của chính họ. Một gia đình nghèo cũng có thể tại chính họ. Nhưng mà hàng trăm ngàn gia đình nghèo khó và dốt nát tới nỗi tuyệt vọng phải bỏ xứ, bỏ thân, bỏ nhân phẩm và "tự nguyện" biến thành nô lệ tình dục, tôi tớ, bị hành hạ đánh đập không một phương tiện tự vệ thì chắc không phải là chỉ tại chính họ. Người ta có thể chịu nghèo mọi cách khi còn một niềm tin. Chỉ khi không còn một niềm tin nào nữa, người ta mới thí mạng... mình. Thông thường thì niềm tin của người dân phát sinh từ những việc làm của chính quyền một nước. Đã có hay không những việc làm phát sinh những niềm tin ở đó.

Nghe em hát, xa xôi tôi vẫn biết lòng em tha thiết ngân nào với quê cha đất tổ. Tiếng hát em là tiếng lòng chung của cả một thế hệ em út tôi, con cháu tôi. Những đứa trẻ chưa từng thấy lá tre lả lả làm sao, nhịp cầu tre lắt lẻo thế nào, chưa được nghe tiếng mẹ ru ví-dầu-cầu-ván, chưa nghe tiếng con đẽ gáy te te sau hè, chưa từng tắm truồng dưới cơn mưa nhiệt đới, chưa chạy chân trần thả phăng con diều giấy trên cánh đồng đầy rạ... Nhưng em vẫn mang một giấc-mơ-việt-nam
Tội nghiệp em, giấc mơ thì tuyệt vời !

Tội nghiệp em, nếu giấc mơ đó tan tác khi va chạm với thực tế. Em sẽ ngỡ ngàng biết bao nhiêu. Không chừng em còn tủi thân nữa. Nơi em ở, những người di dân Ý vẫn hân hoan về một nước Ý của họ. Những người gốc Đức, gốc Hy Lạp... ngay cả gốc Ba Lan, gốc Tiệp Khắc vẫn còn rất nhiều khó khăn nơi cố quốc, họ vẫn tìm được một niềm tin vào ngày mai của đất nước họ. Còn em, em sẽ trở lại nơi đất nước đã cưu mang em, có gì không trong túi xách hành trang nhẹ hững. Em sẽ tiếp tục vỗ về mình bằng huyền thoại một mẹ trăm con? Hay em phải an ủi mình bằng những ảo tưởng được thống kê như người ta vẫn quen làm ở đó. Em sẽ kể lại gì với bạn bè em về một chuyến về quê ? Không lẽ bằng cách giải thích giáo điều đến ngô nghê rằng đó chỉ là hiện tượng ? Và không lẽ bằng cách kể lại một câu chuyện khôi hài (xám) mà em đã nghe được rằng ... thì... là Việt Nam chỉ mới đi được một phần ba đường, mà là cái phần ba thứ nhất trong cái câu tuyên ngôn xanh dờn có ba vế "Không có gì... quý hơn... độc lập tự do". Ôi cái phần ba đường "không-có-gì" sao mà thăm thẳm !

Tôi không muốn gieo vào đầu óc trong trắng của em sự hoài nghi hay thiên kiến. Hàng ngày trên báo trên web còn nhan nhản ngàn điều tệ hại khác nữa. Ở đây tôi chỉ muốn trình bày một vài sự thực mà những chuyến đi đi về về của những người lớn quanh em có thể tạo ra cho em những huyền hoặc như mưa sớm ở Lô Sơn cứ làm người ta tưởng đỉnh núi là thiên thai, mà chừng mưa tạnh rồi thì núi đá vẫn là núi đá.

Mà cũng tại tôi nghe tiếng Bonjour Vietnam của em làm tôi quá đổi xúc động. Tôi cũng như em vậy, tôi cũng muốn được một lần về chào lại Việt Nam. Tôi đã sống

gần nửa đời tôi ở đó. Và thịt da tôi còn nám nắng Việt Nam. Và miệng lưỡi tôi còn thêm thường miến cá mài-vinh nấu tô canh mẳn. Và hồn tôi còn đầy ứ những câu hát đưa em ngọt ngào, những bài vọng cổ mùi tận mạng. Tôi sẽ buồn như em vậy thôi nếu khi về mà những hoài vọng của mình trái hẳn với thực tế. Mà không chừng tôi còn buồn hơn em nữa. Em chỉ mới ở đoạn đầu một đời lưu lạc. Tôi đã ở đoạn cuối cái kiếp lưu vong của tôi. Tôi không có áo gấm để về làng. Tôi chỉ muốn hết người làng tôi mặc lại được áo ấm. Sao chưa được em hả? Khi chiến tranh đã chấm dứt từ hơn ba mươi năm nay?

Ở cuối cái slide show bài hát của em được trình chiếu trên internet mấy tháng nay, ai đó đã thêm vào một câu viết bằng tiếng Pháp.

Oui! J'irai là bas pour chercher pourquoi je t'ai quitté.

Vâng, ta sẽ về để tìm biết tại sao ta đã bỏ đi.

Câu viết là một lối chơi chữ đau lòng. Nhưng sự thực cũng đau lòng không kém. Nhất là cái viễn tượng chối bỏ khi người ta không tìm được niềm tin và hạnh diện về gốc gác của họ.

Có quê hương sao không chăm chút lại đất nước con người để đám trẻ dù thân có gởi chỗ xa ... mà rẽ vẫn có chỗ để bám vào lòng đất mẹ.

Bonjour Vietnam !

hay

Adieu Vietnam !

(1) bản tiếng Pháp và bản dịch trích từ Phần Việt ngữ của đài BBC

(2) bài trích từ số Khởi Hành đã dẫn

(3) Thế Kỷ 21 số Xuân Canh Thìn, tháng 2 & 3 2000

TUỞNG NHỚ NHÀ THƠ VŨ HỮU ĐỊNH



(1942 - 1981)

Viết về Vũ Hữu Định

**ĐẶNG TIẾN * NGUYỄN LÊ UYÊN * HOÀNG
LỘC * ĐÌNH TRÂM CA ***

THƠ VĂN VŨ HỮU ĐỊNH

Một số bài thơ mới được sưu tập

ĐẶNG TIẾN

VŨ HỮU ĐỊNH,

Tình Ca người lỡ vận

Văn thơ Miền Nam 1954-1975 được gọi là nền văn học bất hạnh. Vì nó đã bị xuyên tạc, tuyên án, thiêu hủy và bôi xóa ; các tác giả đã bị tù đầy, đọa đầy và lưu đầy. Trong số đó, có nhà thơ Vũ Hữu Định (1942-1981), từ 1972 đã xem mình như một người lỡ vận :

Ta đã hát khúc hát đời lỡ vận

Hát âm u trong đêm tối một mình . (tr.65)

Vũ Hữu Định (VHD) tên thật là Lê Quang Trung, sinh tại Thừa Thiên, sống nhiều nơi ở Tây Nguyên, lập gia đình tại Đà Nẵng và định cư tại đây. Làm thơ từ thập niên 1960, đăng báo rải rác. Năm 1975, đi học tập cải tạo thời gian ngắn vì là cán bộ Xây Dựng Nông Thôn, rồi làm công nhân Nhà Đèn. Đầu năm 1981, tại làng An Hải, Đà Nẵng, anh qua đời vì say rượu té từ lầu một, cái chết còn gây nghi vấn. Sinh thời, anh không có tác phẩm xuất bản. Đến 1996 bạn bè mới đóng góp để nhà xuất bản Trẻ ấn hành thi tập *Còn một chút gì để nhớ* gồm 45 bài, lấy tên từ một bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc và thịnh hành một thời :

*Phố núi cao phố núi đầy sương,
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn. (tr. 5)*

Hiện nay, sau khi tái bản thơ Nguyễn Bắc Sơn, Linh Phương, truyện ngắn Y Uyên, nhóm Thư Ấn Quán của Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân đã sưu tầm và in lại thơ VHD (1) để tặng biếu, không bán, trong tình thần bảo lưu và truyền bá di sản văn học Miền Nam. Chúng tôi đã có lần đề cao thiện chí này ; nay một lần nữa, xin công nhận ca ngợi một việc làm tâm huyết.

Thơ Vũ Hữu Định lần này gồm 80 bài - chắc là còn thiếu - là một tập thơ hay, tài hoa, trong sáng, đáp ứng được sở thích đông đảo người đọc ; một tác phẩm có giá trị cao về mặt tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật, lưu lại tấm lòng của nhà thơ quá cố, ghi tạc niềm thủy chung của bằng hữu, trong một hoàn cảnh lịch sử, xã hội nghiệt ngã và bạc bẽo.

*

Thơ VHĐ quay chung quanh các chủ đề : quê nhà, tình bạn , tình yêu trong khát vọng một không gian rộng rãi. Trước khi đi vào các đề tài này, chúng ta nên biết qua thân thế tác giả, qua những bài thơ tâm sự, chủ yếu là *Bài Thơ Năm Bốn Mươi* , làm dịp tết Tân Dậu, 1981, trước khi qua đời, thơ « kiểm điểm » vô hình trung thành thơ tuyệt mệnh, như bài *Di Chúc* của Nguyễn Khuyển

*Bốn mươi tuổi rồi đây
vợ năm con không no không đói*

...

*bốn mươi tuổi rồi
hai lăm năm uống đắng
(giỏi nghề rượu từ thuở mười lăm)
học hành thì lãng nhãng
thân tự lập thân từ năm bảy tuổi
không nhớ hết nghề đã trải
bán báo, đánh giày, ở đợ
đánh trống phòng trà, dạy học, làm thơ
phó giám đốc nuôi trẻ bơ vơ
còn cả chục nghề thôi không kể
ham đọc sách chẳng phải vì ham học
thần thánh trăm ông chẳng phục ông nào
ông nào cũng tốt
ông nào cũng tào lao
có lăm thánh nhân thì đời chỉ rối mù
nhiều triết học thêm tối mù đa sự*

...

bốn mươi năm khoảng dăm lần tù... (tr.86)

Trong bài *Ngựa hí đầu non* , ta còn biết thêm :

*Sinh nhằm tuổi Ngọ, đêm vừa hết..
Mới hai tháng đã biết mùi bom đạn*

1942, thời chiến tranh Nhật-Đồng Minh. Lên bảy tuổi :

*Đã theo mẹ đêm đêm qua xóm
xách đèn rao khoai sắn cầm hơi (tr.67)*

Trong bài *Cảm ơn người vợ*, 1972, ta được biết anh cưới vợ khoảng 1965 :

*Bảy năm tình chồng vợ
bảy năm em hẩm hiu
lần nào em sinh nở
ta cũng phải vắng nhà
đứa đầu lòng tù tội
đứa thứ hai, đi xa. (tr.129)*

Chúng ta không biết rõ anh tù tội vì việc gì, làm gì đến nỗi đắm lặn tù. Theo chứng từ của bạn bè, VHĐ là người cởi mở, vui chuyện, ưa rượu, ưa bạn, đàn giỏi hát hay, nhẹ trách nhiệm gia đình, vợ con đương nhiên là phải khó khăn. Và anh cũng thừa nhận điều đó :

*Năm đứa con như nă m hạt ngọc
Nếu không có em sao khỏi cát lằm
Còn anh thì cứ lông bông... (tr. 88)*

Tháng 3/1973, nhà thơ Tường Linh có bài *Gặp lại Vũ Hữu Định*, ghi nhận hoàn cảnh của anh :

*Thì ra người chữa hết gian nan
Thôi hãy cầm như lửa thử vàng...*

Chúng ta đã chấm phá được đôi nét chân dung VHD.
Chân dung ấy sẽ rõ nét hơn khi quần tụ bạn bè, trên
chiếu rượu :

*Nợ nần chuta thoát nổi
càng nợ, càng hăng vay
thiếu cái danh, nhưng không thiếu bạn bè
đi đâu cũng có phần rượu tặng. (tr.85)*

Trong mọi tình cảm, có lẽ tình bạn là mang nhiều âm sắc
thời đại nhất. Đã xa rồi những « cố nhân » trong thơ
Đường, thơ Tống. Xa rồi giọng u hoài, trầm mặc của
Nguyễn Trãi

*Bạn bè đất Việt ai thăm hỏi
nhờ nhân : đời ta vẫn cỏ bồng*

Hay giọng bản khoả, xa xăm của Nguyễn Khuyến thăm
hỏi bác Châu Cầu, *lụt lội năm nay bác ở đâu*, giọng nhẹ
nhàng, thơ mộng của Huy Cận *thương bạn chiều hôm sâu
gối tay*. Cũng đã xa rồi những *Tống Biệt Hành*, *Vọng
Nhân Hành* của Thâm Tâm. Tao loạn, thì đất nước đã
trăm lần tao loạn. Nhưng chiến cuộc 1960-1975 mang
một sắc thái đặc biệt, và tình bạn sinh tử thời này ngân
vọng một âm hao riêng, trong chất bi phần nặng phần
phi lý :

*Trên non may có tình bằng hữu
tuổi trẻ đau chung một khúc ca
ôm nhau thức với vầng trăng lạnh*

vượt lá tìm sao định hướng nhà.

*có những ngày đi trong núi thẳm
tuổi trẻ nhìn nhau, nhớ xóm thương làng
thở chung một tiếng nghe sâu cháy
tâm sự chuyển nhau điệu thuốc quan san*

*cám ơn điều đứng rừng sinh tử
cạm bẫy người giăng để giết người
tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa
giữ dùm nhau những tiếng chim cười. (tr.45)*

Bài *Chuyện người Tuổi Trẻ* này, VHĐ làm tặng nhà thơ
Trần Dạ Lữ, cùng một bài khác, mang rõ nét thời sự :

....

*Ngày Huế giải phóng
mây lang thang trong Nam*

...

*xa nhau càng nghĩ càng thương
thằng bạn thơ cuộc đời bầm dập
trốn lính, đi lính, rồi thì học tập
thương ơi câu nói « ở rặng cho vừa đời »*

...

*nghe nói mây về quê đi bán bánh mì
vợ giết mướn cho nhà thương để
rồi nghe nói mây đi Nam trở lại
quê không dụng nỗi đôi vợ chồng thơ
năm năm rồi mây sống xa quê
ôi cái làng quê Nam Phổ Hạ
thời chiến tranh mây quay quắt mong về (tr.42)*

Hòa bình, thống nhất mà lại làm nhiều người xa quê - và

xa nhau - hơn là chiến tranh, chia cắt. Bài thơ này làm khoảng 1980, bắt đầu bằng câu ca dao quen thuộc :

*Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay
Ai hiểu sao thì hiểu.*

Tình bạn, bao giờ cũng mang tính cách thời đại, xã hội. Tình yêu có không gian rộng rãi hơn : tiếng sét ái tình có thể giáng xuống bất cứ lúc nào và nơi nào. Tình bạn có thuở, có thì, có nơi, có chốn. Yêu nhau rồi mới ngồi vào chiếu ; ngồi vào chiếu rồi mới ra tình bạn. Bá Nha, Tử Kỳ cùng chiếu nhạc buổi Xuân Thu. Quản Trọng, Bảo Thúc cùng miếng đỉnh chung thời Chiến Quốc. Montaigne và La Boétie cùng phất áo giữa tòa án Bordeaux. Nguyễn Khuyến, Dương Khuê áo mào đồng khoa... Vũ Hữu Định, Trần Dạ Lễ, Trần Hoài Thư, cùng nhiều bạn khác cùng gói đầu trên báng súng, tai nghe trực thăng, đại bác... Cơn binh lửa tạo ra và củng cố tình bạn. Cái quý là tình bạn còn lại sau cơn binh tàn, lửa tắt. Và quý hơn nữa, trong tình bạn ấy, sau khi chất lọc tiếng trực thăng đại bác nhiều nưong, còn lại tiếng đập cùng nhịp của những trái tim. Ấy là tình người. Tình yêu là định mệnh cá nhân ; tình bạn là cơ duyên thời đại. Cao quý thay lòng chung thủy giữa những tâm hồn tự nguyện, trong tình yêu cũng như tình bạn.

Vũ Hữu Định, người đã ra đi, tình còn ở lại.

*

Nói đến thời đại là nói đến quê hương. VHĐ tha thiết với quê hương, dù anh sinh một nơi, sống một nơi và giữa hai

nơi là những bước chân lang bạt kỳ hồ. Anh khẳng định :

*Mùa lúa năm nay dòng dòng đã trở
anh yêu mùa yêu đất yêu quê. (tr. 29)*

Nhưng quê anh nơi nào ?

*Những con lạch anh chèo ghe thăm lúa
thả lưới giăng câu, mười mấy năm ròng*

...

*Cau với bưởi bây giờ thơm hương trái
em bên vườn da thịt có thơm không ? (tr. 28)*

VHĐ là « kẻ chợ », dân thành phố ; ở đây anh thác lời « kẻ quê », một nông dân mười mấy năm cày sâu cuốc bẫm, nhà mới thay tranh mong đón em về... Lời không thật nhưng tình thì thật.

Tình quê nơi VHĐ, quyến với tình bạn và tình yêu là một khát vọng hạnh phúc trong nguồn cội. Quê hương của VHĐ không chính xác như trong những « bức tranh quê » mà ta đã gặp, những đồng chiêm trũng miền Vụ Bản, Nam Định của Nguyễn Bính, hoặc thôn làng sơn cước Hà Tĩnh trong thơ Huy Cận, hay làng Trung Phước dưới chân núi Quảng Nam trong thơ Bùi Giáng, Tạ Ký, Tường Linh. Nơi VHĐ, quê hương làm tâm cảnh tượng trưng cho một giấc mơ. Giấc mơ Trở Về của đứa con biết mình lạc hướng, vì cơn lốc của lịch sử đã đánh, nhưng cũng có phần cố tình lạc hướng. Phải hiểu như thế mới giải quyết được nhiều mâu thuẫn trong thơ anh.

Và hiểu rằng nỗi nhớ nhà thường xuyên ám ảnh anh,

không giống với nỗi nhớ bất ngờ, bất chợt trong thơ
Nguyễn Bắc Sơn đồng lứa :

*Qua cầu Sông Lũy nhìn quanh quất
Nước đỏ cầu đen chợt nhớ nhà*

Tình quê, đề tài cho nhiều bài thơ, có thể là nền thơ
VHĐ :

*Mây còn bay nên đời còn mộng
tuổi trẻ ra đi sao lại nhớ nhà
ơ người tuổi trẻ sầu trong mắt
đêm trên rừng mộng gọi quê xa .*

*quê xa ta có em và mẹ,
nhớ ao bèo xanh bông tím thiết tha
nhớ người con gái bên hàng xóm
chiều thả thuyền vớt mộng nở hoa... (tr.44)*

Cảnh mơ hồ nhưng tình tha thiết. Quê xa đây là mộng
tưởng. VHĐ không được hạnh phúc có một làng chính
xác để ca ngợi như Huy Cận, Bùi Giáng. Nhưng anh
chẳng quan tâm đến điều đó :

*nghĩ ra thì ở đâu cũng vậy
ta vẫn là ta khinh bạc đắng cay.
có lẽ ta là thằng bất sá
có sao ở đâu rồi cũng bằng lòng
thả trôi cái sống cho đời đạt
mẹ buồn ta tóc trắng lưng cong (tr.76)*

Quê hương, nơi VHĐ là niềm u hoài khôn nguôi, hướng

về cõi hạnh phúc đã mất hay chưa đến, trong nghĩa « quê hương và lưu đày » trong Kinh Thánh, hay Albert Camus.

U hoài bốc men cho những vẩn bay bướm :

*Hoa dại ven đường gửi lại các em
Tiếng giã gạo gửi cho người mất ngủ
Trăng mười bốn gửi tâm hồn thiếu nữ
Trăng mười lăm gửi những kẻ yêu nhau*

*

Tình sôi nổi, thiết tha nhất trong đời người có lẽ là tình yêu. Thơ tình yêu là lối thơ dễ làm và khó hay nhất. Một là vì đề tài lâu đời trở thành khuôn sáo, hai là người làm thơ tình khi thành thật thì chủ quan, đắc ý, tự nghĩ thơ mình là hay, hóa ra dễ dãi, trong khi người đọc bên ngoài, cho rằng lảm cẩm. Thơ tình ngày nay, muốn thành công, phải giàu lượng trí tuệ và chất nghệ thuật ; nhưng thơ hoa mỹ lại mất nét thành thực đơn sơ. Mà tình yêu chính là cảm xúc đơn sơ.

Thơ tình VHD gây cảm xúc vì chỗ tha thiết mà tự nhiên ấy :

*Anh đang sống thiếu một phần thân thể
sống thiếu em nên anh thở không đều
thèm ngực trần, môi ngọt với tay yêu
đã trôi chạt hồn trăm năm lãng tử*

...

*đã quen đau nên thấy được mặn mà
của tội lỗi mà anh kêu hạnh phúc
ôi vết chém đã qua thời đau nhức*

*đâm da non để thành sẹo muôn đời
anh thở đều để sống em ơi. (tr.31)*

Hơi thở rạo rức đã phả vào bài *Tiếng Dội của Sương Chiều*, 5 chữ nhẹ nhàng nhưng da diết, trong sáng mà hàm súc - một bài lý tưởng để phổ nhạc (câu này viết nhắn gửi Phạm Duy) :

*anh nằm đây, ngồi đây
ngó nước nguồn reo vỡ
nước nguồn chảy bao năm
đá núi mòn dấu nhớ
anh nằm đây, ngồi đây
một mình anh vẫn thở
mười năm trong trắc trở
anh thở khác ngày xưa
nghe dội tiếng rừng mưa
nghe vang lời tuổi nhớ*

...

*anh nằm nghe lay động
đau của những nhánh cành
anh ngồi trong lá xanh
trên những hồn lá chết
tay anh nắm tha thiết
những chiếc lá còn tươi
thả xuống suối mà chơi
trôi đi còn tiếng dội... (tr.33)*

Nguồn thơ róc rách tuôn tuôn tự nhiên, u uẩn trong veo, thấm tươi đau đáu, trầm lặng ngân vang. Một bài thơ tình

hiện đại, rõ nét nếu ta so sánh với *Tình Quê* đồng dạng của Hàn Mặc Tử, nửa thế kỷ trước. Đầu đó, trong *Thân Phận làm Người*, André Malraux đã định nghĩa tình yêu là « cái phần mình thay đổi ở người kia », nghe sâu sắc, nhưng trừu tượng. VHD nói *anh thở khác ngày xưa* có cường điệu nhưng cụ thể, và xúc động. Thể ngũ ngôn ngắn hơi, ít để lại tác phẩm hay. Bài *Tiếng dội của Sương Chiều* là một tác phẩm toàn bích.

Cùng một hơi thở - hơi thơ ấy còn có bài *Rừng Hương Mật* đắm đuối. Cảm hứng tuôn tràn một mạch , ào ạt, sung mãn mà âm trầm, tao nhã. Thao thao tình cảm, thao thiết ưu tư :

*Anh đang sống - đang thở đều rất lạ
Thở yêu em yêu đau đớn của đời
Anh cảm được phút của mùa đang đổi
Giây của sông dừng lại đợi chiều trôi
Ở đâu đó rừng của Thu ảm đạm
Uống chút hương hoa của suối mà say
Mây của nghìn năm mây vẫn là mây
Nhưng một buổi lạ như vừa mới có*

...

*Một ngày nào mặt trời kia rét lạnh
Máu đỏ trùng dương một lần chết cuối cùng
Giác lạnh vang lời gió nhẩn với rừng
Anh hối hả trở về mau cho kịp. (tr. 82)*

Nhịp thơ dập dồn, hình ảnh điệp điệp, ý tứ trùng trùng, tuôn tuôn từ một *hồn ứ* chứa bao nhiêu tình rừng thắm. Do đó mà thơ tình VHD ngày nay còn gây hào hứng. Thơ tình, chứ không huê tình kiểu « áo nàng vàng anh về

yêu hoa cúc ». Thơ tình xưa nay thường khệ nệ đeo thêm phần thuyết lý, dạy đời : thơ Pháp từ Ronsard đến Aragon, thơ Việt từ Nguyễn Trãi « *dầm ảm thì thương kẻ lạnh lòng* » đến Xuân Diệu « *vội vàng lên với chút* ». Thơ VHĐ mang sắc phơi phới, hồn nhiên, đốn đau mà vẫn tin đời - có lẽ do niềm tin ở trời đất, mà anh diễn đạt rất mãnh liệt trong bài tứ tuyệt :

*Sương quá, nâng ly, khà một tiếng
Mừng rằng sắc núi vẫn màu xanh
Đám mây bay thấp ngang nhà cỏ
Hương rượu nồng hơn mọi thứ tình. (tr.6)*

Tâm giới hào sảng trước sắc giới ưu ái như trong đoạn thơ trên, được định hình trong một thi giới bao la, biển rộng trời cao. Thơ VHĐ ít có giới hạn chật hẹp, nếu Pleiku *phố xá không xa* thì cũng được nắn rộng bằng *sương mù, cây xanh, núi cao* - và nhất là có em !

Nơi VHĐ tình yêu, tình bạn, tình quê, quện vào niềm nhớ đất thương trời mệnh mang mệnh mang mệnh mang.

*

Hình ảnh tạo tính nhất quán cho tập thơ, xuyên suốt, tiếp dẫn các bài thơ, tự rừng núi đến thôn quê, ao bèo, thửa ruộng, lũy tre, mái nhà, là con chim.

Một mặt chim là tri âm, chia sẻ tâm sự và ước mơ :

*Có lẽ con chim rừng bữa nọ
Hát với anh là chia sẻ ngọn nguồn. (tr.74)*

Chim là một ẩn dụ đa hiệu. Hình ảnh thị giác, nó là

không gian gần mà xa, cảm nhận thính giác, tiếng chim là thời gian dội vào tim, có khi hẹn hò hoan lạc thủy chung :

*Con chim bỏ đi có bạn quay về
Cất tiếng hát chào niềm vui của gió. (tr. 108)
Có khi nhắc thân phận hiện thực trở vơ :*

*Con chim lạ lòng năm nọ của tôi ơi
Hóa mấy kiếp mà sao tôi vẫn vậy. (tr.110)*

*

Thơ VHD là điển hình cho thơ trữ tình hiện đại. Nó không gai góc, thách thức ; ngược lại nó kết thân, đắm thắm, quen thuộc. Lay động người đọc bằng tình cảm trong sáng và thiết tha, bằng nét tài hoa vô tội.

Đây là đoạn cuối trong bài thơ « kiểm điểm » VHD làm 1981, trước khi vĩnh biệt trần gian :

*Ta đang nhớ thuở sông dài núi rộng
đường thênh thang của một gã giang hồ
ta đang thèm đi để học làm thơ
chờ ta đến xin nhớ phần rượu tặng. (tr.89)*

Câu thơ tuyệt mệnh thu gọn không gian, cuộc đời, tâm tình, hoài bão văn chương và những khát vọng chưa nguôi của Vũ Hữu Định.

Trên chiếu rượu vui ít buồn nhiều hôm nay, bạn bè, trong và ngoài nước, luôn luôn giữ phần rượu tặng, cho Định ơi,

Đăng Tiến
Orléans, ngày 25/2/2006

¹ *Thơ Vũ Hữu Định*, nxb Thư Ấn Quán, Hoa Kỳ, 2006
PO Box 58, South Bound Brook, NJ 08880, USA – E-mail
tranhoaitu@yahoo.com.

Chúng tôi trích dẫn và đánh số trang từ sách này.

NGUYỄN LÊ UYÊN

**Vũ Hữu Định, người lang thang
với thơ trên đôi dép cỏ.**

Đọc thơ Vũ Hữu Định nhiều đâm “ghiền” như “ghiền” hương thơm của người trinh nữ. Chỉ tiếc là chưa một lần gặp mặt anh qua những bức thư hẹn hò. Chúng tôi như hai con thú hoang ở hai đầu cánh rừng ngút ngàn lùm bụi, khói sương, suối sâu và bờ vực. Chúng tôi đuổi bắt nhau như bắt lấy chính bóng mình. Đó là những năm tháng kinh hoàng và mệt mỏi khoảng đầu thập niên 70. Tôi ngồi chờ anh ở nhà Hạc Thành Hoa (bên bờ kênh Cái Sơn, Sa Đéc) thì anh đã lên Sài Gòn. Phóng vội xe đò lên Sài Gòn thì hình như anh “nhìn thấy cốm sôi chột nhớ nhà” và leo xe đò về Đà Nẵng

Đang múa may chữ nghĩa với đám môn đệ ở sông Cửa Tiểu thì nhận được điện tín kêu “lên gấp, Định chờ cậu hai ngày nay”. Cứ như vậy, kể cút người kiếm và cuộc hẹn hò chỉ còn nổi đầu hiu “văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình”, cho mãi đến ngày tan tác chia ly và tới hôm nhận được lá thư từ miền Trung gửi vào báo tin Vũ Hữu Định vĩnh viễn bước đi trên lều trắng vàng dải kéo tít tận trời cao thăm Hai con đường trắng xa lác cỏi mông huyên:

một rạch đường trắng soi tận đáy sông sâu và một bước
thên thang trên đường trắng ngút ngùi vô hạn. Cách xa
nhau trùng trùng thời gian không chọn lựa, nhưng đều
đến chung một đích tằm đằm trắng trong cõi bỗng bát
ngát.

Tối đây thấy lúa vàng đang chín
Dừng lại nhìn thôn xa khói bay
Không biết nhà ai đang nấu rượu
Thoang thoang hương mùa đã muốn say.

Năm kia, PCS bắt gờ ghé nhà, rủ đi Pleiku. Đi khơi khơi
chứ không mục đích gì rõ ràng. Tôi phóng lên chiếc xe 4
chỗ ngồi của anh, dọc theo đường 7 đi Cheo Reo, Phú
Bổn lên “phố núi cao đầy sương”. Dọc đường hai anh em
nhắc đến Vũ Hữu Định và đọc thơ Định với những lon
bia ướp đá mang theo trên xe. Một cuộc tưởng nhớ nhà
thơ theo phong cách của các đại gia lãng tử, rừng cây
thưa giật lùi, gió vút xạt ra sau, quanh co đèo Tona với
thung lũng Hồng sâu hoắm đá gềnh hai mép bờ sông Ba.
Những cánh rừng thưa, đồng ruộng hẹp, những cánh rừng
cao su thẳng tắp nối dài lên “phố núi”. Và rồi Pleiku
sáng ánh đèn, đường dốc chập chùng lấp loáng. PCS lái
xe đi thăm bạn bè, tôi ra vỉa hè ngồi uống cà phê ngắm
“em Pleiku má đỏ môi hồng”. Em rực rỡ và ướt đẫm
trong cơn mưa đầu mùa. Em lung linh trong ánh đèn treo
cao trên cây, em thấp thoáng sáng tối trong bóng cây che
bóng, chập chờn trong tâm thức ngái ngủ nhớ quen.
Không thể dẫn lòng, tôi buột miệng như một sự tình cờ:

Phố núi cao phố núi đầy sương
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn

*Anh khách la đi lên đi xuống
May mà có em đời còn dễ thương
Chủ gánh cà phê rong là một phụ nữ, không thể đoán
được tuổi tác, ở phía bóng tối tiếp lời:*

*Phố núi cao phố núi trời gần
Phố núi không xa nên phố tình thân
Đi dăm phút đã về chốn cũ
Một buổi chiều nào lòng bỗng băng khuâng.*

Cái thằng tôi lúc đó chợt nổi máu “cải lương” sau khi
nhấp ngụm cà phê đắng ngắt mà ngọt đến lưng lửng cổ
lòng tan hoang:

*Em Pleiku má đỏ môi hồng
Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
Nên mắt em ướt và tóc em ướt
Da em mềm như mây chiều trong
Xin cảm ơn thành phố có em
Xin cảm ơn một mái tóc mềm
Mai xa lắc bên đồn biên giới
Còn một chút gì để nhớ để quên.*

Khách ngồi quanh là những cô những cậu trẻ măng nhìn
chúng tôi như thể là đôi tình già chiều tắt nắng. Còn tôi,
trong tận cùng sâu cảm, nghĩ bà chủ gánh cà phê rong,
hắn xưa kia là nữ sinh một thời áo trắng và yêu thơ Định.
Tôi định bắt chuyện, nhưng lòng thì ngại ngùng đám con
cháu ngồi quanh, chưa tìm ra câu mở đầu thì PCS tới.
Hắn đưa tôi ra nhà hàng xa ngoài thành phố. Các quý ông
quí bà đã ngồi sẵn quanh chiếc bàn rộng. Chào nhau. Mở
champagne và nâng ly xã giao kiểu cách. Họ nói những

chuyện phù phiếm về ca sĩ VN, về những bộ phim kích dục. Những món ăn phù phiếm bắt chước phương tây, rượu tây rồi kéo nhau ra sàn nhảy. Bạn tôi cũng mê đắm xoay tròn điệu valse trắng lóa, đổ lữ hừng hực tango như muốn cầu xé ngay bà mệnh phụ trong vòng tay chặt. Tôi mở trừng mắt nhìn màu hổ phách, nhìn đèn chiếu hư ảo trên vách trắng tõe màu tựa con thiên nga phun những giọt máu cuối cùng trước khi ngã gục bởi phát đạn của kẻ a tông. Con thiên nga bẹp dí trên bãi cỏ xác xơ, giấu kín tiếng kêu bi thương dưới lớp lông trắng nuốt:

*Cũng có lúc tới với đời dư dả
Có quanh anh lời hạnh phúc của người
Đồng đủ những vẻ giàu vẻ đẹp
Lời hẹn hò xanh, đưa đón hồng tươi
Trong đám đông anh lại càng cô độc
Bởi một nơi đâu cũng ăn tạm ở nhờ*

Nhạc pháp phùng trong lớp sáng tối chao nghiêng. Tôi ngán ngẩm xô ghế đứng lên và bước ra. Con đường rộng thênh sáng hắt hiu. Đêm về khuya lạnh. Sương thả nhẹ đủ vuốt lạnh cổ cây, đồi núi và lạnh xiết trong lòng. Ngày xưa, Định có đi ngang qua con đường hoa cỏ này để thốt lên cõi bạc lòng như anh đã từng thất tình về một cánh bướm, con chim, dòng suối:

*Rằng đá sỏi cũng đau như là nước
Anh biết mây cũng một chút muộn phiền
() Sáng khi đứng trên đèo cao cũng nhớ
Chiều anh đi theo con suối ngoằn ngoèo
Em còn bóng mà tâm thì đã mất
Em ở nơi nào, anh vẫn đi theo.*

Và “anh đi theo” thật. Anh lang thang với bóng hình biệt tăm kia trên đôi dép cỏ của người lữ hành muôn năm cô độc. Anh đi về phương Nam. Anh vòng ra phương Bắc và vĩnh viễn về phương Tây với cơn say túy lúy, nghiêng ngã đất trời bởi bóng hình Em vô tưởng. Những bước chân trên đôi dép cỏ lang thang cùng trời cuối đất chưa dần nổi lòng trống trải, chưa tịnh được cõi mộng kéo dài lê thê, bước chập chờn trên những nẻo đường gầy khúc, buồn lòng ghé “quán cô hồn” một cách tình cờ, để nhận ra nỗi cô đơn thứ hai khủng khiếp hơn:

*Chiều khó thở ngồi bên quán xép
Một miếng khô, một xị rượu nồng
Nhai là nói với đời lặn dận
Uống là nghe sâu cháy long đong
Khi cô quán đốt đèn dầu hỏa
Nhan sắc cô em buồn bã vô cùng
Khi nghe tỏ: cô mới làm quả phụ
(Thời yêu nhau chưa hết một mùa đông)
Muốn nói cùng cô đôi điều an ủi
Nhưng có điều gì để đáng nói đâu
Ta là khách. Còn cô hàng là chủ
Cũng có trong lòng một hố sâu*

Quành trở lại gánh cà phê rong trên vỉa hè, nhưng chỉ thấy những tàn thuốc vương vãi. Định bụng chia sẻ về một quá khứ xa xôi đã không thành. Định bụng tỉ tê về một bạn thơ và những bài thơ tình, thơ rượu đã lặn sâu sau ánh đèn vàng vọt trên “phố núi” của anh một thời yêu dấu. Tôi lang thang dưới cơn mưa khuya heo hắt và

tưởng tượng những bước chân lang thang cùng trời cuối đất của anh ngày nào. Chớ chi mà giờ này còn một quán rượu nghèo. Chớ chi mà đêm trở giấc là ngày, là buổi chiều lấm thắm mưa bay là buổi tối mưa bay lấm thắm để ngồi uống một ly rượu nhạt nói với anh câu hờ vô trong cõi tịnh yên. Và bỗng nhiên tôi nhớ đến bài thơ “thiếu rượu” của Định viết hồi năm 73. Không phải cách thiếu rượu của Nguyễn Bắc Sơn tan nát anh hùng: “Mùa này gió núi mưa bưng/Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan/Mùa này gió bãi mưa ngàn/Trong lòng thiếu rượu hoang mang nhớ nhà”; mà là một nỗi buồn mênh mông như lớp sương mù che kín sóng biển khơi. Tôi nhớ mãi bài thơ này, bài Đêm Mưa Thiếu Rượu Nhớ Lý Hạ là lúc chúng tôi chạy vòng vòng đuổi bắt nhau mà không nắm được tay nhau, không nhìn được mặt nhau, nói dăm ba câu thơ thẩn, chỉ có mẫu giấy vàng ố, to hơn bàn tay xòe, chữ bút bi nhòe sưng nước. Tôi giữ mẫu giấy của anh mãi đến ngày “nát tan” thì mảnh giấy kia cũng tan theo thế cuộc. Nhưng hề chi, đầu tôi, lúc buồn buồn vẫn rung lên bài Lý Hạ:

*Lý Hạ xưa say bằng huyễn mộng
Ta nay say bằng rượu pha cồn
Cảm đau nhân thế người trong sử
Rượu đắng cay mà sao thấy ngon*

*Lý Hạ yêu người mà hóa quỷ
Ta yêu người nên nghèo rớt mồng tơi
Đêm mưa thiếu rượu thương người cũ
Ngâm vài câu Lý Hạ, rợn người*

*Cứ tưởng nằm kề bên họ Lý
Gác chân nhau nói chuyện biển dâu
Ma quỷ sợ tâm hồn utor rượu
Gối chai không mà thương nhớ nhau
Thời đại thánh thần đi mất biệt
Còn lại bơ vơ một giống sâu
Rót mãi, bao nhiêu tình cũng cạn
Nâng ly, nhìn thấy tóc bạc mau
Mưa nhức, mưa như cuồng, tức thở
Thịt rồng đâu, nem phượng ở đâu?
Đũa ngọc, chén vàng đâu mất cả
Mắm ruốc, me chua cũng cháy hết sầu
Mời nhau một chén đêm huyền sử
Lý Hạ đâu – Còn ta ở đâu?*

Đôi khi, buồn, tôi vẫn nhắn nha câu hỏi này để tự hỏi về số phận của những người viết văn làm thơ, những kẻ lang thang trong chính cõi lòng của mình.

Viết mấy dòng này như một nén nhang để tưởng nhớ anh. Vũ Hữu Định, người bạn thơ chưa từng thấy mặt, chưa từng ngồi trong quán cóc với “mắm ruốc, me chua cũng cháy hết sầu”.

Tháng 2-2002

HOÀNG LỘC

VŨ HỮU ĐỊNH ơi,
ngựa hí tiếng gì ?

Cuối năm 1972, trên đường về nguyên quán Quảng Nam, từ Biên Hoà – tôi có đọc ở tạp chí Văn một bài thơ của Vũ Hữu Định . Tôi nhớ nằm lòng câu kết của bài thơ :

nhớ mẹ thương em - ngựa hí tiếng gì !

Đọc câu thơ, thương con ngựa hí - .nhưng hí tiếng gì, chỉ thi sĩ biết ?

Năm năm phương Nam, về với quê, tôi đã ân ái thiết tình với câu thơ ấy . Thi sĩ Nhâm Ngọ đây rồi - lớn hơn tôi một tuổi – chưa gặp mặt mà vẫn cứ...vì huynh !

Mùa thu năm 1973, trong một đêm đọc thơ do trường trung học Trần Quý Cáp tổ chức tại Hội An, tôi chính thức quen biết Vũ Hữu Định. Anh vừa đọc thơ, vừa hát – cùng một giai nhân – bài *Còn Một Chút Gì Để Nhớ*. Tiết mục do anh phụ trách rất duyên dáng, sinh động – giúp cho đêm thơ thành công. Bữa ăn khuya sau đó, tôi đã hỏi anh : *Vũ Hữu Định* ơi, *ngựa hí tiếng gì ?* Anh cười đáp : Đợi đi ! Sẽ trả lời .

Trước Tết năm ấy, Vũ Hữu Định ghé tìm tôi ở trại Ước Trai, số 2 Thanh Sơn, Đà Nẵng - với một mẫu bìa báo

xuân. Anh nhờ tôi xin bộ chỉ huy Tiểu Đoàn 10 Chiến Tranh Chính Trị in giúp 500 bìa báo, như một đóng góp nuôi trẻ bơ vơ mà anh đang là...phó giám đốc ! Cũng may – tôi đã lo xong việc này. Bữa giao bìa cho anh, tôi lại hỏi : Nói đi - *ngựa hí tiếng gì* ? Anh vẫn cười : Chưa trả lời được - đợi đó !

Nửa năm 1974, tôi bận học một lớp chuyên môn ở Đà Lạt. Bỗng dưng tôi thấy Đà Lạt rất giống Pleiku của Vũ Hữu Định : cũng *em má đỏ môi hồng*, cũng *buổi chiều nào cũng chiều mùa đông*, cũng *anh khách lạ đi lên đi xuống*. Ấy mà tôi không thể bắt bài thơ Pleiku của anh nói giùm chuyện Đà Lạt của tôi . Tôi chiêm nghiệm ra một điều : em của thi sĩ là *Em Pleiku* nên mới có cái má màu đỏ, cái môi màu hồng của câu thơ ấy. Có khi đến giờ này, hể nói *Em Má Đỏ Môi Hồng* – không thể không nghĩ tới *Em Pleiku*. Còn *anh khách lạ* phải chỉ là Vũ Hữu Định, mới biết các buổi chiều, mới *đi lên đi xuống phố núi* kia, *đi năm phút trở về chốn cũ* – cùng nỗi reo chỉ trong lòng anh reo : *may mà có em đời còn dễ thương* !

Hèn chi, hai lần hỏi anh *ngựa hí tiếng gì*, anh chỉ bảo : đợi ! Anh không trả lời, như đã trả lời : *Thử giang hồ để thấy chẳng ai phong ấn*, rồi *ngủ từ quan trở lại quê* – lúc đó, nghe ngựa hí - sẽ biết *ngựa hí tiếng gì* !

Những lần gặp sau, tôi không còn hỏi anh câu hỏi cũ .

Ra tù cuối năm 1981, về lại Hội An, tôi mới hay tin Vũ Hữu Định qua đời. Anh với tôi, tình thân đủ để chào nhau, chửi nhau - cả để đọc thơ cho nhau nghe. Tình thân

ấy còn cho tôi biết một chuyện tình đẹp của anh và được đọc bản thảo tập thơ *Yêu Như Tình Đầu*... Vậy mà từ năm 1982 đến 1993, tôi chưa lần nào đến viếng mộ anh ! Có lẽ cái mặc cảm “đi chưa đủ đi - sống chưa sống đủ “ của tôi, khiến tôi thẹn ngượng cùng hương hồn người bạn cũ ? Tôi đã hoài không biết *ngựa hí tiếng* gì ?

Lúc và nơi tôi viết những dòng này, người ta gọi là Đêm Trời Tây – và Vũ Hữu Định đang nằm giữa ban ngày quê nhà . Tôi muốn đổi cùng anh mà không thể được rồi ! Anh từng lang thang khốn đốn nơi ấy - để nằm xuống nơi ấy. Tôi từng như anh mà không được như anh . Anh cũng không thể từng như tôi để chạm mặt Đêm Trời Tây, những đêm trời Tây, tôi nghe *ngựa hí* . Tiếng *ngựa Hồ* trong truyền thuyết hí vì gió bắc. *Ngựa* gì ở *Đe^m* Trời Tây hí vì gió đông ? Tôi nghe tiếng *ngựa* như anh đã từng nghe. Tôi biết *ngựa hí tiếng* gì như anh đã biết. Lẽ nào vì anh có tuổi Nhâm Ngọ mà nghe tiếng *ngựa* giỏi hơn tôi ???

Đọc tập thơ, bè bạn in vì anh, từ bên quê gửi qua, khi tôi rõ ra *ngựa đã hí tiếng* gì ! Thơ anh dung dị đến vậy, vẫn có câu phải đọc hơn hai mươi năm mới thấm. Anh đã là Thi Sĩ từ những câu thơ ấy .

Một ngày, trước mộ anh, tôi sẽ xin được kính rót thêm một *phần rượu tặng* !

* Chữ in nghiêng là chữ nghĩa trong thơ Vũ Hữu Định.

ĐÌNH TRÂM CA

Thơ , Rượu và Sự Cứu Rỗi

Bút hiệu đầu tiên của Vũ Hữu Định là Hàn Phong Lệ, làm thơ vào những năm 60. Tôi đã thấy cái tên này trên những tờ báo không có "tầm cỡ" cho lắm. Những năm đó tại Quảng Nam Đà Nẵng có những cây viết xuất hiện trên những tạp chí "bê thế" của Sài gòn và gây ấn tượng ngay cho người đọc. Những Nguyễn Nho Sa Mạc, Thái Tú Hạp, Luân Hoán, Phương Tấn, Hoàng Thị Bích Ni, Phan Duy Nhân, Hoàng Lộc, Nguyễn Nho Nhưộn, Hà Nguyên Thạch,Đynh Hoàng Sa,Tần Hoài Dạ Vũ, Triều Hoa Đại, Chu Tân, Hạ Đình Thao, Hạ Quốc Huy..vv...cứ mỗi năm một đầy thêm, đã làm mờ lấp Hàn Phong Lệ và nhiều người làm thơ khác cùng thời. Tôi cũng là người làm thơ từ thuở ấy, nhưng chẳng hề giao du với ai. Có vài anh em do "trời đất xui khiến" mà gặp nhau. Trong số hiếm hoi đó có Vũ Hữu Định.

Hình như lần tương ngộ đầu tiên là một ngày mùa đông năm 67,68 gì đó. Tôi đang ở nhà mẹ tôi sau lưng thị trấn Vĩnh Điện thì có hai người, một mặc quân phục, một mặc đồ đen XDNT (xây dựng nông thôn), đẩy chiếc xe Gobel trên đường lầy lội vào nhà. Anh Nguyễn Tam Phù Sa giới thiệu tôi biết Vũ Hữu Định. Vũ Hữu Định đang đi giang hồ qua chỗ Phù Sa đóng quân thì hết xăng. Anh đâu định ghé nhà tôi mà rồi lại ghé. Tôi chưa biết anh là ai nhưng anh thì biết tất cả những người trong làng văn nghệ từ những nhà thơ, nhà văn, đến các nhạc sĩ, họa sĩ...kể cả những người không mấy tên tuổi. Anh biết gần

hết những nơi có văn nghệ sĩ ở trên các tỉnh miền Nam. Anh nói chuyện có duyên và vui vẻ. Qua anh, tôi biết được những "cái tật" lạ thường của nhiều người tôi đã từng biết tên hoặc chưa biết. Anh thật sự hấp dẫn tôi về những "chuyện trên trời, dưới đất" nhưng vẫn chưa hấp dẫn tôi về thơ anh. Sau ngày đó thì anh mất biệt và tôi cũng chẳng còn nhớ anh.

Những năm tiếp theo, chiến tranh đã quá khốc liệt nơi tôi ở. Anh em văn nghệ đã tứ tán về nhiều hướng khác nhau. Hoàng Lộc là người gần gũi nhất với cũng nghỉ dạy học vào lính. Gần như còn mình tôi ở lại Quảng Nam. Tôi khùng hoảng trầm trọng và gần như bỏ viết. Tuy nhiên, ở đó, trong cái không khí, vẫn tiếp tục có những cây viết mới nổi lên và thỉnh thoảng họ tổ chức sinh hoạt đọc thơ hát nhạc với nhau, nhất là ở Đà Nẵng, ở Hội An. Có ba người vừa đi giang hồ vừa ca hát, đọc thơ hay tạt vào căn phòng rách nát bom đạn của tôi ở ngã tư Vĩnh Điện, đó là Vũ Hữu Định, Trần Quang Lộc và A khuê. Những nơi Hội An, Đà Nẵng, Tam Kỳ...có văn nghệ, có thi ca là có Vũ Hữu Định, trừ phi gặp phải những ngày anh giang hồ quá xa. Lần giang hồ quan trọng nhất đời anh và cả Trần Quang Lộc (nhạc sĩ) có lẽ là chuyển vào Sài Gòn mượn quán của ca sĩ Khánh Ly để giới thiệu thơ anh và nhạc Trần Quang Lộc. Tôi không còn nhớ năm nào, chỉ nhớ hôm đó Đoàn Huy Giao kể tôi nghe là hai anh đã mời tất cả báo chí và các nhạc sĩ tên tuổi đến dự. Các tạp chí có giá trị đang thơ Vũ Hữu Định nhiều hơn và Trần Quang Lộc cũng từ đó sống bằng nghề ca nhạc tại Sài Gòn.

Tôi biết Vũ Hữu Định là biết vậy nhưng phải chờ đến khi

nghe Thái Thanh hát "Còn Một Chút Gì Để Nhớ" do Phạm Duy phổ nhạc, tôi mới để ý về anh hơn. Anh cầm cái băng cassette do chính nhạc sĩ Phạm Duy ký tặng vào nhà tôi như một cơn gió mạnh. Tôi mở nghe. Một mặt băng là những bài thơ của nhiều tác giả mới được phổ, mặt kia là 10 bài tục ca do chính Phạm Duy hát. Lại một phen ồn ào rôm rã. Rôm rã vì ở chung với tôi còn có một đám học sinh rất yêu thơ, nhạc và sính chuyện làng văn. Mấy em học sinh tha hồ mượn để sang và để hát theo. Vũ Hữu Định cũng biết đánh đàn Guitar và hát rất tốt. Hình như thời gian này là thời gian anh có việc làm ở Đà Nẵng nên anh năng ghé tôi nhiều hơn. Mỗi lần anh đến là một chương trình "thế giới đó đây" được mở ra với chúng tôi. Anh luôn sôi động, luôn có cái mới để nói, để kể. Chính anh đã ít nhiều nhen nhóm lại trong tôi một chút lửa văn nghệ để tôi tham gia một vài buổi thơ nhạc tại Hội An, Tam Kỳ, Huế...và viết lại khá nhiều trong những năm 73 đến 75 để rồi chẳng còn gì sau ngày 30-4-75.

Bây giờ ở Sài Gòn, cũng như các tỉnh, cả nước, có rất nhiều nhà thơ. Họ được gọi nhà thơ tương đối khá dễ dàng, chỉ cần có dăm bài đăng báo (mà báo ở đây thì nhiều vô kể), hoặc sinh hoạt ở các câu lạc bộ thơ văn (quận, huyện nào cũng có), và một ít giao du... Thế là họ được đi vào các tuyển tập, tự nhiên đứng ngang hàng với những bậc tiền bối. Họ có thể sánh vai cùng Nguyễn Du, Tản Đà đến Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Xuân Diệu, Huy Cận, Bùi Giáng, Nguyên Sa...và cả các thi hào thế giới để nói chuyện gái, chuyện rượu.. Các báo và các nhà xuất bản công nhận họ một cách tự nhiên hơn là vì

sự rộng rãi. Không như thời của Vũ Hữu Định phải vất vả gần mười năm với bao lần thay đổi bút hiệu, bút pháp.. Nghĩ mà thương anh và thán phục anh. Quả là lòng đam mê của anh quá lớn ! Quả là trời sinh anh để bắt anh làm thơ, đeo đẳng nghiệp thơ ! Ấy vậy mà nổi khao khát in một tập thơ trình làng đến chết vẫn chưa thực hiện được ! Tôi muốn mở một dấu ngoặc ở đây để đề cao nhiệt tình hiếm có của Trần Từ Duy, một người bạn nhỏ của Vũ Hữu Định hiện nay đang viết báo Cười, đã in được tập thơ "Còn Một Chút Gì Để Nhớ" cho Vũ Hữu Định trong năm 96 vừa qua. Không những xuất bản mà anh còn vận động bán được một số tiền khá lớn để xây lại mộ cho Vũ Hữu Định. Thật đáng quý ! đáng quý ! Tiếc rằng thơ Định còn nhiều bài hay đã thiếu vắng trong tập nói trên. Theo tôi biết thì Vũ Hữu Định làm thơ tương đối dễ dàng nên thơ anh có số lượng khá lớn.

Trước khi mất độ bốn, năm tháng gì đó, anh ghé nhà tôi với một nhà văn, nhà báo tên là Cao Trần. Hai anh đã mua sẵn mồi, rượu từ đâu xách tới. Ở nhà chỉ có mẹ tôi mất đã mờ nhưng vẫn nhận ra tiếng Định. Tôi đang làm ruộng cho hợp tác xã để ăn "công điểm" trên cánh đồng cách nhà chừng vài cây số. Hai anh đã lặn lội đến tận nơi để xin phép đội trưởng cho tôi về. Dĩ nhiên tôi đã mất "công điểm". Từ sau 75 cho đến lúc đó (mùa đông năm 1980) tôi chưa hề uống giọt rượu nào.

Tôi lại đang còn bị quản chế nên lo ngại vô kể, nhưng từ chối anh thì không được, mọi việc đã bị anh cho vào thế rồi. Mẹ tôi sợ và rầu lắm nhưng bà cũng biết tính Định nên chỉ dặn dò nhẹ nhàng...Định thì rất giỏi võ về, nịnh

nột các bà mẹ nên cuối cùng tôi "chết tại chỗ" hôm đó. Khi tỉnh dậy đã là sáng hôm sau. Hai ông đã bỏ đi trước tối đó vì mẹ tôi sợ phải đi khai báo phiên phúc. Anh bỏ lại tại nhà tôi một tập thơ chép tay do anh đóng bằng giấy trắng khá dày, có tựa là "Năm Năm". Tôi đọc trong đó có nhiều bài hay, nhiều tâm sự hơn những bài thơ anh đã đăng báo trước kia. Anh qua đời khá lâu tôi mới biết và tôi đã mang tập thơ ra gửi lại cho Lê Quang Tấn, em ruột của anh. Tấn và các anh Ba, anh Tô Như Châu...ở An Hải chỉ cho tôi xem chiếc giường sắt nhỏ trong nhà Tấn mà anh đã ngủ đêm cuối cùng của đời thơ và chẳng bao giờ trở dậy nữa. Có thể anh chấm cuộc đời công nhân điện nhưng chắc chắn anh không thể chán đời làm thơ.

Bữa nhậu ở nhà tôi kể trên anh còn khuyên nhủ tôi viết lại. Anh kể về sinh hoạt viết lách tại Đà Nẵng với tất cả nhiệt tình thuở nào. Tôi đã nói với anh : "Tôi chẳng bao giờ viết nữa. Chiều đó chẳng có tôi đâu" và tôi đã nân ly cùng anh hát vang một câu thơ Hoàng Lộc :

"Đời chẳng còn ai quý kẻ làm thơ
Ta mới bỏ văn chương, tìm quán rượu !"

Anh đã chửi Hoàng Lộc xong rồi chửi tôi. Anh la oai oái. Anh thề rằng sẽ có ngày tôi gọi anh để đọc thơ hát nhạc cho anh nghe. Tôi bảo chẳng bao giờ. Thế mà nay tôi viết. Tôi muốn Định đọc xiết bao.

Tôi chưa lần nào diện kiến chị Vân, vợ anh. Nhưng qua Đoàn Huy Giao kể, tôi rất kính trọng chị ấy. Tôi cảm

nhận chị ngang hàng với bà Tú Xương. Sanh tiền Vụ Hữu Định chẳng làm gì được cho gia đình. Anh như một cuồng sĩ lang thang phiêu bạt. Nghe nói chị Vân vất vả lắm để nuôi mẹ anh, một bà mẹ đã "lẩn" và tật bệnh cùng một đàn con. Ngày xưa tôi không ưa anh lắm vì những điều này. Tôi vốn khắc nghiệt. Tôi không thích những người vô trách nhiệm, thiếu bốn phận...Hai mươi năm nay tôi lại giống anh lúc trước ! tôi mới hiểu được và thương anh. Khi tôi hiểu được thì không còn Định nữa để mời một chén rượu cảm thông. Tôi không nghĩ anh là người ham danh, hay nhẹ nhàng hơn, có chút ưu ái hơn các bạn tôi rằng anh là người say đắm thơ, rượu. Tôi biết rằng những tháng năm đen tối đời anh không nhờ thơ, rượu thì không biết con người anh sẽ ra sao ! Và cuối cùng thơ rượu đã cứu rỗi anh.

"....Cũng có khi nào anh trở lại. Mai đây, một nọ biết đâu chừng và có một lời anh sẽ nói giữ gìn nhau một chút hồn chung..."

Anh đã mất mười bảy năm tròn. Nhưng anh cũng vừa trở lại với chúng ta bằng tập thơ "Còn Một Chút Gì Để Nhớ". Trong thơ anh, tôi đã nhìn thấy rõ anh hơn những ngày tháng giang hồ lãng bạt. Tôi thấy anh quần quai khổ đau. Tôi thấy cả tấm lòng anh đầy ắp thương yêu gia đình, vợ con, bè bạn, quê hương, nhân loại...Thơ anh nhân ái, cao cả mà hồn anh thì ray rức ngậm ngùi. Tôi nói với tôi : "Thơ Vũ Hữu Định không thương đâu, tôi ạ !" Mong rằng những tập thơ của anh còn được chị Vân, anh Tấn hoặc bằng hữu của anh cất giữ đầy đủ. Cũng mong rằng Trần Từ Duy hoặc một Trần Từ Duy khác sẽ xuất

bản được cho anh thêm vài tập nữa.

Đinh Trầm Ca

Sài Gòn tháng 7-1997

TƯỜNG LINH

Gặp lại Vũ Hữu Định

Thì ra người chữa hết gian nan?
Thôi hãy cầm như lửa thử vàng
Tạm gác ưu tư ngồi nán lại
Cùng ta đối ẩm mặc canh tàn.

Ta ở phương này mãi ngóng trông
Tin người, ta đợi suốt mùa Đông
Tìm nhau giữa bóng đêm kinh dị
Ngày hẹn còn xa vết nắng hồng.

Chai rượu chờ người dịp Tết qua
Ba hôm nguyên đán, một mình ta
Phố đông rạo rức cờ ngưng chiến
Ta nhớ người thêm nỗi nhớ nhà.

Rượu vẫn còn nguyên, người uống đi
Đã lâu ta mới rót đầy ly
Bao nhiêu hệ lụy đời gieo rắc

Không đủ làm cau hai nét mi.

Có phải dường như hơn một lần
Sầu riêng người kể với tha nhân
Qua thơ đầy dáng tâm chinh phụ
Tóc rối mùa thương mấy độ xuân ?

Ta đọc rồi lây tâm sự người
Cảm ơn thơ với cảm ơn người.
Cảm ơn... uống tiếp ly này nữa
Rồi cảm ơn ngày lửa đã với.

Ta? - vẫn lừng khừng như rửa đó
Thường buồn nên cũng có khi say
- Không không, đâu dám xưng nghèo khổ
Giữa lúc bao người quá đắng cay!

Người yêu xưa hã - hơi đâu nhớ
Và chắc gì ai vẫn nhớ ta?
Tất cả trở thành bèo bọt hết
Còn gì giữa biển sóng bao la!

Xin hứa ly này thôi, ráng lên
Phải chăng người mới nhắc vài tên
Chúng không về nữa... không về nữa
Hãy cố say rồi người sẽ quên...

Gia Định 25-3-73, đêm
(Tập Chí Bách Khoa)

THƠ VĂN VỮ HỮU ĐỊNH

NGHĨ LẠI

Con gái của ba mười hai tuổi
Đôi mắt ba lúc nào vẫn đôi
Mắt con không biết lo xa

Thôi con là tuổi mộng mơ
Sao ba muốn con làm người lớn

Một đời ba gánh vác
Sao ba mong con sớm hiểu đời!

Một bài văn của Vũ Hữu Định:

Súng Đã Nổ Trong Buổi Chiều Im Lặng

LTS: Từ trước tới nay, chúng ta chỉ biết Vũ Hữu Định qua thơ. Nhưng khi đi tìm kiếm những bài thơ của VHD trong những chồng báo cũ ở thư viện Cornell (Nữu Ước) trong tháng 3-2006 vừa qua, chúng tôi đã bắt gặp bài văn của anh, đi trong Ý Thức cũ, số tháng 9 năm 1971 dưới nhan đề: “ Súng Đã Nổ Trong Buổi Chiều Im Lặng”. Chúng tôi in lại bài viết này không ngoài mục đích là chia sẻ với quý bạn cũng như với những nhà nghiên cứu văn học tất cả những tài liệu hay sáng tác của VHD mà chúng tôi ra công tìm được như là một góp phần nhỏ vào công việc hồi phục một nền di sản văn học nghệ thuật rất nhân bản của miền Nam sau cơn thất tán. Việc phê phán hay thẩm định bất cứ một sáng tác nào nằm trong di sản văn học mà chúng tôi sưu tập, xin được để dành cho người đọc với tác giả và tác phẩm.

Sau bài văn hiếm hoi này là một số bài thơ do chúng tôi chọn trong tập "thơ Vũ Hữu Định" mà bài đầu tiên là Biên Trấn Ca, theo đó nhà thơ cho biết anh đã có ba năm đóng đồn biên giới: Đồn cheo leo đón gió/Bốn mùa phen mây che/Đất trời đây một cõi/Nhớ đời chửa cho về.

Đối với bất cứ một người lính núi nào đóng đồn biên giới ở vào thời điểm này, một ngày thì cũng quá dài, nhưng ở đây là ba năm. VHD sống sót được quả là một sự nhiệm mầu...

Buổi chiều lòng trống trải, buồn từ những ngày tháng trước đeo đuổi hoài. Nản lắm, nhưng cũng đi một vòng quanh thành phố, đi qua con đường có cây và lá xanh, lá xanh làm mát lòng đưa chân ta tới thăm nhà hai anh bạn. Họa sĩ NHUẬN và C. SƠN.

Trong vườn dừa xanh ngát mênh mông, lối theo là một vườn ổi bay mùi chín tới. Ngôi nhà nhỏ lát từng mảnh xi măng dễ thương như một nhân tình bé. Nhà luôn luôn để

ngõ như lòng hiếu khách củ chủ nhân đã đi vắng và ngồi trong âm u mát rượi tuyệt vời một chiều yên tĩnh. Qua cửa sổ, con sông nước đục hiên hoà đang dâng lên, ta thơ thẩn bước đi trong khu vườn xanh, đứng lại nhìn những người đàn ông cất rở. Buổi chiều thanh bình hiếm có...

Ra về, ta đã vòng quanh trong xóm. Hết con đường cụt là chiếc hồ khá rộng, nếu qua bên kia hồ ta sẽ đụng ngay hàng rào kẽm gai của trại nhập ngũ. Ta rùng mình nhớ nơi ta đã hai lần ở đó. Trại nhập ngũ, nơi không muốn nhớ nhưng hẳn chẳng bao giờ quên. Nơi đó ta được dạy bài học con người bắt chước lối đi của loài vật, bò bằng hai cùi chỏ và đầu gối trên đoạn đường dài lỏm chỏm đá sạn và sức nóng mặt trời buổi trưa, một Hạ sĩ quan kỷ luật gương mặt đánh lại tay cầm cái roi canh gạo nghề, anh ta nhìn một đám tân binh bò lổm ngổm kẻ trước người sau...bài học đầu đời lính tráng thật đáng nhớ.

Nơi đó, ta bị tước đoạt cá tính. Ăn, ỉa và ngủ không như ta muốn. Mỗi một buổi sáng ta được sắp hàng gọi tên để kiểm soát như một đồ vật, trước lúc đi nằm,ta được sắp hàng ngồi chồm hổm để nghe những bài học phải nhớ đời.

Nơi đó, trò chơi ú tím được xếp hạng: Khu A, khu B và khu C. Ta đã sống những ngày gian khổ ở khu B với bạn bè, có phải chẳng đời sống bi thảm đến vậy? Làm sao quên được Trần Văn Bui- Đời, Năm Gà Diên và Nguyễn Văn Bốn Hai, những cái tên nhắc nhớ những cuộc sống ngoại hạng và bi đát.

Nguyễn Văn Bốn Hai là tên đồng bạn đặt cho một nông dân chơn chất, cái chơn chất đã đưa anh tới trong vòng kềm gai có trăm ngàn đắng cay. Anh nông dân Nguyễn Văn Hai. Bốn mươi hai tuổi, đời sống lam lũ và vóc dáng nhỏ con đã làm anh đẹt, lớn không nổi vì quá cực khổ. Một buổi chiều từ khu tỵ nạn Hòa Khánh về Đà Nẵng tìm việc làm , khi qua ngang trạm kiểm soát Quân cảnh đã chặn anh lại với cả trăm câu hỏi hóc búa. Một câu hỏi định mệnh đã đưa anh tới với chúng tôi:

- Anh sinh năm mấy?

- Dạ, thưa tôi bốn hai.

Anh không có một giấy tờ nào có thể chứng minh mình lớn tuổi. tất cả người bên kia đã tịch thân. Nguyễn Văn Bốn Hai đã khóc. Anh vẫn hy vọng chính phủ sẽ thả anh, anh còn một đàn con sáu đứa “ mẹ nó bị Mỹ hành quân giết rồi”. Nhìn một người đàn ông mếu miệng khóc, không biết lúc đó ta đã nhếch mép để cười hay để cùng mếu trong cảnh huống đau lòng.

Năm Gà Diên và Trần Văn Bụi Đời là danh xưng của một mẫu người đặc biệt, cả hai đứa đều có một thành tích đáng ngại về tù tội vì năm bảy sắc lính mỗi đứa lại có một tên mới, tên cha mẹ đặt không còn nhớ tới làm chi, đi lính hay bị đi lính để nói cười vui vẻ. Ở khu B, hai đứa hẳn là hung thần của những người cô thế, tiền bạc nằm ngủ đêm còn, sáng ra mất sạch thừa kiện ai. chúng phè phởn sống và tin chắc không bao giờ có thể chết vì chiến trận, tình nguyện hay bị bắt vào lính thì cũng đào ngũ ngay tháng lương đầu, lại thông dong sống ngoài vòng cương tỏa và nếu bị tóm lại khai một cái tên nào đó với năm sinh tháng đẻ sao cũng xong. Người ta cần người

cầm súng miến sao còn đủ hai tay hai chân.

Trại nhập ngũ nơi ta đã biết sống thù hận, biết chen chân dành miếng ăn, biết thế nào là những “ người lính chuyên nghiệp” không thể quên những gương mặt có mùi tanh.

Những ý nghĩ mà cả hai lần ở trại nhập ngũ ta đều có ý thực hiện không được. Đứng thơ thẩn như một kẻ nhỡ nhà cạnh hàng rào kiểm một đôi giấy mang vào chân, nhanh như khói và liễu mình bay qua hàng rào kẽm gai, chạy lùi vào đám cỏ cao, bơi qua bên kia hồ là thoát.

Buổi chiều nay ta đã thấy một con người thực hiện ý định của ta ngày nào. Súng đã nổ dồn dập, những tiếng la rộn người, những đôi mắt trong hàng rào kẽm gai đang nhìn con chim cùng bầy vừa vượt lồng. Con người đó đang bơi qua hồ tử sinh, bơi với hình ảnh vợ con bụng mang dạ chửa, bơi với hình ảnh mẹ già mù lòa, bơi với một triệu lý do đau đớn. Vòng vây như một cái rổ từ từ cất lên, bên này hồ đã có một đám người thường phục đợi chờ. Anh ta đã bơi tới bờ, có những bàn tay kéo anh ta lên, không phải những bàn tay che chở đâu. Máu chảy ròng rã trên hai tay rách xước kẽm gai, máu chảy chan hòa trên gương mặt thất thần đang hứng chịu cả trăm cú đâm và báng súng. Một con vật đã bị hạ. “ một con vật hai chân” bò lê lết, con vật van lạy ê ẩm ngất ngư, “ con vật hai chân” đã gục xuống, màu áo trắng trở thành màu đỏ thẫm, hận thù chưa hết, vẫn còn những cái đá trời giáng, những câu chửi thề nghe lạnh người. Một buổi chiều im vắng đã có tiếng súng nổ xé gió, một buổi chiều có bao nhiêu người khoanh tay thúc thủ nhìn một màn kịch hấp dẫn vô cùng.

Màn kịch có máu, nước mắt, tiếng thét và tiếng súng.
Đám đông đã lôi “con vật hai chân” về chuồng mà hấn
vừa vượt thoát.

Ta trở về nhà nghe gió lạnh chạy trên xương sống, muốn
đi mưa như vừa trúng gió độc.

(*Ý Thức ngày 1-9- 1971*)

Một số bài thơ Vũ Hữu Định được sưu tập...

Biên trấn ca

Đứng lại bên đường non
Nhìn bao la sóng bạc
Mây tóc hồn thiếu phụ
Có ai trông ta về

Đứng lại bên đường núi
Hồn ta đây là rừng
Tay sông hồ vuốt tóc
Tóc rụng hết ngày xanh

Non cao hồn lãng bạc
Nhốt ngày xanh rừng xanh
Chim tỏ lời đánh bạn
Vượn tỏ lời thương thân

Chiều có ta đứng mãi
Định hướng phương trời quê
Chim bay về biển Bắc
Gió bạc hồn sơn khê

Ba năm đồn biên trấn
Hai mươi năm giang hồ
Chuyện kể hoài bữa rượu
Thuốc chẳng tàn cơn mê

Đồn cheo leo đón gió
Bốn mùa phen mây che
Đất trời đây một cõi
Nhốt đời chưa cho về

Chiều đứng bên đường non
Đau lòng ta biết mấy
Chiều ngó lên đường dốc
Ôi đời trong lồng son

Đời chim trong lồng son

Mùa Xuân trở lại đồng bằng Cửu Long

Tôi về nghe nước chảy trên sông
Mây ở xa bay tấp xuống đồng
Bước đi nghe tiếng chiều kêu lại
Mặt trời xưa đứng lại soi giòng

Tôi về, xuân của ruộng mênh mang
Màu chiều xanh bay ướt lúa vàng
Đến khi nước lớn đầy sông lạch
Nối lòng tôi, chảy khắp đồng bằng

Tôi về, qua những chuyến qua sông
Lòng quạnh, ngày mưa lạnh gió đồng
Con chim Xuân hót trên đồng ruộng
Chút tình vui cũng quá mênh mông

Tôi về, tôi nhớ bóng trắng xanh
Ngủ muộn trời khuya động chút tình
Quê bạn, một mình tôi cảm cảnh
Cảm thương người đang sống lên đên

Tôi về ngủ muộn ngó sông mưa
Sông Cửu Long đầy mặt nước mùa
Bạn ta đang ở đầu sông ấy
Máu đầu sông biên giới tanh mưa

Biết sẽ bao giờ khi trở lại
Lòng ta thôi tiếc của đất trời
Bạn vẫn còn đi, ta cũng vậy
Hồn đâu đủ tịnh mà rong chơi.

Những bài luận

a. luận với chủ nợ

Trời đất có bốn mùa
Nắng mưa không thấu đáo
Ông trời còn nói láo
Huống hồ
Ta.

b. luận với anh bạn già

Trời lúc nắng lúc mưa
Trắng khi lu khi tỏ
Biết vậy là biết rõ

Nước lúc đầy lúc vơi
Mây có tan có tụ
Tuổi thanh xuân sao không ham...hố
Đã sáu mươi ngời tiếc nỗi gì

c. luận với người đời

Nghìn đời trái đất đang quay
Biển đông biển bắc đang đầy đang vơi
Cớ sao lại phải ngậm ngùi
Chẳng theo nguyên đạo đất trời mà vui

d. luận với đàn bà

Nói từ chuyện nắng qua mưa
Chuyện sông tới biển chuyện mùa cá rô
Can chi phải nói vòng vo
Cứ theo chánh đạo giao hoà tự nhiên

đ. thấy gái, luận với mình

Sài gòn nắng bỏng hơi tai
Ồn xe cộ với ồn người tranh nhau
Thấy con gái lộ cuống bầu
Mới hay ta vẫn còn cao chất người

e. luận về giang hồ

Lên rừng lòng cũng như rừng
Xuống đồng bằng thấy mùa xuân mới vàng

Thả thuyền ra biển mênh mang
Cõi riêng ta có vô vàn cuộc vui

f. đứng ở bờ sông thấy cá nhảy lên bờ luận với mình

Dưới sông cá nhảy lên bờ
Động trong tâm cõi mịt mờ người ta
Hỏi từ con cá hỏi ra
Sống trên mặt đất tà tà mãi sao?

Thiên Nhiên và Con Người

a. ngồi thuyền ba lá trên sông cửu long

Lênh đênh giữa nước và trời
Thuyền, Ta, trôi dạt giữa vời bao la
Chút gì thấp thoáng nơi xa
Chút gì gần gũi như là bóng tôi

b. một đám mây trên đồi Đại Ninh

Rừng xanh, trời cũng rất xanh
Một bè mây tụ mong manh giữa đồi
Hồn ta cũng đậu đây rồi
Đất nuôi hơi thở, rừng nuôi chút tình

C. những cánh bèo trên sông Đại Ninh

Nơi đây nước đổ từ nguồn
Bèo dâu trong núi tìm phương giang hồ
Hỏi rằng bèo dạt về mô?
Có như ta chẳng bến bờ dừng chân

d. mưa trên đồng quạnh hiu

Mưa, sao ta cũng ngậm ngùi
Mưa, sao ta cũng bồi hồi xót xa
Giữa đồng không quạnh bao la
Trời mưa đã ướt hồn ta mất rồi

d. bao la, rất gần

Tình sương em vội qua cầu
Gánh trên vai mệt mỏi sầu nhân gian
Ta ngồi đợi phút mang mang
Thấy em: cái đẹp sắp hàng dưới chân

e. đất trời buồn bã

Nửa đêm trời đất bồi hồi
Gió mưa vận chuyển lòng người nôn nao
Cái gì vừa thức xôn xao
Lẽ đâu tôi cũng ồn ào như ông?

f. nhìn cò bay, nhớ nhà

Buổi chiều đứng ngắm dăm dăm

Mấy thân cò dạt xiêu tầm mắt xa
Thấy gì không giữa bao la?
Bỗng nghe tâm động nổi nhà quanh hiu.

chuyện người tuổi trẻ

tặng Trần Dzạ Lữ

trên non năm bảy thẳng tuổi trẻ
buổi chiều thu uống rượu không cười
trên non ta là người tuổi trẻ
buổi chiều thu đôi bóng mây trôi

mây còn bay nên đời còn mộng
tuổi trẻ ra đi sao lại nhớ nhà
ơi người tuổi trẻ sâu trong mắt
đêm trên rừng mộng gửi quê xa
quê xa ta có em và mẹ
nhớ ao bèo xanh bông tím thiết tha
nhớ người con gái bên hàng xóm
chiều thả thuyền vớt mộng nở hoa

lòng không nguôi nhớ hoa bèo tím
đôi mắt cô em đuổi tới rừng
bây giờ ngồi đứng trong sương gió
buổi chiều thu nhớ tóc ngang lưng

trên non may có tình bằng hữu
tuổi trẻ đau chung một khúc ca
ôm nhau thức với vầng trăng lạnh

vượt lá tìm sao định hướng nhà

có những ngày đi trong núi thẳm
tuổi trẻ nhìn nhau nhớ xóm thương làng
thở chung một tiếng nghe sầu cháy
tâm sự chuyền nhau điệu thuốc quan san

cám ơn điều đứng rừng sinh tử
cạm bẫy người giăng để giết người
tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa
giữ giùm nhau những tiếng chim cười.

Trên đoạn đường quê em

Lửa đã cháy đường ra quê em
Lửa đạn, lửa trời đốt người nghiệt ngã
Lửa đã cháy trong lòng anh hóa đá
Giữa biển người thành thú bò ngổn ngang
Trong hai lần đạn giữa đồng hoang
Máu chảy ngập chân lúa gầy cỏ dại
Máu đã đỏ con đường anh đi lại
Của những ngày xa yêu dấu vô cùng

Ôi con trẻ cũng biết tìm sự sống
Bò giữa hôn người vừa chết nát thân
Đêm ngã xuống vô tình con trăng bạc
Những tiếng gọi gào sao không động từ tâm

Lửa rực đỏ treo trăm đường sinh tử

Trong đêm cay, đêm địa ngục hãi hùng
Mẹ thét tìm con tóc dài điên dại
Xiêu vẹo giữa đường chết đuối sau lưng

Lửa đã cháy đường ra quê em
Lửa đã cháy một đoạn lòng của mẹ
Ôi cái chết có còn chẳng lý lẽ
Có lý lẽ nào đã giết anh em

Đường ra quê em trăm ngàn cay đắng
Lửa hạ đạn gào trăm tiếng kêu la
Những giòng máu vô tình vô tội
Đã chảy lên nhau thành suối chan hòa

Lửa Quảng-Trị lửa rượt về Mỹ-Chánh
Rải những thân người gục giữa đồng khô
Những giòng máu đã thấm tràn mạch đất
Có làm tương lai con cháu huy hoàng ?
(15-5-72)

Ngựa hí đầu non

Mẹ thương con một đời lận đận
Thường thở than : con số long đong
Sinh nhằm tuổi ngo, đêm vừa hết
Mặt trời lên cất vó chạy rong
Mới hai tháng đã biết mùi bom đạn
Mẹ gánh con một đầu thúng ngủ vùi
Một đầu thúng lư hương, khoai, sắn
Mẹ gánh vượt đèo, vượt rú gian nan

Khi hai vó con vừa đứng vững
Tiếng hí đời con vừa sữa giọng người
Đã theo mẹ đêm đêm qua xóm
Xách đèn rao khoai sắn cầm hơi
Hai vó ngựa một đời lận đận
Lóc cóc khua vang khắp nẻo thị thành
Cũng không mua nổi cơm và áo
Những ngày đông thương đời mẹ mong manh

Nhớ đêm mưa trong mái nghèo úng nước
Mẹ thức cùng con giọng kể bụi ngùi
- Cha con xưa cũng nhăm tuổi ngọ
Đường gian nan đã chạy suốt kiếp người

Bây giờ ngựa đã phi lên núi
Đời buộc thêm cương chỉ một đường đi
Có những buổi chiều đầu non uống rượu
Nhớ mẹ, thương em, ngựa hí tiếng gì ?

rất lạ

Khi ngó lại bốn bên là núi lở
Trùng dương xanh sóng dữ đã lên bờ
Em thì suốt mười năm nay chẳng gặp
Xuân riêng đời hao hụt hồn thơ

Khi ngó lại sông bên bồi bên lở
Thời gian này anh mới biết dở dang
Em thì có bao giờ em hiểu được
Đông lao đao mùa lá nọ bay vàng

Khi ngó lại anh đã già rất lạ
Tóc chưa hết xanh, lưng mỗi mắt khờ
Thời con bướm là hồn anh bay lượn
Em có bao giờ hiểu lúc anh mơ

Khi ngó lại ngọn đèn buổi sớm
Em có đi qua ? con đường núi thật buồn
Ta cảm ơn em đã dành bội bạc
Mà hồn ta nay tắm được trong sương

Khi ngó lại tuổi nọ còn tuôn chảy
Nước nở hoa khi gặp đá dậm lời
Anh đứng sững bên bờ đau hồn cỏ
Con bướm giang hồ lả cánh bay rơi

Rằng đá sỏi cũng đau như là nước
Anh biết mây cũng một phút muộn phiền
Đất có lúc cũng vô cùng đau đớn
Và anh đây ngày nọ thấm cơn điên

Rằng có lẽ con chim rừng bữa nọ
Hát với anh là chia sẻ ngọn nguồn
Chim đã bay anh vẫn còn đứng lại
Một đời anh cứ đứng lại mà thương

Đêm hun hút, đêm sâu (ngày chẳng cạn)
Đêm trăng lu sóng vỗ mạn đò
Anh như một chiếc thuyền neo lại bến
Sóng với thuyền thăm thĩ chuyện buồn xo

Sáng khi đứng trên đèo cao cũng nhớ

Chiều anh đi theo con suối ngoằn ngoèo
Em còn bóng mà tắm thì đã mất
Em ở nơi nào – anh vẫn đi theo ?

Rừng Hương Mật

Tặng Diệp Mậu

Anh đang sống, đang cảm nhiều chuyện lạ
Những chuyện trăm năm mà tưởng như vừa
Một ngọn gió của đời đã thổi
Bay hồn anh trong bóng nắng hồn mưa
Một chút gió trên rừng hay dưới biển
Tới từ đâu sao lại báo tin mưa
Hôm qua ngó vầng trăng cuối tháng
Mọc giữa chiều xanh của buổi giao mùa
Anh cảm động nhớ một thời si dại
Yêu là yêu em bằng tấm lòng xưa
Anh đang sống - đang thở đều rất lạ
Thở yêu em yêu đau đớn của đời
Anh cảm được phút của mùa đang đổi
Giây của sông dừng lại đợi chiều trôi
Ở đâu đó rừng của Thu ẩm đậm
Uống chút hương hoa của suối mà say
Mây của nghìn năm mây vẫn là mây

Nhưng một buổi lạ như vừa mới có
Gió là gió mà sao anh ớn lạnh
Men ở đâu mà anh đã ngất ngây

Ngày anh về, hôm anh cất chân đi

Nghe được tiếng của con đường anh bước
Em có xa như một đời kiếp trước
Anh thấy gần nên cảm được trầm hương
Anh ở trên rừng cũng sống trọn nguồn thương
Ra giữa biển tình cũng như biển mặn
Một ngày nằm nghe đất trời cay đắng
Sấm vang lên, mưa giạt dữ trên rừng
Nước của nguồn đi mạnh bạo cuồng hung
Tiếng bi thiết trong mạch nguồn nứt nở

Anh đang sống – anh đang nghe anh thở
Cảm được tình của cả đất trời
Lúc bắt đầu anh chỉ có em thôi
Nay có hết núi mây rừng với biển
Những đồng nội mấp mô màu trác tuyệt
Một hôm nao cảnh cũ lạ vô cùng
Của đất trời là Xuân Hạ Thu Đông
Anh có cả em nên giàu cảm lụy

Anh đang sống và anh đang thấy
Nước trên sông khi chảy khi dừng
Lúa trên đồng kể chuyện với sao sương
Những đá tảng nghìn năm nay nói chuyện
Những con đường anh đi và anh đến
Bờ Trùng Dương bến hẹn với Bình Nguyên
Những nẻo rừng trạm gió sơn xuyên
Thân ái với màu rêu trên vách cổ
Những củ mục của rừng thân rất nhỏ
Kể với anh về thay đổi của đời
Một chiều vàng bên suối mộng rong chơi
Anh soi thấy anh hình dung đã lạ

Mắt rục rờ ngó chiều bay tới tả
Vượn hú sương chim kêu bạn nào nùng
Suối cạn mòn, nước đã ra sông
Ở nơi đó anh lạc hình mất ảnh
Một ngày nào mặt trời kia rét lạnh
Máu đỏ trùng dương một lần chết cuối cùng
Giấc lạnh vang lời gió nhấc với rừng
Anh hối hả trở về mau cho kịp

Anh đang sống một ngày tha thiết
Nghe âm vang đồng nội rừng già
Mỗi bước đi về nghe thật thiết tha
Hồn ứ chứa bao nhiêu tình rừng thắm
Mỗi bước chân anh đất trời lắng lặng
Mắt sáng như sao tiếng nói như đồng
Anh bước về để thấy một hừng đông
Có mặt Nguyệt thay mặt Trời hiển hiện
17-10-73

Bữa rượu cuối năm

Gửi em trai tôi

Gần Tết, bỗng dưng sầu nín rượu
anh em không hẹn, gặp nhau hoài
xa lắc thời em khoe áo mới
- tết này e chú đã hai mươi

em ta: mới đó hai mươi tuổi

đời mọc râu tóc ngang tàng
ta ba mươi một đầu tóc bạc
vẫn một đời cống mòng lang thang

- chú vô một cốc, anh một cốc
đời chỉ còn anh với chú thôi
chớ nhắc quê xa thêm ái ngại
mềm lòng khi rượu chưa mềm môi

- long lanh mắt chú sao đầy rượu
mắt có quê xa với bóng thầy
chú ạ ! vô tình anh mới khóc
vô tình vuốt mắt để nghe cay.



TRANG THƠ

HẢI PHƯƠNG * HOÀNG XUÂN SƠN *

KHÊ KINH KHA * NGUYỄN ĐỨC NHƠN *

NGUYỄN VĂN NGỌC * KHOA HỮU *

HUỲNH HỮU NGẠN * NGUYỄN BẮC SƠN

* HUỲNH HỮU VÕ * ĐỨC PHỔ * HOÀI

KHANH

HẢI PHƯƠNG

Cuồng Ca Của Biển

Mùa xuân ta
nắng trên đồi
mưa hoang phế tích
đêm ngồi tưởng co.

Mùa xuân em
biển hư vô
triều con sóng vỗ
bờ xô bãi bầy.

Mùa xuân ta
trời mây bay
uống lưng giòng cạn
đất say nhớ người.

Mùa xuân em
hát không lời
tồn lưu cuồng lũ
đất trời vọng âm.

Mùa xuân chẵn chiều
em nằm
thổ ngại ngai ngại
hương trầm biển ca.

Mùa xuân em
bước chân ra

một thiên thu với
rộng tà áo bay.

Mùa xuân em
nối vòng tay
một càn khôn rộng
ôm đầy hư mê.

Mùa xuân em
bước chân về
rừng hoa đại tím
hương quê lạ thường.

Mùa xuân ta
giữa dặm trường
đất phơi nhật nguyệt
trời sương khói mờ.

Mùa xuân em
áo như thơ
một thiên thu rộng rinh
bờ cõi riêng.

Mùa xuân ta
chút cuồng điên
đứng trên núi hát
âm rền biển xưa.

Tháng giêng 2006

Mà sao cỏ biếc

xanh tình tháng giêng

*Tặng nguyên xuân thiệp đặng tiến hoà ikhanh trần lam giang
nguyễn trần kiểm quách mạnh kha*

Ta về

lá hát nguyên ngôn
con chim nước đậu
trên cồn bãi khuya.

Tượng ngồi

trước ngọn đèn chia
em ra đứng độ
bóng kia hình này.

Biển buồn

trời cũng mây bay
cơn mưa tình thể
đất say điệu mình.

Đất trời

cứ mãi làm thịnh
mà sao cỏ biếc
xanh tình tháng giêng.

tháng giêng 2006

Tháng giêng giòng điện nguyên ngôn rịn ứa mạch quê nhà

Cánh tay em huyền khải xanh miết tháng giêng mọc thứ
cổ mướt Nguyên Ngôn ta đọc mãi một đời chưa hiểu tới
chỗ ta đi và chỗ ta về còn lại lời rao giảng mật ngọt hằng
đêm của gió rữ lặng huyệt hơi giữa công viên hoài niệm
buông thông từng sợi thần kinh kết dính ký ức thăm thẳm
dưới lòng vực chìm sâu không đáy.

Ta lỡ tiêu pha hết cỡ đời mình kẻ hành giả chạy rong trở
về tìm lại quê nhà không thấy.

Bởi vì quê nhà là mẹ
mẹ là đất đai
đất đai là máu thịt
máu thịt đất đai quê nhà là tất cả
tất cả là mẹ cho ta tất cả.

Còn em là thời tiết sớm hôm là khí hậu thổ ngơi mưa
nắng là mùa màng sinh nở và cánh tay níu lại bầu trời
mây bay tháng chạp hiu hiu mùi ruộng vỡ trên cánh đồng
mông quạnh có tiếng con chim vành vạch cô đơn hát
trong bụi cây cơm nguội vàng úa.

Còn ta kẻ lưu đầy không có nổi một quê nhà để ở bởi vì
nó bị đuổi đi khỏi hang ổ chỗ mẹ nó nằm nơi nhưng nó
có trọn cả một quê hương để nhớ hoài để nhớ về mãi
mãi.

Như cánh tay em chảy miết một giòng sông đêm mộng

mị trần lữ ký ức tê điếng tiếng dương cầm gió và con chim vành vạch tôi nghiệp hát cô đơn trong buổi cây cơm nguội vàng úa.

Chảy mãi một giòng sông chảy mãi một giòng sông một giòng sông chảy miết thứ âm điệu Nguyên Ngôn của quê nhà mọc cỏ thảng giềng trên cánh tay em gói đầu thồn thức.

Khi ở San Jose

tháng chạp 20005

haiphuong68@hotmail.com

HOÀNG XUÂN SƠN

Công án, chiều rừng

Lùa cây vào tuổi động rừng
lùa bò xuống một chiều thung kín buồn
năm trời còn nặng tai ương
nhìn theo dấu một con đường hăm hiu
cỏ thâm về phía mây chiều
giữa đồi cô tịch rụng nhiều sắc hoa
biết đâu còn ở chan hòa
hồn thiên cổ vợ trầm kha lại đây
bây giờ lá ngụ trên tay
hỏi mùa xuân có hao gầy mộng đưa
để cây òa nắng lên vừa
tuổi rừng kinh động còn mưa mấy tình !

Giọng đời như kệ như kinh
gọi nhau lên một bước trình thên thang
kia xem bụi náo tan hàng
mà phần hoa đấy còn dang dở tình
thôi đàn khảy với phong linh
ngực chờ tấp tới nện kinh tiếng đau
thở êm huyết dụ xanh màu
trong gang tấc đã nằm sâu hệ người
lên cao lên hút tuổi đời
tuổi hoang cư đếm tuổi trời bội thu
hát kinh chiều ngọn đèn lu
rừng công án thổi mịt mù xương da .

bốn không bốn

Tặng Trần Huyền Ân

mười hai năm Giang

Cây với gió đã đến lúc ngừng lặng
mà chiều còn bên vực thẳm cheo leo
con bướm trắng để tang hồn mây trắng
mái dầm ối sao vụng buổi chống chèo

Sông vẫn thế cứ một đời chảy xiết
khúc sông nào trầm lự bóng em tôi
người là thế ở một thời mê miết
cầm hoan xưa đàn vọng tiếng ai ngồi

Ta đã có những giờ vui bất kể
đường xanh mai hay sỏi cát mịt mù

hồn để ngõ dăm tấc lòng hưng phế
hiến dâng thơm còn đọng vết hư phù

Dù tiếng khóc qua vườn chiều đã quạnh
vẫn thanh xuân *cười rộn lá xuân thì*
trong vạt gió và rì rào trong nắng
sẽ phiêu bồng thưa thốt một lần đi

Sao chép lại những gì kim muối xát
cho năm khơi lồng ngực ấm dương trần
cùng sống vội khúc rượu hồng đã hát
long lanh này xin gửi tặng huyền ân

đầu năm không sáu

KHÊ KINH KHA

bài nhớ em thứ nhất

cho ht

xa nhau, cách mấy trùng dương
hay xa cách chỉ con đường
mà sao lòng nhớ, lòng thương thế này

vắng nhau, mấy mùa lá bay
vắng nhau, hay chỉ một ngày
mà hồn day dứt buồn hoài không ngơi

mưa rơi hay nước mắt rơi
trăng cao trong đáy rượu đầy
em ơi, đêm vắng mình tôi ưu phiền

gió bay hay hồn chênh vênh
xót xa nhàu nát trong tim
từng đêm úp mặt gọi tên một người

Huế của tôi

tôi đã về đây giữa Huế xưa
ngắm lại sông Hương nước lững lờ
ngồi trên thuyền vắng chờ trăng xuống
để nhớ tình ai thuở học trò

tôi đã về đây giữa Huế xưa
Huế vẫn mưa bay, vẫn tóc thề
vẫn có môi cười duyên sao đó
vẫn chút dịu dàng nón nghiêng che

tôi đã về đây Huế dễ thương
chờ bước ai qua giữa Trường-tiền
để thấy lòng mình ngày tháng cũ
xóa dịu trong tôi những đoạn trường

tôi đã về đây Huế nội thành
nhìn lại rêu xanh nhớ chạnh lòng
hồn sao thao thức bên tháp Mụ
mai mốt xa rồi ai ngóng trông

tôi đã về đây Huế của tôi

và của riêng em một khoảng trời
để sống trong tôi từng kỷ niệm
dù đã xa mờ như khói bay

tôi đã về đây Huế mộng mơ
tìm lại con tim thuở hẹn hò
đốt lại men nồng, vẫn thơ cũ
để tạ ơn đời, tạ Huế xưa

bốn mươi năm giấc mộng hồ
Huế tôi còn đó người mơ
đâu rồi
ngàn năm cát bụi mù khơi
ngàn năm tôi vẫn nhớ hoài
Huế ơi

Huế ơi
ơi Huế của tôi
bước đi mà lệ
tuôn rơi
đôi hàng

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

Texas Buồn

Mắc võng dưới tàn cây
Ngủ vùi trên thế sự
Bãi bể nương dâu
Sáu mươi năm
Mấy mùa lũ thứ
Người lính già
Gạt nước mắt đêm thâu.

Khóc ải Nam Quan
Khóc mũi Cà Mau
Những mùa thu đi
Gót chân rướm máu
Điệu kèn tiến quân
Tiếng thét gằm ma quái
Trong rừng sâu
Đồng ruộng
Thị thành
“Xác anh em, bè bạn, người tình”
Thương quá đổi
Ta bỗng thêm cốc rượu...

Mùa xuân
Tàn chiến chinh
Ta trở về làng cũ
Sợ hòa bình
Còn hơn sợ chiến tranh

Mùa thu này
Cũng dưới tàn cây cổ thụ
Cũng lá vàng rơi

Nhưng không có anh
Để choàng vai tâm sự
Không có em
Để ta ngồi uống rượu
Tang thương hề
Ôi! cõi nhân sinh...

Bỗng nghe đâu đó
Điệu nhạc điên cuồng
Trong cõi vô minh
Vũ trường
Hay mộ huyết
Dưới ánh đèn mờ nhạt
Em đang ca hay đang gào thét
Bước chân em loạn cuồng
Cốc rượu và ta cùng nhau giã chết
Giai nhân hề! Rượu hề!
Ta giết mình
Tĩnh giấc!

Mùa thu qua
Không còn lá vàng rơi lác đác
Cây cỏ thụ trơ cành
Bầu trời xám ngắt
Đàn chim thiên di
Về đây
Từ phương bắc
Trên thành phố Houston
Trên bầu trời Dallas
Texas buồn
Texas đã vào đông!

NGUYỄN VĂN NGỌC

Buổi chiều trước mặt

chiều bệnh hoạn ra sân phơi nắng
ngồi ngó mông đồi núi Phước Long
rào tre nhọn bốn bề vây hãm
trại tù như ốc đảo giữa rừng.

tôi ngồi ngó buổi chiều vừa tới
bạn bè đi lao tác trở về
những hình nhân tả tơi, ốm đói
đang trần truồng tắm dưới mương, khe.

bạn bè tôi, những người tuổi trẻ
gánh oằn vai chiến trận hôm qua
giờ gánh thêm tù đầy, nghiệt ngã
nên già nua trước tuổi, không ngờ.

tôi ngồi ngó buổi chiều thật muộn
liếp phen thưa, lán trại tù mù
bóng bạn bè tối lui, thâm lặng
xẻ chia nhau từng bát khoai khô.

tôi ngồi ngó buổi chiều lịm tắt
những buổi chiều sao quá giống nhau
ngoài rào kia chắc gì đã khác

khi quê hương chìm đáy vực sâu!

KHOA HỮU

Liên Khúc

I

ta rung núi vông lời ru
biển đông sóng đập thiên thu gió đồn
bụi mù gió ngựa ngộ môn
mẹ ta trăm trứng trăm con đi đây
hạnh hồng cũng đỏ cơn say
sen hồng sức máu cánh tay hạ hồng
em về, thu ngâm ngùi đông
đứng che kim cổ ngồi không đất trời
ta, tên nghịch tử này ơi
thấy nhau đã nhọ mặt người trăm luân.

II

về, ta thánng cạm năm cùng
sông cau mặt giận núi trừng mắt nghiêm
đường ta chân cứng đá mềm
cái đau thất sở bạc lên chiến bào
về, ta gốc tử chiêm bao
mộ chôn ta một thửa nào lãng quên
sử lưu danh tích tướng truyền
bụi hoang phế phủ nằm yên đất này
về, giam thiên hạ trong tay

bó đêm phiến loạn gói ngày phục hưng.

12-2005

HUỲNH HỮU NGẠN

Mẹ. Thế kỷ

mẹ tôi ngồi với hư không
hai ngàn năm một dòng sông hững hờ
mẹ tôi đợi mẹ tôi chờ
mẹ như hoá đá thành thơ giữa trời
tôi về lặng lẽ đơn côi
chấp tay bái tạ cuộc đời mẹ ơi
biết bao dâu bể tới bởi
có không sắc tướng luân hồi bủa vây
hai ngàn năm đôi bàn tay
mẹ ôm trần thế héo gầy vùi thân
mình tôi với chút căn phần
năm châu bốn bể phù vân một đời

ước chi tận thế cho rồi
xóa đi nghiệp chướng luân hồi mẹ ơi !

NGUYỄN BẮC SƠN

Trời Cố Xứ

Gởi Thúc, Hoàng và Tân

Trời mưa ở Nha Trang làm tôi nhớ bạn đến rơi nước mắt
Khi thấy rượu tràn sủi bọt vành ly
Hoa nở đỏ rưng nhiều xui tôi nhớ ngày đi học trọ
Nhà em lảng giềng cửa sổ mở đêm khuya
Tưởng tượng có người thanh niên ngồi im trong quán gió
Khi chuyển xe đò tách bến trong mưa
Chuyển xe chở người đàn bà mang áo khoác
Tóc dài như tóc của em xưa
Tôi sợ tình yêu như sợ nhìn về viễn kiếp
Tôi ngại quê nhà nhưng lại hoài hương
Biết đâu mẹ tôi không đang sơn xanh ngôi nhà, mở toang
từng cánh cửa
Mong bóng tôi bỗng hiện cuối con đường
Nơi cổ thành kia tôi đã lớn khôn đã cười đã khóc
Đã đem lòng thương mến Cúc Hoa em
Đã sống âm thầm những năm bất khuất
Soi chiếu đời với những que diêm
Tưởng tượng có người thanh niên giữa trưa nghe tiếng
con gà trống gáy
Nghĩ đời mình, trôi dạt biết bao nhiêu
Máu tôi lẫn máu người du mục
Nhưng lòng tôi e gió thổi dịu hiu
Các con ơi, tưởng tượng ba mỗi ngày ồm theo nón sắt
Đứng chờ xe trước ngã ba đường
Phải lộn vòng theo gái giang hồ và những tay mỡ mặt
Các con sẽ thấy lòng người đen bạc ở quê hương

Cổ thành kia ơi, cổ thành bạc bẽo
Đuổi xua người trai trẻ mến thương người
Vì sao người thành ra bãi rác
Thành ra nơi đi điếm chuột heo ruồi
Các con, thế nào ba cũng dọn nhà đi viễn xứ
Dù tình quê hương rất khó nguôi khuây
Nhưng nghĩ dòng sông đã nhớ, lòng người đã đục
Đâu có người thương tiếc đám mây bay.

HUYỀN HỮU VÕ

Nén nhang cho bạn bè

Tôi qua đời Nora
Tìm dấu chân “Ngựa Tía”
Tôi về rừng Chương Thiện
Khóc nhớ Hoàng Yên Trang

Tháp Chàm dấu ngàn năm
Rêu phong mờ trên mái
Dũng Chinh còn đứng hái
Sim trên đồi ban mai

Rượu thấm đầy vai áo
Đường trơn xe lao nhanh
Chỉ còn Tô Đình Sự
Đứng dưới mưa một mình

Quảng Nam mưa như trút
Vàng mã xuống sông Hàn
Thuyền con Vũ Hữu Định
Đang giữa dòng lênh đênh

Làm con chim dẫu mở
Tiếng hót lạnh ba miền
Anh về đâu ngày ấy
Linh hồn Phan Trước Viên

Về Vĩnh Điện - Hội An
Tìm Nguyễn Nho Sa Mạc
Anh co ro ngồi hát
Bên sông Hoài mang mang

Ngô Kha như chiếc lá
Ngủ quên bên sườn đồi
Dăm bài thơ viết dở
Theo dòng Hương giang trôi

Về Miền Trung nắng đỏ
Mênh mang những câu hò
Đình Hoàng Sa còn nhớ
Những ngày thơ ấu xưa

“Đò Trắng” trên sông Hậu
“Mật đắng Tình yêu” đầu
Sương đầm trên lối cũ
Đặng Thư Cưu về đâu ?

Nhìn biển xanh Phan Rí

Trầm tư Nguyễn Lệ Tuân
Bên “Dãy Đồi Cát Máu”
“Quê Hương không Quê Hương”.

ĐỨC PHỔ

Rượu nghinh xuân

Chân vui bước phố chiều thảng chạp
chợ cuối phiên mưa bụi chập trời.
Tiết giá sâu rừng ngày vội tắt
nhường mùa như buổi hậu xa ngời.

Thế như vua Kiệt ngày nước mất
danh tàn. Thân phận cũng tàn thôi.
Thế như chúa Chởm ngày tết nhất
về kinh giải nợ thỏa thuê cười.

Càng sống càng cay mùi đen bạc
ân oán trời chia đã sẵn rồi.
Chẳng hện gì xuân mà giáp mặt
giữa khuya trừ tịch ghé thăm chơi.

Nghinh xuân ngửa mặt kêu trời đất
quê quán trùng trùng mấy bể khơi!
Khoảnh khắc bạn, thù. Chỉ gang tấc
xây chi biên ải. Chẳng xây đời(?)!

Người dưng gập riết thành thân mật
hẹn tết khề khà nhấp rượu vui.
Cành mai, chấu trúc... Chẳng có thật
đành say cùng chén chú chén tôi!...

HOÀI KHANH

Rừng đen – foret Noir

*(Tặng Hải Phương một người yêu quý triết lý M.
Heidegger.)*

Rừng Đen ơi hỡi Rừng Đen
Về đây người tránh bon chen thói đời
Về đây người lặng lẽ ngồi
Để nghe Tinh Thể lên lời Nguyên Ngôn
Để nghe cay đắng linh hồn
Lối xưa trót lạc bên bờ trắng phai
Người xưa giờ luống u hoài
Cội nguồn tư tưởng lạc loài về đâu ?
Cho mòn mỏi cuộc bể dâu
Cho đời sao mãi chìm châu nát vàng
Cho hồn xuân mãi lang thang
Dường như thiên kỷ suy tàn chưa xong
Dường như... câu chuyện tạc lòng
“Gìn Vàng Giữ Ngọc”⁽¹⁾ còn không hỡi người
Hương xưa chùng đã phai mùi
Cỏ xưa chùng cũng đổi thời xanh tươi
Nghe trong tia sáng mặt trời

Dường như có ngổ những lời tan hoang
Từ khi tư tưởng lộn đàng
Con người chừng cũng ngỡ ngàng... Quê Xưa ?

Saigon 2005

⁽¹⁾ Tên một tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ.



TRANG TRUYỆN NGẮN

TRẦN HOÀI THƯ * LỮ QUỲNH * PHAN
TẤN UẨN * TRANG LUÂN * PHẠM VĂN
NHÀN * TRẦN BANG THẠCH *

TRẦN HOÀI THƯ

Đôi mắt người Sơn Tây

*Đôi mắt người Sơn Tây
U uẩn chiều luân lạc
(Quang Dũng)*

Trước ngày ngưng bắn, là một phóng viên mặt trận, tôi vẫn thường theo các đoàn quân vượt qua giồng kinh Vĩnh Tế để làm những phóng sự chiến trường ngoại địa.

Vào một ngày đầu tháng chạp, tôi mang máy ảnh, sổ tay theo một chi đội thiết vận xa M113 về giải tỏa áp lực địch tại một quận lỵ nằm trên con đường số 1 nối từ Neakluong đến thủ đô Nam Vang. Buổi tối có mưa sục sùi, cùng với người bạn cũ nằm đêm tại một đồng không mông quạnh, chúng tôi cùng nhắc lại những buổi chiều ở Bonard, Mai Hương. Bạn tôi cũng kể về những ngày dài nơi xứ lạ này. Trời tối như mực đến nỗi cách nhau vài thước, cũng không thể nhận diện được. Thỉnh thoảng vài trái sáng được bắn lên từ phía rặng núi, soi cả thình không trong vài giây phút rồi tắt lịm.

Người bạn bỗng nói:

- Có bao giờ anh nghĩ rằng ở giữa vùng đất lạ lẫm này lại có một người nữ như trong một bài thơ của Quang Dũng ?

Tôi hỏi:

- Có phải là Đôi Mắt Người Sơn Tây ?

- Vâng.

Rồi bạn vừa đốt thuốc vừa kéo cao cổ áo lạnh. Cơn mưa đã dứt, nhưng khí lạnh tỏa bốc đầy trời. Bạn lại dục:

- Trước khi tôi kể câu chuyện, mời anh thử một chút rượu cho ấm. Rượu mang từ quê nhà đấy...

Tôi nghe lời bạn. Hớp rượu làm nồng cả châu thân. Như những giọt hạnh phúc nho nhỏ trong vùng đất gấm gù tai họa. Chúng tôi bây giờ chỉ còn những cơn mơ, chẳng cần để ý gì đến ngoại cảnh, đến những tiếng nổ thỉnh thoảng nổi lên cắt xé cả lòng đêm tịch mịch. Chúng tôi cũng chẳng cần bận tâm gì đến những tín hiệu đang phát ra từ chiếc máy siêu tần số bên cạnh. Và lời bạn tiếp tục:

- Rồi ngày mai, tôi sẽ đưa anh tới một quán nghèo giữa quận lị. Anh sẽ gặp một thiếu phụ trẻ. Hy vọng anh sẽ một nguồn cảm hứng để viết.

- Người thiếu phụ ấy có liên quan gì đến chúng ta không ?

- Có. Liên quan đến tất cả chúng ta. Nhất là anh.

- Tại sao ?

- Anh là một phóng viên.

- Phóng viên không phải là thầy tướng số.

- Vâng. Nhưng tôi tin anh có những điều kiện và khả năng hơn tôi.

Tôi cười:

- Thôi, tôi chịu thua rồi. Anh kể tiếp về người thiếu phụ Miền ấy đi.

- Không phải Miền mà là người VN.

- ...?

Bạn tôi vắt mẩu thuốc xuống ruộng nước rồi tiếp tục nhấp khế hớp rượu. Đêm nặng và đầy sương. Xung quanh chúng tôi tiếng dạ trùng, ễnh ương ếch nhái vang

lên não ruột. Thỉnh thoảng chúng tôi còn nghe cả tiếng "phụp" của trái sáng được bắn lên từ đâu đó. Giọng bạn ấm:

- Bởi thế tôi mới gọi là đôi mắt người Sơn Tây. Vâng, thật không ngờ, hai mươi năm về sau từ khi có bài thơ của Quang Dũng, tôi mới thấy được đôi mắt ấy. Anh còn nhớ không, những câu thơ đẹp như thế này.

Bạn đọc trầm trầm:

*Em ở Sài Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến đã ra đi
Cách biệt bao ngày quê bất bại
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì*

.....

*Đôi mắt người Sơn Tây
U uẩn chiều luân lạc
Buồn viễn xứ khôn khuây...*

Thú thật, tôi không phải là nhà thơ. Tôi chỉ là người yêu thơ. Nhưng khi gặp nàng, nhìn đôi mắt nàng, tôi phải bàng hoàng. Cảm ơn nhà thơ Quang Dũng đã cho tôi hiểu thế nào là một đôi mắt Sơn Tây...

Giọng bùi ngùi, người bạn kể lại:

- Khi đơn vị tôi đến K., thì bọn tôi nhào vào chợ để tìm mua vài vật dụng cần thiết. Riêng tôi, tình cờ ghé lại một quán bên đường và người chủ quán đã làm tôi ngạc nhiên hết sức. Da nàng trắng ruột, gương mặt thật thùy mị, mũi thanh tú, và nhất là đôi mắt nàng. Khi nhìn lên đôi mắt ấy, có chút gì buồn vơi vơi, có chút gì như lệ long lanh anh ạ. Trong khi xung quanh nàng, màu da

vàng mật, thì màu da nàng lại trắng nổi bật như một bông hoa hiếm lạ. Tuy vậy, tôi cứ nghĩ nàng là một người Miên một trăm phần trăm. Bởi cách ăn mặc, giọng nói của nàng. Bởi cung cách của nàng. Và tôi đã bập bẹ vài tiếng Miên học lóm được. Nhưng sau đó tôi bỗng nhiên nghe được hai tiếng Việt *thưa ông*. Càng ngạc nhiên hơn nữa, là giọng Bắc. Một giọng Bắc chính cống, không pha trộn, rất rõ và rất êm Anh hẳn biết ở xứ này, tìm được một người đồng hương đã là khó, mà người ấy lại là người Bắc thì lại càng khó hơn. Nhất là quê hương tôi là miền Bắc.

- Nàng nói gì không ?

- Nàng hỏi quê nhà mình dạo này ra sao ? Bên mình hòa bình chưa ? Nàng bảo nàng nhớ nhà quá. Còn tôi, tôi hỏi gốc nàng ở đâu, tại sao lại lưu lạc ở đất này...

- Nàng bảo sao ?

Nàng kể nàng sinh tại Sơn Tây. Rồi nàng tấm tức khóc. Sau đó chồng nàng xuất hiện. Nàng chắc sợ một điều gì đó nên giả vờ vui, rồi nói tiếng Miên huyền thuyên. Tôi muốn hỏi thêm nhưng lệnh ban xuống là đơn vị phải di chuyển gấp. Thành ra tôi chẳng biết gì thêm về lai lịch nguồn gốc của nàng...

- Quả câu chuyện anh kể như một cơn mơ...

- Vâng. Anh nói đúng. Nhiều khi nghĩ lại tôi nghĩ đời như cơn mơ. Cơn mơ về một đôi mắt...

- Đôi mắt người Sơn Tây...

- Vâng. Đôi mắt người Sơn Tây. Mà nếu không có cơn mơ ấy chắc chúng ta sống không nổi. Anh thấy không. Giữa lúc ở nhà, người ta đang sống phè phởn, đang bình an cùng giấc ngủ không bị quấy rầy, đang làm tình, thì bọn này đang có mặt ở giữa đồng không, xung quanh là

những thiết vận xa bao bọc, trời thì mưa sục sùi... Sống như thế này nếu không có những cơn mơ thì chắc phải điên khùng...

Bạn biết không. Có khi tôi mơ đất nước hòa bình. Có khi tôi mơ trở thành cánh chim bay về thành phố. Có khi tôi mơ có một phép lạ như Tôn Ngộ Không, bắt tất cả những tên đồ tể chiến tranh bỏ vào chung một phòng để chúng đánh nhau cho dân đỡ khổ. Và bây giờ tôi mơ về một đôi mắt...

- Vâng, nhưng thật tội nghiệp cho chúng ta vì chúng chỉ là những cơn mơ không bao giờ thành sự thật.

Một trái sáng lại òa vỡ, tôi thấy mắt người bạn trở nên xa vời:

Người bạn tiếp tục nói:

-Tôi là một kẻ rất yêu thích thơ văn. Tôi cũng thường xuyên theo dõi tình hình sinh hoạt văn học nghệ thuật. Có một điều tôi rất ngạc nhiên là trong khi người ngoại quốc lấy VN làm đề tài, những nhà sản xuất phim, những phóng viên kỳ cựu hay những nhà văn nổi tiếng đều bay qua VN tìm chất liệu, thì mình lại đi ca ngợi tung hô mấy loại sách dịch như Một Thời Để Yêu và Một Thời Để Chết của Remarque hay Lolita hay Love Story... Đất nước mình có biết bao nhiêu đề tài cho những ông nhà văn nhà thơ, tại sao lại cứ đi vay mượn. Có phải dân tộc mình có thói quen là nô lệ tinh thần hay không. Cứ nghĩ là mấy ông Tây ông Mỹ là mấy bậc thầy, cần phải học ở mấy ông ấy... Xin lỗi tôi có cái nhìn hơi chua chát nhưng không nói ra thì ầm ức lắm.

oOo

Vào sáng hôm sau, cả đơn vị lên đường. Tôi theo thiết vận xa của người bạn. Chiến tranh nơi nào cũng vậy. Cũng tang thương, đổ nát... Khi chúng tôi tiến qua một khu ruộng mía, người dân quì trên bờ ruộng, lạy chúng tôi. Làm sao mà người tài xế có can đảm cán bừa vào đám mía non ấy. Cả một dân tộc hiền hòa với những ngôi chùa mái cong vút lên mây ẩn hiện đằng sau những khóm dừa, khóm thốt nốt. Những ngôi nhà sàn trong sóc, còn thở khói. Đám con nít thấy chúng tôi cười thơ ngây. Trong gió, chừng như nghe cả mùi đất, mùi rơm và cả mùi ngây ngây của luống cà cây mới vỡ. Có những cánh én bay rợp xuống mặt hồ, rồi lại vút lên cao. Có những cánh én khác đuổi theo thiết vận xa, giỡn đùa với những đường nước mà bánh xích đã cà và tạo nên. Bầu trời thật xanh. Có ai nhắc đến Tết. Gần đến Tết rồi anh em ơi. Giọng nói mang vào lòng những đứa con của chiến trường những nhớ nhung tràn ngập. Thấy họ càng thương họ. Những phận đời tuổi trẻ chưa biết hưởng thế nào là hương vị thanh xuân, nếu có, chỉ là những ước mơ, nhưng nhớ tội nghiệp.

Và đúng như lời bạn nói, buổi trưa cả đơn vị đóng quân ngay tại trung tâm quận K. Người bạn đã nháy tôi và cả hai tìm đến chiếc quán bên đường. Tôi thật sự bị mê hoặc bởi gương mặt thanh tú, sóng mũi dọc dừa, màu da trắng nuột của người đàn bà. Nàng quả là một bông hoa lạ thường ở giữa cõi khô cằn này. Tuy nàng mặc chiếc sà rông đã bạc màu, những ngón tay bàn chân của nàng đã in dấu gian khổ lấm than, nhưng người ta vẫn tìm ở nàng một vẻ đẹp nổi bật vượt lên khỏi một tập thể dân quê

nghèo nàn và khổ cực xung quanh. Và đôi mắt của nàng, thật khó diễn tả. Thấy như thể cả trời u uẩn, đầy nước mắt. Tôi chỉ biết ngồi yên như bị đôi mắt ấy hấp hồn rồi. Tự dưng tôi cảm thấy thương nàng hết sức. Chỗ của nàng không phải là chỗ này. Chỗ của nàng ở bên kia biên giới có cùng chung màu da tiếng nói, có ao nhà, vườn rau, có bà con lân láng.

Nắng đã lớn, tươi thắm cả khu chợ quận. Người bạn giới thiệu tôi bằng tiếng Việt:

- Đây là người bạn của tôi.

Tôi nói chào cô. Người thiếu phụ cũng cúi đầu đáp lễ. Tôi nhận ra đôi vai nàng mềm quá. Người bạn lại nói tiếp:

- Hôm qua cô kể cho tôi nghe nửa chừng. Tại sao thế ?

Để đáp lại câu hỏi của người bạn, nàng chỉ nói:

- Các ông không hiểu hoàn cảnh của em đâu.

Đôi mắt của người thiếu phụ chợt hoe đỏ. Nàng nói giọng sùng lệ:

- Thấy các ông em bỗng nhớ đến quê nhà. Đã mười mấy năm em xa nhà. Thưa ông, từ đây qua bên ấy có xa không ?

Người bạn trả lời:

- Quê mình chỉ cách nơi này non 15 cây số, đường bộ chỉ mất nửa tiếng đồng hồ nếu đi xe...

- Thế sao? Em không hề biết.

- Chứ cô không bao giờ nghe nói đến quê nhà hay sao ?

- Dạ thưa không.

Rồi nàng lại hỏi:

- Không biết giờ này bên ấy nóng hay lạnh, trời có hay mưa không ?

- Bên nhà trời đã bắt đầu có những cơn rét cuối năm. Có

nơi mai đã bắt đầu nổ. Thiên hạ đang chuẩn bị ăn Tết...

- Thế ư. Gần đến Tết rồi ư ?

Đôi mắt của người thiếu phụ sậm buồn. Nàng nói như khóc:

- Không ngờ em lại làm kẻ mất quê hương. Các ông không biết hoàn cảnh của em đau lòng lắm.

Nàng lại tấm tức khóc. Tôi tìm cách khơi mào câu chuyện:

- Cô có thể kể ra được không ?

Nàng gạt đầu. Gạt nước mắt, nàng kể lại cuộc đời của nàng. Từ một quê nhà xa lắc xa lơ ngoài Bắc tên là Sơn Tây. Từ những ngày đầu tiên theo cha mẹ di cư vào Nam, quanh quẩn dưới rừng lá cao su, chưa bao giờ dám nghĩ đến một ngày rời xa cái thế giới mà người mộ phu gọi là đồn điền. Nàng kể về chiếc xe tải mỗi ngày chạy khắp đồn điền để chở những thùng mủ trắng về nhà máy. Ở đâu ? Nàng chỉ nhớ lại những tiếng chuông buổi sáng chủ nhật, từ gác chuông nhà thờ bằng ván tạp với ông linh mục già, hàm râu trắng xóa, đội chiếc beret đen, lúc nào cũng tươi cười và luôn luôn phát bánh kẹo cho lũ trẻ trong đồn điền. Ở đâu ? Nàng không biết. Nhưng nàng nhớ rõ về những cảnh cơ hàn của người dân phu cạo mũ, gôm đủ hạng người: Thượng, Miên và Việt. Và chúng tôi liền đoán ra đó là đồn điền Lộc Ninh cũng nên.

Rồi tai họa bỗng dưng bủa xuống như một trận bão lửa kinh hoàng. Trận chiến từ đâu kéo về, chọn ngay đồn điền làm nơi giao tranh, rền rã suốt cả một tuần lễ. Nhắc đến đây, tuồng như đôi mắt của nàng là cả một

bầu trời sâu thẳm. Hai giòng lệ lăn trào trên má. Tuy buổi trưa trời nắng lửa, hàng cây bên đường đứng bất động nhưng tôi nghe tưởng như có một cơn gió lạ thổi qua, rồi một đám mây buồn bả đậu lại trong hồn người như thể một phiến băng giá. Buổi trưa hôm nay, trong một quán lạ tại xứ người, có những kẻ cùng xa nhà gặp nhau mà nước mắt rưng rưng. Em xa nhà, tôi xa quê, em bỏ đi, tôi cũng bỏ đi, hai đành. Đôi mắt người Sơn Tây. U uẩn trời luân lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây. Hôm nay có một người của xứ Sơn Tây gặp lại người lính đồng hương, để nói về một kiếp đời bất hạnh. Đầu nhà bên kia đường có giàn hoa giấy vàng tươi thắm dưới ánh nắng mặt trời nhưng ở nơi này có một bông hoa tội nghiệp đang khóc cho hoàn cảnh của mình.

Sau đó... nàng kể tiếp. Suốt cả tuần lễ ở trong đồn điền, bố mẹ em tìm cách thoát ra ngoài. Vào khoảng tối, bố kêu em mang một bọc đồ quần áo, rồi dặn em phải theo kỹ bố. Nhưng mới đi khoảng chừng 100 thước, thì pháo lại nổ ầm ầm. Em không còn thấy bố thấy mẹ thấy em nữa. Em khóc. Em cứ chạy bừa. Vừa chạy vừa kêu bố kêu mẹ. Các anh cũng biết trong đồn điền cây cối san sát, đường nào cũng như đường nào... Em cứ nhắm mắt mà đi, vừa đi vừa kêu bố. Lúc ấy em mới 10 tuổi...

Cho đến khi trời sáng thì em không còn đủ sức đi nữa. Em cứ bò, vừa bò vừa run vì trời sớm thì rét lắm. May em gặp một gia đình người Miên tốt bụng. Họ mang em về đất Miên. Từ đó em sống đến bây giờ...

Cho đến lúc này em cũng không biết bố mẹ em còn sống hay đã chết nữa...

Tiếng kể của nàng như làm nhói cả tim tôi. Tôi nói với nàng:

- Cô có thể cho tôi biết tên bố mẹ cô. Khi về lại quê nhà tôi sẽ cố thăm dò giúp cô...

May ra, khi trở lại nơi này, tôi sẽ mang theo tin mừng.

Trên không bỗng hiện ra một đàn chim én, Những cánh chim báo hiệu mùa xuân đã cận kề.

Tôi nghĩ là tôi sẽ giúp nàng được. Bởi vì tôi là một phóng viên. Bạn bè làm ở các tòa soạn, và đài phát thanh. Tôi sẽ nhờ họ.

Nhưng tôi sẽ không bao giờ có dịp trở về chốn cũ ấy nữa. Hiệp định ngưng bắn đã không cho phép tôi vượt giòng kinh Vĩnh Tế ấy nữa. Món quà xuân cho người thiếu phụ xa xăm kia cũng không có dịp để trao tận tay. Tin mừng cũng hoài công không đến. Thỉnh thoảng tôi cũng có dịp đến bên này bờ kinh, nhưng đến để nhìn qua bên kia bờ, trên cánh đồng bao la xanh màu mạ, trên những hàng thốt nốt, rặng núi thắm trong mây mà liên tưởng về một hình bóng cũ. Ở đấy, có người thiếu phụ trẻ đồng hương đang trải qua những tháng ngày mỗi mồn bất hạnh. Ở đấy có một đôi mắt mà chúng tôi gọi là đôi mắt người Sơn Tây, đang hướng về quê nhà vì nỗi buồn viễn xứ.

Còn riêng tôi, đứng trên bờ kinh bên này, mà cứ ngỡ đang đứng ở một điểm chấm cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ được nhìn lại một đôi mắt buồn với vợ ấy nữa.

LỮ QUỲNH

Sông sương mù

Bởi không còn cách nào hơn để trấn tĩnh đám trẻ, người đàn bà đã nói vào tai chúng nó mỗi khi nghe tiếng đạn rít qua đầu và nổ chát trên xóm chợ: súng dưới đồn bắn đi đó mà, các con cố ngủ đi đừng sợ. Lâu dần câu nói đó trở thành điệp khúc và không còn hiệu nghiệm để giữ tâm hồn đám trẻ yên ổn như những lần đầu. Bé Phượng bắt đầu thức mắc, khi nhận ra sự hốt hoảng của mẹ. Mỗi lần nghe tiếng đạn réo, môi mẹ run rẩy những lời cầu nguyện, hai cánh tay vội vàng ghì lấy chị em nó vào lòng. Người đàn bà lúc đó, vì bản tính tự vệ, đã cố thu rút mình và đám con thật nhỏ lại, vô tình quên đi sự ngọt ngào và đau đớn của chúng nó. Đám trẻ vì sợ hãi quá, không dám khóc, nhưng vẫn cố đưa hai bàn tay nhỏ bé ra gỡ dần vòng tay mẹ để có thể ngẩng cao cổ thêm một chút cho hơi thở được nhẹ nhàng. Bé Phượng lớn hơn cả, thỉnh thoảng bị mẹ bỏ quên được ngồi thư thả trong một góc hầm, tuy thế nó cũng không dám có một cử động nhỏ nào, nó phải ngồi ôm gối và gục đầu xuống mỗi lần nghe tiếng đạn bay qua và nín thở chờ tiếng nổ vang lên tức ngực, mới đưa mắt lăm lét nhìn mẹ, bây giờ chỉ còn là một khuôn mặt tái xanh với đôi mắt như lồi hẳn ra ngoài chân mày vì khiếp đảm. Những lần đó trông mẹ tội nghiệp quá chừng, và nó muốn khóc.

Đã nhiều ngày qua, không có đêm nào là không nghe tiếng nổ rền trong khu vực quận, do đó trong lần nghỉ hành quân mới nhất dù không được tới nửa ngày, người chồng cũng đã loay hoay mang những tấm ván xuống đặt

dưới hầm để tránh hơi đất cho lũ trẻ. Người đàn bà rất hài lòng vì nghĩ rằng nàng và đám con có thể ngủ luôn dưới hầm, tránh được những lần hốt hoảng đến ẵm đứa này quên kéo đứa khác mỗi lần choàng tỉnh giữa tiếng đạn pháo kích, chạy từ nhà trên xuống chiếc hầm ở cạnh bếp.

Bé Phượng lúc đó có vẻ thích thú với chỗ ngủ mới, nhưng dần dà rồi nó cũng bực mình vì mỗi lần dsúng nổ là mỗi lần cát từ trên hầm rơi xuống mắt nhức nhối. Đã xót mắt đến không ngủ được, mà xuýt xoa thì bị mẹ mắng tại sao ngủ không chịu nằm nghiêng nằm sấp. Trong bóng tối của chiếc hầm, con bé không dám hé răng. Nó trở mình quay mặt vào thành đất, những giọt nước mắt lặng lẽ lăn trên má làm dịu lòng nó lại.

Công việc mỗi ngày của bốn mẹ con thật giản dị. Sáng sớm bé Phượng mang áo quần dơ của các em xuống bến sông giặt, trong khi người đàn bà loay hoay nhóm bếp nấu một nồi khoai lớn cho đám trẻ ăn lai rai cả ngày thay quà vặt, và một nồi cơm dành cho buổi trưa vì nàng thường ở chợ về trễ. Khi nào bé Phượng ở bếp lên, cũng là lúc người đàn bà sửa soạn xong quang gánh để ra chợ. Nàng dặn con, câu nói mọi ngày tưởng như không thay đổi, dù chỉ một tiếng:

- Nhớ chơi với em ngay miệng hầm, đừng đi đâu xa nghe Phượng ?

Con bé vâng lời mẹ. Nhưng có những buổi sáng trời tốt, không gian im tiếng súng, nó vẫn thèm dấn em ra bến sông chơi. Ở đó nó có thể ngồi trên một thềm đá, nhìn sương mù trên mặt sông và chờ đợi những chuyến đò ngang xuất hiện, lúc đầu chỉ nghe tiếng chèo khuấy

nước, tiếp theo là nửa con đồ rồi người lái với vành nón mờ nhạt hơi sương. Bé Phượng cảm thật thích thú khi nhìn cảnh vật bên sông dần dần hiện ra trong sương mai mỗi lúc một tan dần. Sự xuất hiện của cảnh vật như một khám phá riêng của nó. Kia ngọn cây, kia mái nhà, kia người gánh nước...

Nhiều lần bé Phượng muốn hai đứa em mình cùng tham dự vào trò chơi đó, bằng những câu đố: “sau cây bàng là cái gì?” rồi chờ một chút cho sương loăng dần để nhận ra “là cái nhà” và đố tiếp “sau cái nhà là cái gì?” cho đến khi nắng đã lên rực rỡ giữa sông, và trò chơi trong sương mù chỉ còn như giấc chiêm bao. Nhưng những đứa em của Phượng có vẻ không khoái trò chơi ấy. Chúng nó thích khom lưng lặn những trái vông trên cát để tưởng tượng đến dấu xe hoặc xé những ngọn lá chuối vắn kèn thổi te te bắt chước người dân vệ gác cầu. Đám trẻ có đời sống riêng thật vô tư. Trong những lần pháo kích, chúng nó đã sợ hãi vì tiếng nổ vang dội khủng khiếp, chứ chưa biết sợ hãi về những gì xảy ra đằng sau tiếng nổ ấy. người đàn bà thường cẩn thận bắt chúng ngồi dí dưới hầm, cho đến khi nàng biết chắc những chiếc xe cứu thương đã chở hết nạn nhân ra khỏi khu vực. Người đàn bà quen dần với cảnh đổ nát của chiến tranh, nàng không còn sợ hãi và lo lắng quá về cái tai nạn từ trời cao trút xuống ấy nữa. Thật khó mà trốn thoát. Sống phút nào hay phút đó, người đàn bà nghĩ thế, và cảm thấy bình tĩnh lại. Điều lo lắng nếu có ở nàng là sự lo lắng đôi khi như mối bận tâm thường trực, về người chồng mà những cuộc hành quân liên miên đã giữ chân chàng tận vùng đồi núi phía bắc quận lỵ từ nhiều tuần lễ nay.

Không nhìn hết được mặt sông vì sương mù dày đặc, nhưng bé Phượng cũng biết mặt sông sáng nay thật phẳng lặng. Trời lạnh lạnh. Trong không khí như có bụi nước. Con bé không để ý nó đã dậy sớm hơn mọi ngày. Dòng sông yên tĩnh trắng ngần sương mù nhìn xa như một giải lụa. Những giọt sương còn rơi tóc tách thật nhỏ và êm đềm từ những ngọn lá cao xuống các tàu lá thấp. Bé Phượng bước xuống bến sông đặt nắm áo quần dơ trên một tảng đá, rồi khom mình đưa tay khoáy nước. Nước lạnh quá làm nó rút tay về, nhưng rồi lại nhúng xuống, lần này sâu hơn và nó mỉm cười nhìn theo sóng nước phía sau bàn tay di động. Nó im lặng với sự nghịch ngợm đó được một phút thì ngẩng mặt lên, bỗng dưng có cảm giác phía sau mình đang có người nhìn trộm. Nó e dè thoáng chút sợ hãi, từ từ quay mặt lại. Vẫn sương mù dày đặc trong các cành cây. Con bé yên tâm ngồi nhìn ra sông và bắt đầu nhúng mở đồ dơ xuống nước. Nó không biết rằng cái cảm giác có người nhìn trộm chẳng nhằm lẫn chút nào, bởi người đàn ông đang ngồi thu mình dưới một gốc cây bên mé nước lúc đầu đã đứng dậy định tiến về phía nó nhưng sau nghĩ thế nào lại ngồi xuống như cũ, ánh mắt đăm đăm nhìn ra mặt sông có vẻ ngóng đợi. Gã cho tay vào túi áo móc bao thuốc lá lấy một điếu gõ gõ xuống mặt đồng hồ rồi gắn lên môi. Gã cho tay vào túi quần để tìm hộp quẹt, túi bên trái rồi túi bên phải. Gã quên hộp quẹt đã hết và chiếc vỏ không đã bị gã ném xuống dòng sông từ bao giờ.

Cuối cùng người đàn ông gỡ điếu thuốc ra khỏi môi lẩn lẩn giữa hai ngón tay trở và cái, rồi có lẽ như không dần được sự thèm một hơi thuốc, gã đành đứng dậy một lần nữa nhếch bước lẩn về phía con bé xin lửa. Tuy những

ngọn lá khô đã ướt đẫm sương không còn gây ra tiếng động nào dưới mỗi bước chân người đàn ông, con bé vẫn linh cảm thế nào, một lần nữa quay trở lại và ngổ ngang đứng dậy, trong tay còn nguyên nắm áo quần đang giặt dở. Người đàn ông đưa một bàn tay ra phía trước như muốn trấn tĩnh sự kinh ngạc của bé Phượng. Gã nói:

- Bác cần một que diêm.

Con bé vẫn đứng lặng, trong khi gã tiến thêm vài bước. Bấy giờ Phượng có thể nhìn rõ người đàn ông. Đó là một kẻ lạ, quá lạ đối với nó trong khu vực này. Gã đội một chiếc mũ lưỡi trai bằng nỉ xám, áo quần màu cứt ngựa nhưng không giống như đồ lính mà cha nó thường mặc. cách phục sức đó làm cho người đàn ông có vẻ gọn gàng và nhanh nhẹn ra. Bé Phượng vẫn nhìn sững gã, cho đến khi gã mỉm cười nhắc lại câu nói cũ:

- Bác cần một que diêm, cháu có mang theo đấy không?

Con bé lắc đầu. Nó đứng yên một lúc mới nói:

- Bác đợi cháu chạy về nhà lấy ra cho nhé?

Người đàn ông đưa tay cản:

- Thôi, cám ơn cháu. Bác đâu cần lắm.

Rồi đưa mắt nhìn ra mặt sông vẫn còn dày đặc sương mù, gã hỏi:

- Sáng nay cháu dậy sớm hơn mọi ngày hả?

Bé Phượng có vẻ lúng túng:

- Sáng nào cháu cũng ra đây, thế sáng nào bác cũng có đây để thấy cháu cả à?

Người đàn ông mỉm cười với nó, không nói gì. Tự nhiên con bé thấy sự xa lạ lúc đầu đối với người đàn ông không còn nữa. Nó hỏi:

- Bác ra đây làm gì thế bác?

Đưa tay chỉ ra sông, gã nói:

- Bác đợi chờ.

Con bé cũng nhìn ra sông nghĩ ngợi một lúc rồi ngẩng mặt lên:

- Cháu cũng thế. Sáng nào cháu cũng đợi chờ. Trước khi nhìn thấy chiếc đò, cháu đã biết nó sắp tới bờ nhờ tiếng mái chèo khuấy nước...

Người đàn ông chợt cười thành tiếng.

-Thế bây giờ...

- Bây giờ thì đò chưa sang đâu, bác ra bến sớm quá. Hay bác thử gọi đi.

- Gọi đò trong lúc không nhìn thấy gì bên kia sông cả, bác chẳng muốn chút nào. Trời sương mù nhiều quá.

Bé Phượng ngẩng lên nhìn người đàn ông.

- À, bác có thích sương mù không bác.

Người đàn ông vẫn nhìn ra sông, ậm ừ một lúc mới trả lời con bé:

- Ở thích, thích ghê đi chứ.

Con bé ngồi xuống, nhưng chưa vội nhúng mớ áo quần xuống nước. Nó hỏi:

- Thế bác ở bên kia sông hả?

- Ở...

- Nhà bác chỗ nào nhỉ. Khi hết sương mù rồi, cháu có thể nhìn thấy không?

Khuôn mặt người đàn ông bỗng nghiêm lại. Gã đưa mắt nhìn xuống con bé, và ngay lúc đó cả hai người cùng nghe tiếng chèo khuấy nước.

- Không, nhà bác ở sâu bên trong nữa. Đò sắp vào bờ rồi phải không cháu?

- Dạ.

Bé Phượng đứng dậy, nhếch sang một bên chờ cho mũi đò cập bến. Khi người đàn ông bước xuống lòng thuyền

rồi, nó mới giật mình hỏi:

- Sáng mai bác có ở đây nữa không bác?

- Có.

Gã đáp gọn, nhưng giọng gã làm cho con bé cảm thấy buồn buồn. Đò quay mũi, nó thấy người đàn ông đứng bất động giữa lòng thuyền. Con bé nhìn theo cho đến lúc con đò, cả vành nón của người lái, nhạt nhòa trong sương trắng. tự nhiên nó cảm thấy ngậm ngùi.

Một đêm thật yên tĩnh. Người đàn bà sửa lại thế nằm cho hai đứa con nhỏ, rồi ra trước miệng hầm ngồi nhìn vãn vơ khu vườn trắng. Thật ra thì nàng nhìn mà chẳng thấy gì hết. Có chăng, ánh trăng chỉ làm tăng thêm trong lòng người đàn bà nỗi nhớ nhung chồng cộng với sự lo lắng đến chảy nước mắt. Bé Phượng vẫn chưa ngủ, suốt buổi tối nó cứ bị hình ảnh người lạ mặt buổi sáng ám ảnh hoài. Chiếc mũ lưỡi trai màu xám che đôi mắt thật trù mến của gã làm nó cảm thấy băng khuâng như chưa bao giờ có cảm xúc đó. Thấy mẹ đang sụt sùi trước miệng hầm, nó ngồi chồm dậy, khom lưng bước ra ngoài ngồi bên cạnh. Người đàn bà vuốt tóc con gái:

- Sao chưa chịu ngủ?

Con bé im lặng một lúc, rồi trả lời mẹ bằng một câu hỏi khác:

- Sao mẹ ngồi đây mãi thế?

Rồi cũng không đợi câu trả lời, nó nắm tay mẹ hỏi tiếp:

- Sao mẹ lại khóc?

Người đàn bà nhìn qua một phía khác dấu nước mắt, nhưng những giòng nước mắt lại tuôn nhanh khi nàng đột ngột hỏi con:

- Phượng có nhớ cha không?

Con bé trả lời bình thản:

- Cha đi hành quân để làm gì vậy mẹ? Cha lâu về quá, có lẽ cha chẳng nhớ gì tụi con cả.

Người đàn bà gõ nhẹ lên đầu đứa bé.

- Đừng nói bậy. Để đầu gì cha về được khi mặt trận còn sôi động hoài.

Dĩ nhiên là bé Phượng không hiểu gì lắm, nhưng nó giữ im lặng. Người đàn bà nói:

- Ngày mai con ở nhà trông hai em, mẹ sẽ nấu sắn cơm và thức ăn cho các con trọn ngày. Mẹ đi thăm cha. Mẹ sẽ bảo với cha Phượng ở nhà rất ngoan, rất giỏi....

Bé Phượng ngẩng mặt nhìn mẹ. Dưới ánh trăng khuôn mặt con bé mũm mĩm khác mọi ngày.

- Mẹ nhớ bảo cha cố về cho được nhá.

Người đàn bà gật đầu. Hai mẹ con ngồi bên nhau một lúc, rồi người đàn bà đẩy con xuống hầm. Bấy giờ trời đã khuya. Trước khi thiếp ngủ, bé Phượng còn nghe mẹ dặn:

- Sáng mai khi hai em còn ngủ, con chịu khó đem chiếu ra sông giặt đi nhé. Nhà chỉ còn một chiếc mà tụi trẻ đáí dầm bấy nay...

Con bé không nhớ mẹ còn dặn gì nữa không, vì ngay lúc đó nó đã ngủ vùi trong hơi đất quen thuộc.

Lúc bé Phượng thức dậy thì người đàn bà không còn ở đó. Nó nhìn vào những thức ăn và nồi cơm nấu sắn, nghĩa là mẹ phải dậy sớm lắm và giờ này đang đứng bên quốc lộ chờ xe. Bé Phượng nhớ lời mẹ dặn đêm qua, sáng nay phải mang chiếu ra bến giặt. Nó vội đắp lại chiếu chắn trên bụng hai đứa nhỏ rồi ôm chiếu ra bến sông. Đi được một quãng, nó tần ngần đứng lại vài giây rồi quay trở về.

- Tại sao mình không mang theo hộp diêm nhỉ? Biết đâu bác ấy chẳng cần tới?

Con bé nghĩ thế và cảm thấy lòng vui lạ lùng. Một sự náo nức xuất hiện trong tâm hồn, lúc đầu thì không nhận ra nhưng sau đó nó hiểu.

- Hẳn giờ này bác ấy đã có mặt ở đây rồi. Không biết bác thức dậy lúc nào mà có mặt ở đây sớm thế...,

Bé Phượng tự hỏi nữa, mà chẳng thêm đến sự trả lời nào. Nó bước thoan thoắt về phía bờ sông. Trời vẫn như mọi hôm, đầy sương mù, và dòng sông vẫn là giải lụa trắng bát ngát.

Vắt chiếc chiếu lên một tảng đá, bé Phượng đưa mắt nhìn quanh tìm kẻ lạ. Vẫn những ngọn cây ôm kín sương mù, vẫn gốc cây quen thuộc bên mé sông nơi người đàn ông xuất hiện hôm qua, vẫn bến nước tĩnh lặng này, nhưng kẻ lạ thì không thấy. Con bé thất vọng ngồi xuống một tảng đá. Tự nhiên nó cảm thấy thiếu vắng một cái gì trong tâm hồn. Kẻ lạ đã sai hẹn với nó.

Bé Phượng ngồi im như một pho tượng không biết trong bao lâu cho đến khi nó sờ phải hộp diêm trong túi áo và sức nhớ tới câu nói dịu dàng của người đàn ông khi hỏi xin một chút lửa, cũng là lúc nó cảm thấy nước mắt mình chảy vòng đôi mi và dòng sông trước mặt mịt mù hơn bởi sương mù. Trong sự yên tĩnh đang có của buổi sớm, bỗng con bé nghe tiếng đạn réo qua đầu rồi tiếp theo những tiếng nổ dữ dội chung quanh. Bé Phượng nằm ngay xuống một kẻ đá, cố thu mình thật nhỏ. Tảng đá còn ướt đẫm sương. Hơi lạnh từ đất tỏa lên thấm qua lớp vải áo làm nó run cầm cập.

Chờ cho trái đạn sau cùng nổ dứt một khoảng lâu, bé Phượng mới ngồi dậy. Hình ảnh đầu tiên trong tầm mắt

nó là dòng sông rực rỡ ánh nắng. Sương mù chỉ còn vương vất trên những vòm cây cao bên kia sông. Con bé nhìn chăm con đò đang neo trong bờ dưới một khóm tre. Con đò sáng nay đã không sang ngang, mà kẻ lạ cũng không có mặt để chờ đợi.

Bé Phượng đứng dậy uể oải kéo chiếc chiếu thả chìm xuống nước . Nó nhớ lời mẹ dặn đêm qua, và giặt vội vàng khi chợt nghĩ giờ này hai em nó hẳn đã thức dậy. Hẳn phải thức dậy ngay, khi có tiếng nổ đầu tiên rồi chứ . Nó nghĩ vậy và cảm thấy nóng lòng quá đỗi. Bỗng có tiếng người nói phía sau:

- Thôi đừng giặt nữa cháu à...

Con bé hốt hải quay lại. Người lính bước xuống những bậc cấp bằng đá. Nó nhận ra người lính có vẻ quen thuộc, hình như là bạn của cha. Người lính nói:

- Giặt chiếu làm gì sớm thế ?

Con bé ngửa mặt lên nhìn người đàn ông:

- Mẹ cháu bảo nhà chỉ còn một chiếc, mà tụi em đái dầm...

Người lính cười buồn:

- Thôi vứt chiếu đi, theo chú về nhà...

Con bé ngần ngại, mở to mắt trân tráo nhìn người lính:

-Mẹ cháu dặn...

Người lính quay mặt đi:

Chú biết rồi, nhưng bây giờ không cần thiết nữa.

Con bé hốt hải và nước mắt nó bắt đầu chảy nhanh xuống má.

Nhưng còn các em cháu...

Người lính nói chậm rãi:

Cháu còn nhớ loạt đạn pháo kích vừa rồi chứ? Cháu thật đại...Thôi về nhà chú đi...

Bé Phượng ngồi thụp xuống, đưa hai bàn tay bưng mặt khóc thét lên, nức nở. Trong khi người lính kéo thấp mũ lưỡi trai xuống và khịt khịt mũi.

Người lính nhất định không cho bé Phượng trở lại chiếc hầm cũ. Anh nghĩ con bé sẽ khóc thật nhiều trong những ngày đầu, nhưng rồi nó sẽ nguôi quên, và nhất là khi quốc lộ được khai thông và mẹ nó có thể trở về với nó.

Mỗi buổi chiều người lính dẫn con bé ra sông chơi. Nhưng nó có vẻ thích đến đó vào buổi sáng hơn. Buổi sáng thì người lính dậy muộn, hơn nữa cũng không mấy khi anh được ở nhà ban đêm. Bé Phượng, sau ngày hai em chết, không còn dịp để nhìn lại dòng sông sương mù. Không còn dịp để gợi nhớ lại hình ảnh kẻ lạ mà nó gặp buổi sáng nào trên bến nước.

Một buổi chiều, người lính dẫn bé Phượng đi học theo dòng sông. Con bé tung tăng như một chú sóc nhỏ. Tóc nó bay rối trong gió, thỉnh thoảng nó ngồi thụp xuống một bãi cỏ để chờ người lính lừng khừng đi tới. Nó bắt đầu nguôi quên thật, tâm hồn trẻ thơ có khác. Lúc hai người đến một khúc quanh của dòng sông, người lính dừng lại. Anh lấy thuốc gắn lên môi, rồi thọc tay vào túi quần lấy hộp quẹt. Hộp quẹt chỉ còn một que diêm. Người lính đưa que diêm và hộp quẹt trống ra trước mặt cho con bé nhìn, ý chừng cho nó cùng hồi hộp vì chỉ còn một que diêm, thu đóm lửa giữa hai bàn tay xòe ra, nhưng đóm lửa đã tắt khi sắp kê vào đầu điếu thuốc. Người lính không có vẻ bức mình, ném vỏ diêm xuống cỏ, lấy điếu thuốc ra khỏi môi, rồi buông thõng hai tay nhìn con bé mỉm cười.

Con bé cười trả người lính, đoạn chạy đến đám cỏ nhất

chiếc vỏ hộp quẹt, mân mê trong lòng bàn tay. Nó nghĩ, sao chú này giống bác ấy thế. Tự nhiên nó cảm thấy lòng lâng lâng buồn.

Hai người, một già- già đời- một bé xiu đi cạnh nhau, không nói với nhau một tiếng. Bỗng họ dừng lại khi thấy đám đông trước mặt. Bây giờ con bé mới hỏi:

- Cái gì thế chú?

Người lính nghĩ ngợi một lúc, rồi nói:

- Hình như xác địch ấy mà, hẳn bị bắn chết đêm qua...

Con bé tần ngần một chút, rồi không tránh được tò mò, nó kéo tay người lính chen vào đám đông. Bỗng con bé dừng hẳn lại. Nó vừa nhìn thấy chiếc mũ lưỡi trai bằng nỉ xám, rồi chỉ trong một giây sau, nó thẳng thốt nhận ra xác chết là người đàn ông, kẻ lạ mặt mà nó đã gặp một lần duy nhất trên bến sông. Nó bỏ đám đông, nắm tay người lính kéo đi. Con bé lấy làm tiếc là lần trước, nó không có sẵn hộp diêm cho kẻ lạ mỗi điếu thuốc./.

PHAN TẤN UẨN

Đêm mù mờ địa (*)

Bãi chiến mưa bay, úng lạnh. Hơi lạnh phủ xám cánh đồng mía rậm rì mặt trước. Mặt sau và lẩn trước một khoảng ngắn : mả. Những chiếc mả non nhấp nhô đầu vú màu đất ướt vàng sữa, cỏ chưa mọc hay chỉ xanh mướt một vài sợi, rễ khều nhẹ trên chóp. Nghĩa trang tân lập đất bồi. Chôn ai ? Ngôi làng nào bẹp dí xuống đây ? Dấu tích nào trợn mắt hờn oán... Những sợi cỏ thê lương trên những mả non vô chủ. Lạnh . Như một vết thương chọt đến cửa nhức cằm cập trong tim. Cánh đồng mía gió rì rào trên từng lớp sóng, bóng địch mở mắt nằm trì đầu đó, sâu cứng dưới đất những rễ nhánh rễ phụ khuất chìm âm hơi tiếng động, nghe ngóng giữa lòng mưa bay lào xào từ một góc trời, một hướng đất những động tĩnh chực chờ chuẩn bị. Mỗi chốc thời gian bầu sít nhau, nín khe giữ mô hình không gian, cảm giác. Đơn vị tăng phái. Hai thằng hai tiểu đoàn. Một tiểu đoàn chờ im thao láo mở mắt chờ địch. Con sông nhỏ bọc dài phía sau ruộng mía. Bên kia sông, Lĩnh dẫn toán thám sát dò tìm hơi hám. Hấn bước tới, nhưng mắt hấn gặp rõ đoàn quân sau lưng. Tọa độ X đánh dấu trên ngôi chùa Y. Bộ phận chỉ huy, ông sếp trận vai dài mặt sắt. Cây súng, viên đạn phù trợ nghiêm lệnh vang trời. Nằm xuống. Đứa nào ngóc đầu lên, tao nê. Nê là chết. Chết . Chết. Chết.

Không ai muốn chết cả. Vực thẳm đó. Đẩy tới, chúi xuống, một tích tắc, một hít vào, một thở ra, chút xiu nữa, lũ khốn sẽ nằm rũ mục xương, nhưng đứa nào cũng

khiếp lệnh run sợ hòn đạn chỉ huy, tiếng hét xua quân vọt từ miệng họng có gang có thép. Đoàn quân thứ hai sẽ đổ về phía bên kia bờ sông ba bên bốn mặt. Trực thăng mở bụng nhả ra những ngọn lá rơi xuống, vùng vẫy. Lính bộ nhập vào. Toán thám sát của Lĩnh bơ vơ trơ trụi bọc soát không gian. Không gian ngổ thì mệnh mông trống trải, nhưng hấn không dòm thấy gì, hấn tưởng cái vắng không khí nặng trĩu như một khối thép chắn mù ngang mắt. Trí óc Vi mãi khốn khổ nghĩ tới thằng Lĩnh lủi thủi bên xa phía sau ruộng mía. Hai số phận bạn bè thân thích, nỗi khổ chỉ biết chửi nhau nghe. Hai đứa chỉ còn hai cái xác tạm bợ, chơ vơ.

Sau một trận đánh, ôm nhau nước mắt chảy dài, thần hồn thần phách quẩn sát đâu dưới lòng đất vùi cốt vô danh. Chiếc máy truyền tin bất động trông chờ hơi thở. Tần số đó, lấy mẫu, bắt sóng. Sóng tắt nghẽn im bật. Lĩnh . Lĩnh

Mây đâu ? Hay hấn... Gió rù rì da diết. Thằng Vi cong rút thịt xương trong áo, nằm chờ. Tiếng hấn len lên thật khẽ :

- Ai có thuốc ?

- Thuốc quân tiếp vụ, chuẩn úy.

- Tôi nói thuốc. Tôi không nói quân tiếp vụ, quân tiếp vụ gì hết. Anh châm dùm tôi một điếu.

Tay người trung sĩ lun run kéo bao thuốc bẹp nhàu mềm nát :

- Uống hết, sợ châm không đủ.

- Anh cứ đốt lên . Đốt lên cho ấm. Dịch đang trổn.

Tôi đoán bọn chúng chuẩn bị tử thủ trong ruộng lúa, cố sức ẩn mình.

Chăm lửa lóe lên, điếu thuốc cháy ngùn, ì ạch hơi khói.

Địch sẽ thấy ra ngoài mênh mông. Vì ở vị trí đó, nơi một làn khói bốc ngùn yếu ớt đánh dấu trước tầm mắt cú đêm len ra khỏi những khe sáng giữa thân mía cao che phủ đầu địch. Thuốc ướt, điều thuốc quăng vút vô dụng. Không có hơi lửa sưởi ấm ngõ ngách tâm hồn.

- Én Trắng. Én Trắng . . .

Tiếng Vi réo vọng trong máy, dò tìm. Én Trắng là Linh, đưa bạn hấn sục sạo mò mẫm góc trời. Én Trắng không bay tới. . . E hấn. . . Im bật tiếng trả lời trong máy. Vi đưa mắt hỏi người trung sĩ. Tại sao Linh không nói. Ở đây nổi bất lực ghê gớm. Những khó đoán vô cùng thăm thẳm. Ở đây lời anh nói trí anh nghĩ như cơn viển mơ dài xáo lẩn nổi chết xanh xám da người. Vì biết có thể địch nhắm tĩa bắn nát đầu hấn, hay ít ra bằng đủ cách, phải vô hiệu hóa chiếc máy truyền tin, thần kinh hệ chiến trường. Vì nó, những cánh oanh tạc cơ sẽ nhào tới, vô dập nhai nát từng sợi tóc ngón tay những tên địch cứng cổ. Chỉ do một làn sóng. Sợi anten cần chúc chúc xuống, kín sau tầm mắt hướng đúng vào phía nhận được mức độ tiếng nói mạnh nhất. Một chốc nữa, tiếng gọi the thé vang kêu thất thểu, Vi sẽ xoay lại hướng, chỉnh lại máy. Người trung sĩ kìm giữ cây súng, cái nhìn nung đỏ chứa thẳng phía trước, hai chuôi con mắt còn muốn quét kỹ qua các hốc đất bụi cỏ nằm rộng hai bên hông bụng. Những hàng cây thưa thớt mọc rải trên mặt đất mới. Những ụ đất nắm mả vun cao, ép mình khuất sau đó từng tên lính trơ trụi. Vì kê lưng lên ụ đất, hai cẳng chân khi duỗi thẳng muốn dính cứng xuống. Từ sáng, hấn theo một lộ trình ẩn kín an toàn xuất phát từ điểm tập trung chạy băng qua cánh đồng cỏ hiu hắt. Giống trăm bận trước, hấn và Linh được ném tới một địa danh lạ hoắc,

ngơ ngác. Một tấm bản đồ, một khoảng thời gian nhận lệnh, mỗi đứa công nặng trên vai một phần hành luggage ra đi, có lúc chợt thêm khát tâm trạng Kinh Kha trên bờ sông Dịch. Vi khe khẽ cởi nút quần, đá nhẹ ra xa chỗ ngồi . Hắn bao quát tầm mắt trông khắp cánh đồng. Cánh đồng chừng năm bảy mẫu đất gọi được B-52 Mỹ tới, chỉ cần cày vài mẻ là yên trí từ tên lính quèn lên ông tướng sư đoàn. Người trung sĩ khi nhìn chăm vào những lùm cỏ thưa thớt, nói qua Vi :

- Mấy lùm cây đáng nghi thật , chuẩn úy. Hồi trước đánh Tây, một lần lính Việt Minh ngụy trang thành cây cối diệt gọn cả một tiểu đoàn bạt-ti-dẫn...

Người trung sĩ định nói hết câu chuyện, Vi đưa một ngón trỏ chặn dọc miệng, lăm lét dòm rõ phía trước. Một chập không thấy gì hắn đáp lững :

- Chuyện anh nói, tôi có nghe . . .

Câu chuyện mất hút. Có nhiều chiến thuật ma quái lạ lùng thời kháng chiến vẫn còn tồn tại áp dụng trên một chiến trường miền Nam bây giờ, chỉ thêm một vài chi tiết nhỏ để phù hợp với địa hình, tâm lý. Khi sáng chế mưu thuật, địch nghiên cứu kỹ thực địa, sự thành công nhiều khi quá sức tưởng của chúng ta. Bây giờ nghe chiến thuật ong vò-vẽ địch áp dụng đặc biệt nhắm vào lính Mỹ. Lính Mỹ từ vùng lạnh , hành quân qua vùng nóng, ở trần trụi trụi. To con , mỗi chiếc thân phúng phính đầy đà mỡ thịt như miếng ngon đặt trước đàn ong. Một mũi chích, trăm ngàn mũi chích, cánh tay mặt mũi sưng vù nhức nhối tán loạn hàng ngũ, còn trí óc nào định tỉnh trong cơn chàm loạn súng đạn đầy trời các cùm bối rối. Trên đường hành quân vào các làng mạc xa xôi, rừng rú cỏ rậm, mỗi ngõ vào lù lù vắt kín trên hốc cây

cành lá che phủ những tổ ong nọc độc, lay động ngọn cành, lũ ong ào ra, bố xuống. . . Chuyện anh nói, tôi có nghe. Ngày trước một đơn vị Partisan dừng quân hạ trại nghỉ khi trời sắp tối trên một bãi đất cỏ lúp xúp nhiều lùm cây trãi rộng xa xa bao quanh khu vực đóng quân. Lính gác gác đã canh kỹ hơi hám du kích , động tĩnh tình hình. Lính VM nằm sẵn sâu dưới mỗi hầm cá nhân, nín thở co rút chờ chực đâu trước đó. Có thể lúc đó trưa đứng nắng hay vào một thời khắc im rợn hiu hắt nào đó trên bãi đất trống. Che giấu kỹ tông tích, bãi đất chỉ còn cây cỏ quen thuộc thiên nhiên. Lũ đánh thuê không đánh hơi tìm kiếm gì được. Ra tay . . . Trời đen mù phủ tối, những lùm cây im lìm chuyển dịch xâm thực mặt cỏ, dưới mỗi lùm cây một lính VM cầm cứng những cành cây nhẹ đưa lần tới trước. Ép vào. Ép sát vào... Tiếng hô lệnh xung phong, quăng xuống hết những chướng ngại nguy trang. Xung phong . . .

Khu đóng quân hỗn loạn. Những nhát mã tấu. Những chiếc đầu rơi. . . Câu chuyện chiến trường cũ Vi còn nhớ mỗi bận hành quân chong chanh mạng số. Những lùm cây : người trung sĩ ngẫu nhiên ngại ngập. Nổi lay lắc rập rình chiến trận tự đứng cùng sống mạnh trong cội lòng Vi, trong người trung sĩ. Vi đưa mắt rà khắp khoảng vắng. Một ngôi làng. Một thôn bản hay một nhóm di dân tới tả sau cơn đại nạn đứt lìa mạng sống ? Mảng tro xám đen nhòa lẫn trên tuột nền đất, vài cột tre mục rã chờ vơ đợi chờ. Một dãy nhà quy xuống tan nát, mất tăm bóng người. Những người nằm trong lòng lũ mộ non, bịt bùng tức tử oan khiên. Cấm cho nắm nhang, thấp cho ngọn khói. Hà xuống hơi thở phủ xuống những tháng ngày lạnh lẽo. Ai nghe chi không ? Nghe chi không tiếng nước

nở gọi dò. Một đời sau chập chờn hú thét, trả oán tới ai, cháu chắc kéo đàn xập xĩa kinh mờ rụng rời tìm dấu cha ông. Chết trụi cả cành cây cho hồn oan vất vưởng, hai tay bưng đầu gọi mẹ kêu cha, mắng người chửi vật. Hết. Hết rồi... Sao còn nghệt thở ? Khối thấp nào đè cứng xuống đây. Hãy ngo quay vòng khác những hận thù man rợ thú rừng. Ngó lơ đi, nói rộng ra vòng thất oan trái, ôi những vòng thắc ôm nhau ứa lệ ngàn hàng. Đi rồi một đũa. Trăm ngàn đũa đi rồi. Vuốt mặt tiễn nhau vĩnh biệt sau cùng. Cho xin giấc ngủ bình an trong gió buồn mộ địa heo hút đêm sương. Vì quận thất trong cơn gió tru rẻo ma tính. Rồi hấn cũng chết nhần rằng nhập bè méo hòng trọn mắt lớn vờn quỹ sứ. Kéo nhau tới nữa đi, dàn ra, giết nhau tới nữa đi. Lòng đất chưa thấm máu đỏ giòng rập ràng tuôn biển. Chưa chi hết...

Máy bay cỏ nâu lính thú gầm thét bỏ về. Một con chuồn chuồn lợn vòng chao cánh lò dò trên đầu ruộng mía. Đàn cá sấu xẹt ngang một chớp khói vùng trời tử thủ rồi quay lui rẽ rạch nhiều đường bay đan dày thành tấm lưới chụp xuống đầu địch. Bom... Bom là những khúc sắt từ bụng cá sấu rơi dần dần. Rớt xuống. Nổ. Tiếng nổ bung đất bung đai. Khói đen đặc quánh cuốn núi. Những khúc sắt rải đều gieo xuống chết chóc – chết ai trong đó ? Mấy đũa nghịch tặc cứng cổ. Một đơn vị rầm rộ tràn tới. Xe bọc sắt hai chiếc đâm chĩa về hai góc ruộng mía. Đại liên năm mươi chúi xuống. Quét. Quét tới bởi lá liễu. Đạn mấy thùng. Hai khẩu đại bác nằm ngóng phía sau. Rót. Rót tới yểm trợ từng bùng. Hai người lính loăn quăn gánh đạn : lạ vô cùng hình ảnh những dân công yểm trợ chiến trường thời Tây, bây giờ xuất hiện trước mắt Vi. Một khúc cây đòn gánh gác ngang hai vai. Sợi

dây bó ba thuổng trái đạn, rì xuống. Buông thông. Bước chân thúc tới vô vấp. Bỏ đồng đó, trở lui tiếp đạn - những khúc đạn độc hiểm. Mau lên. Một tràn phóng ra, ba bốn quả nhào tới, tiêu ma óc thịt xương vôi đất nhão. Có thằng nào toét bụng sút môi rên la thảm thiết. Gió chém mạnh như lưỡi dao cửa ngọt, cửa sâu động tim rúng óc. Đứng khóc. Tiếng khóc là thù địch chiến tranh, con sói hỗn mang nuốt trứng tình nghĩa hình hài lớp lớp. Mấy giờ rồi ? Bấy . Bấy giờ tối mập mờ ề ạch giết chóc.

- Ẽn Trắng . Ẽn Trắng . . .

- Sơn Ca. Sơn Ca. Tao đây Vi.

- Lĩnh . Lĩnh . ĐM mày. Tao đang rầu rĩ, cứ tưởng...

ĐM chạy đâu hồi trưa tới giờ ? chờ mày một lần tao đáí trong quần ...

- Vi. Im đi. Tao vừa sống lại. Mày nghe chưa ?

Tao vừa hụt chết ...

Im rộn cánh đồng. Bộ binh thả lưới tràn tới nữa. Từng đợt chạy tháo một hồi, tìm hốc tìm mả nằm xuống thao láo đỏ kè con mắt, nhắm súng giữ cò. Lớp sóng đó nhổm dậy, ủa tới hàng ngang. Một chặng tiếp tới, nằm xuống hồi hộp. Một còn một tiêu ma, biết tiêu là hết nhưng muốn bắn. Khói thuốc súng sẽ xông lên mê vùi diên say. Quên hết.

Nằm đợi những giây khắc căng phòng trí óc, dằng dặc rụng rời như hơi thở ngoi ngóp. Khối đen của đêm rơi bịch xuống, đồng lửa tối ám. Những trái sáng phụt lên không, vạch rõ mặt mày. Một trái tắt ngúm, trái khác nổ bông rực rỡ. Mờ sau ngọn sáng lơ lửng, bầu trời xám đặc đông cứng, những tảng mây chồng khít lên nhau như da đá chì bọc ngọn núi trọc. Mưa rớt nhỏ hạt, cuốn lùa trong gió âm u buồn thảm. Như trong đó có tiếng kèn đưa ma

áo nào dựng dậy hay hình thù con đồ đưa xác lừa về trong trí, da thịt sượng sùng nổi cao gai ốc. Vì đã hốt hoảng lần đầu khi nghe tiếng kèn xung phong dữ dằn phía địch rống lên, tiếng rống ộc ộc ghê hồn như một con bò bị chọc tiết. Tiếng kèn tác dụng ngược trái hai chiều vào tinh thần lính chiến hai phía.

Một phía đã làm chủ chiến trường, chuẩn bị tinh thần, tiếng động nào cũng có thể thôi thúc chiến đấu. Những cuộn phim dựng lại cảnh tấn công của đế quốc La Mã thời cổ đại, ta nghe nhịp trống dội động giục giã nhào tới, nhịp trống lừa tấp lôi ta nhôm dít đứng lên, giật tay thúc cùi. Thêm vào, tiếng lính trận reo hò lúc nào nghe cũng lạnh gáy xôn xao cảm động ngậm ngùi bởi trong đó hàm chứa nỗi chết, hét lên cho hả giận, sau đó, không còn nữa, những tiếng kêu bi thảm sau cùng của đời sống không trần trối dần dò . . .

Tám rưỡi tối. Ớn Trắng, Sơn Ca đi gọi nhau, hôn nhau trên làn sóng. Sóng điện chuyển mang tiếng nói, thương yêu bạn bè . Lời Vi , lời Lĩnh ghen ngào trao nhau cỏi lòng xoáy hút tâm tư.

- Ớn Trắng. Tao cầu nguyện cho mày đêm nay.

- Sơn Ca . Mày đợi tao. Bọn hấn đang vượt sông mở đường máu...

Tiếng Lĩnh ngưng bật. Nước mắt dồn nén trào ra, cổ họng ảm ức. E hấn... Gió rít vì vu. Mới chừng năm phút Vi réo tên Lĩnh trong máy thất thanh . Hấn muốn gửi dòng nước mắt thương tiếc trên lưng làn sóng. Lĩnh . Trả lời tao... Làn sóng yếu ớt không mang nổi nước mắt tiếng khóc Vi.

Đạn năm mươi trên hai con cua khặt đều từng loạt vào

mấy lùm mía. Lúc này lũ cá sấu cũng đã chà nát cánh đồng. Cánh đồng mía như một mái tóc con gái ngọt lịm chấm vai, giờ đã xài xạc tan hoang. Những thân mía sập ngã chông chênh, những lỗ đất lún lóc ngấp thở. Không biết gì tình hình bên kia sông. Vì nghĩ tiểu đoàn đi sau anh đã tới dàn quân bọc chặn đường địch tháo lui. Mặt trước, bộ phận Vi tăng phái ép địch lùi sâu xuống sông, mặt sau hờm sẵn một lớp vây chờ chực nhai tươi nuốt sống, trên đầu máy bay mưa bom xối xả từng hồi, địch không nổi chịu thấu. Tuy nhiên , trong chiến thuật, phải cho địch một lối thoát.

Phía bên hông ruộng mía nối qua một vùng cây cối lưa thưa chạy dài tới ngút tầm mắt, thânh thang nhi nhúc ngo thấy có thể là khe hở để địch tháo chạy khi cùng đường. Máy bay sẽ chặn đánh phủ đầu nát vụn xương da. Ý nghĩ về trận đánh chen lẫn những lo tìm đứa bạn quanh co trong đầu . Chiếc bẫy . Mỗi phía giăng sẵn những chiếc bẫy chờ đối phương, ngay cả khi thế cùng lực tận. Bọn hấn đang vượt sông mở đường máu, tiếng Linh báo tin chiều hướng chiến trường đang đi ngược chiều Vi nghĩ. Mười giờ khuya. Gió lạnh cứng trên môi khô cổ đắng, chân tay co run lẩy bẩy. Những trái "phụ" soi sáng liên hồi như những ngọn đèn treo chi chít lưng chừng trời. Từ khoảng trưa đặt chân tới bãi, phía Vi hoàn toàn chưa chạm trán, bóng địch mãi lẩn sâu né tránh. Vi và đồng đội nằm cứng một bề, tư thế sẵn sàng đợi lệnh, đồ ăn khô lòi ra ăn ngấu nghiến. Xác thân hình nộm mệt lử, nhừ nhuyễn như một xác mằm đã lã buông xuôi . Góc trời phía trước ngã bên bờ sông, những tia đạn lửa bề cong vọt từ dưới đất tạt qua hướng Vi. Đạn nổ nghe thật gần , những viên đạn hạ xuống quanh quất đây đó. Cứ

khép mắt quên vùng chiến trận , âm thanh rần rần của những loạt pháo cũng náo nức như đêm giao thừa bập bùng tia lửa. Người trung sĩ về mệt mỏi :

- Chắc cả hai đang thọc huyết nhau bên kia...

- Tôi cũng nghĩ thế , Vi nói.

Xấp lá cà ôm nhau vật. Những thế võ . Chém treo ngành ... Máu rùng rùng tung vọt, đầu rơi mắt còn trợn ngược, tiếng chửi cuối cùng vừa khép. Vuốt mất đi thôi, một ngàn mãi năm sau nhắm tít ngủ vùi đất đen. Những đường dao múa xiên múa xẹo, tiếng reo la gầm thét dọa nạt.

Nằm sập xuống những cây khô đốn ngã. Ai say máu người ? Chưa ôm nhau thịt , thịt nhau là hết đời thằng Vi , thằng Linh, người trung sĩ theo chân sưởi nóng tâm hồn. Hai người còn đây ngóng mắt thương theo. Thằng Linh chao ôi, một đời bảy giờ hấn mới ôm xoát hình nhân đối địch loanh quanh vầy vùng. Hấn nghĩ gì mùi hôi ẩm mốc trên đó. Hấn nghe không tiếng động ì âm giục xé trong hai nắm tim tử thù ! Hấn biết chỉ kẻ địch đầu óc tư tưởng trái xoáy cuồng điên. Hấn thấy không bàn chân những ngón co quắp giao chỉ xa vời tổ tiên. Còn gì nữa . Biết rồi . Kẻ thù chỉ sáng lửa ở đây, trên xương trên thịt. Mồ hôi mốc ẩm da vàng quen quen ruột thịt, giòng máu chảy từ đầu cổ xuống tới cà-mâu trong cơn nạn nhỏ chéch lác hương nguồn. Vừa mới đây tiếng mẹ tiếng cha, lời lời bắc-trung-nam thủ thủ êm đêm, tay chân ấm áp. Vừa mới đây, anh nói tôi nghe, tôi la rầy anh nhịn nhục, niềm thương như biển sông đầy, nhục nô lệ ôm nhau cùng khóc. Cùng bốc lửa căm hờn, chun rừng lợi suốt khổ ải vô song, tôi đốt lửa anh ngồi một bên, hơ tay hơ chân xuýt xoa nhìn nhau cảm khái mắt lệ rưng rưng đất trời

lên tiếng khen thầm, hồn sông núi tổ tông linh thiêng phù trợ, anh vung tay thề, tôi quỳ gọi lạy, những lời nguyện có thánh trên tay, có Chúa trên vai, có Phật trên đầu, thời gian thoảng chốc như bóng nắng nghiêng qua, thoảng chốc như mịt mù vô tận, sương núi lênh đên biết ngày nào dờm ngang thế giới không hỏ thẹn mặt mày. Tôi với anh như đờ như sông chở đầy thương yêu nhớ tiếc tình người , bài hịch *sát đất* lạnh lảnh còn đây.

Bây giờ. cùng nói một lời, anh hiểu một đường tôi nghe một ngã. Khi anh chửi rửa qua ngông cuồng có thể là lòng anh đau cắt nhớ vợ thương con nơi vùng tôi lui tới cửa nhà, có thể là anh chẳng ghét nhớ chi tôi tội lỗi nửa đời theo bấy xiểm nịnh vong bản vô lương. Khi tôi cầm súng bắn nát đầu anh, vinh hạnh gì đâu mà tung hoa chân chính, có thể tôi nhắm mắt bắn càn bắn khốn, lịm chìm say khói súng mê man. Có thể anh nghĩ gì tôi cũng biết. anh nói gì tôi cũng hiểu, nhưng lòng trời cột miệng bẻ răng, bỏ tù bỏ bót, tôi mù lòa mang hèn đốn trong tâm. Còn biết trăm năm những điều phải nói.

Gần mới hai giờ khuya. Cơn lạnh băng cứng chai lì. Súng lớp đớp xé thêm mỗi góc trời về hướng đám cây nổi hồng ruộng mía. Chừng như một số nhỏ lính địch ló đầu qua đó. Phía bộ phận Vi sôi động dậy mình. Một lệnh mới âm thầm len nhỏ. Từng cái bóng đen mờ mẫm bò tới. Kín cẩn dè chừng, những con bò sát lê chân lết tay kéo súng kéo dây chuyển dịch lần hồi. Bò. Bò cho máu nóng rần rần chảy cuồng tim óc. Những cõi sống lênh bênh gió vập tai ương. Vài cánh tay thủ lệnh , kêu mờ trong đêm. Nhào phất dậy ! Rút cổ chạy ! Người chỉ huy xông lên đâm bổ dẫn đầu, qua một khoảng, rạp mình

xuống sau một mô mả. Những đứa con quẩn quít nằm vội xuống, hàng ngang. Bò, chạy, nằm, xóc lên, xóc xuống, đến một giờ sáng, bố trí bên bờ ruộng mía. Súng lớn súng nhỏ vẫn báo động đều đều bên xa bờ sông. Bắt từ lúc tối trời, địch đã tung nhiều đợt tấn công có tính cách nghi binh hơn là quyết định. Lực lượng phía Lĩnh với pháo binh thiết giáp yểm trợ chưa giải quyết nhanh được chiến trường. Theo cường độ tập nã quy mô như vậy, địch luôn tìm cách chứng minh sự có mặt không hề nao núng của họ. Lĩnh vẫn bắt tin từ tám rưỡi tối.

Năm tiếng đồng hồ đằng đặc thốn thốc, lì lợm trôi qua trong Vi. Để chừng cách khoảng năm phút, tiếng gọi the thé Ớn Trắng, Ớn Trắng nổi lên vô vọng buồn thảm. Vi nóng ruột nóng gan tin nằm thẳng Lĩnh đi rồi. Cơn đau xoáy tròn nhức nhối. Một đời Lĩnh là Vi. Một cặp đứa ăn chung ngủ chung, bơ vơ một nỗi chết không còn ai hiểu. Hai đứa như thân cù lao nhỏ ngoi đầu lên thở giữa trùng dương sóng dữ. Ra khỏi từng hang cộp, mỗi đứa che giấu những ra-đi-không-trở-về, bởi mẹ biết sẽ bùng mặt khóc tủi, còn cha thì dứt ruột cào gan không ngờ tình anh huyết thống mình lại phiêu hoang lạ chợ ác đức như thế. Ngày ngày mỗi đứa lớn lên chỉ rờn có súng đạn vô tri mới có quyền trên thân trên xác, mẹ cha chỉ còn chơi với trông theo.

Những lúc Vi ngó thật sâu vào tâm tư Lĩnh, hấn nom rõ những hình thù lông lá dị kỳ của nỗi ám ảnh bất trắc nhẩy múa. Sự thật chừng bày rõ mồn một, che lấp bích chương biểu ngữ, nhận chìm ảo ảnh khói sương. Mặt trời mỗi xoi sâu ám tối, những gian manh càng lượn lẹo chường ra. Còn chi đâu ? Những đứa con lạc đạn trôi sông, phách hồn tán lạc . . .

- Én Trắng. Én Trắng...

Vì gọi nữa. Lần thứ mấy trăm hấn dai đẳng kêu ca.

Mấy trăm lần kêu than. Lĩnh vẫn im lìm. Mà bỏ tao đi, tao sống với ai ? Sao mà không nói, dù một lời thôi thóp cũng cho tao được tiền mấy lần cuối đi đời nhà ma . . .

Không . Mà phải sống, còn con mắt nhìn tao, còn miệng hòng hả to hả nhỏ trần trời bụi ngùi. . .

Vì nắm combiné đập xuống giận dữ. . . Đ M . . không trả lời. Người trung sĩ khẽ nhẹ ôm theo chiếc máy soi dưới bóng chiếu của những trái sáng, đổi qua tần số khác bắt sóng từ một máy phát nào đó. Thử tốt. Khi tin Vì biết điều này, hấn vẫn hung dữ :

- Thăng Lĩnh chết rồi . Con c.

Người trung sĩ lí nhí một câu gì đó an ủi Vì trong lúc Vì đã nằm duỗi xuống ngất xỉu . Trí óc hấn căng thẳng quá độ qua hơn năm tiếng đồng hồ. Một tháng trước đi bệnh viện, bác sĩ cho nghỉ một tuần, cảnh cáo hấn dừng để bị xúc động mạnh, hấn đang yếu tim. Đơn vị trưởng thương tình cho hấn nghỉ dưỡng luôn hai tuần. Chuyến này trở lại nghiệp dĩ, như thăng Lĩnh nhập chung toán hấn chắc hấn vẫn bình thường khênh khạng súng bom. Hình như có mấy đứa con lạc đạn chết bên phía hấn.. nhưng hấn không để ý. Hình bóng Lĩnh cao lớn dềnh dàng chiếm đầy trí óc hấn. Những loạt súng nổi lên từng hồi, chốc chốc lại nín thình.

Người trung sĩ xòe lớn bàn tay vuốt dài ngực Vì. Hai đồng đội hấn men lần trong tối đỡ nhẹ Vì lùi sau ranh tuyến. Làn mưa bay lệch theo chiều cơn gió khuya trải lớp trên đầu mệnh mang những đứa con khốn khổ ngáp mỏ, sụt sùi. Không đánh đám, mà nằm trơ xuống đó tới

suốt sáng lũ con chắc sẽ chết cứng đành đoạn, Tình hình bên kia, hai bên hầm hè tiến thối nhai nghiền cầm chừng. Dịch bám sát lợi dụng hệ thống địa đạo chằng chịt trong khu ruộng mía.

Những bận tung quân nghi binh, dịch xuất phát theo chiều hướng khác nhau. Suốt dài theo vòng vây, dịch găm giữ như có ý chọc thủng một lượt hết luôn cả phòng tuyến. Dưới ngọn sáng mù mờ, từng toán dịch năm bảy tên lần mò vượt sông khuấy phá, đồng bọn đua nhau khạc đạn yểm trợ, trời đất rung chuyển tưởng chừng cả đại bộ phận nằm chờ dọc mé sông. Từng tên dịch thí, gặp đại liên đồn ngã, chết quay.

Phòng tuyến kéo dài ra, quân rải thêm ,chẽ mỏng. Vùng cây thưa nổi hông cánh đồng mía, dịch thường xuyên khuấy động, nhữ hướng. Hai giờ sáng, phía bộ phận Vi được tung vào ruộng lục soát, quây nát hầm hố. Khi Vi tỉnh hơi, hấn trở lại hàng ngũ nghe ngóng tin tức Lĩnh .Không thấy gì hết. Bảy tiếng đồng hồ dai dẳng u phiền, trôi đi một nhọc. Lục soát...Khu ruộng mía nát hoảnh , những hố đất vất vả theo từng gốc mía đổ nát tan hoang. Vài tên dịch banh thầy, xác nằm im vô tình. Tìm sâu nữa. Vài loạt súng dịch bắn lẻ tẻ quá gần. Lệnh ngừng, bố trí ,chờ. Một lúc sau, chiến trường đột nhiên im lặng khó hiểu. Bóng tối chờn vờn quá dị rợn người.

Bốn giờ sáng : trận đánh kết thúc hầm hè cút bắt. Đạn nổ liên lu bất tận. Không hiểu bằng cách nào dịch đã vượt sông âm thầm tập trung toàn lực rồi tung ra một mũi dùi nặng ,chĩa thẳng vào bộ chỉ huy. Trận đánh cận chiến nổ bùng, trái với xẩm tối Vi từng đoán phỏng ở bên này sông. Rõ ràng giết nhau chừng một giờ, trận

chiến tan. Tan luôn không còn một bóng dáng địch thấp thoáng trong cánh đồng, bên kia sông. Vì rầu rĩ liên tưởng đến vuông mặt cô hồn tội nghiệp của đứa bạn, chắc một đời hấn thương nhớ khôn nguôi. Vài cái bóng đen khập khểnh từ hướng con sông len về ruộng, những cái xác vô hồn lạc chợ trong nhóm tàn quân tìm về anh em. Những vòng tay mở rộng ôm xoát nghẹn ngào. Những giòng nước mắt kinh khiếp trào ra. Những hơi thở hào hển, từng tiếng nói đứt cụt diễn tả trận chiến thảm khốc sau cùng. Một cái bóng lẻ loi mờ nhạt gập ghềnh từng bước đi yếu đuối như thằng uống rượu say khướt quên đời. Cái bóng run run bám víu trời đất, lủi thủi mò đi. Trong ám ức nhớ tiếc của Vi, một trăm phần trăm thằng Lĩnh đã thật sự tiêu ma. Hấn dón dác tìm anh em trong nhóm quay về, không thấy Lĩnh. Hấn đưa mắt hướng theo bóng đen lẻ loi mờ trong ruộng thừa, len tới phía đó. Chừng dòm mặt bóng đen, Vi. khăn cổ la thất thanh :

- Lĩnh... Lĩnh...

Thằng Lĩnh thất thủ bước, mặt thất thần với dòng nước tang thương ứa ra. Lĩnh nhào đầu vào ngực Vi, buông thả thân xác phó mặc bạn hấn. Một vết thương chề ngót bắp vế. Lĩnh lết xuống mé sông giấu mình sau lùm cỏ rậm .

Máu chảy nhiều, khuôn mặt nhợt tái thất sắc. Hấn quơ đại một nắm cỏ đắp vết thương, máu ngừng chảy, rõ ra mới hay hấn nhỏ đúng thứ cỏ mọc mọc nhiều trong vùng này.

Nằm xuống đó với tan trận, hấn chơi với bơi qua sông, lết về ...

Cơn mưa lườn theo gió réo vi vu còn quạt mạnh trên đầu

cánh đồng, những mả non nhấp nhô. Hình ảnh đám tàn quân Phi châu sau đại nạn Điện Biên thất thủ xơ xác trở về hóa diên hóa đại vệt qua trí nhớ Vi. Tiếng than ảm ức, sụt sùi, nhều bọt...

(trích Ý Thức số 11 ngày 15-3-71. Chất liệu từ Đ. ở một đại đội trình sát)*

TRANG LUÂN

Cát bụi bay về

Sau đám tang, tôi mới cảm thấy tương đối nhẹ nhõm, người ngoai được phần nào. Đám tang bố tôi đã hoàn tất và hoàn tất trong tốt đẹp. Đó là điều làm cho ba anh em chúng tôi yên tâm. Yên tâm! Bởi vì mọi việc đều diễn ra trôi chảy, thông suốt từ đầu cho đến cuối và chẳng có điều gì thiếu sót, đáng tiếc xảy ra. Tất cả đều mang lại kết quả mỹ mãn như ý chúng tôi hằng mong muốn. "Như vậy là quý lắm rồi." Ai nấy cũng đều nói với chúng tôi như vậy. Tuy nhiên, không khí trong gia đình vẫn còn bao phủ nặng nề bởi lớp sơn buồn phiền, ủ rũ, tím ngắt vây kín ở chung quanh.

Suốt một tuần lễ thức trắng bên linh cửu bố tôi. Một tuần lễ mệt mỏi, rã rời. Anh tôi đề nghị, ba anh em nên luân phiên, xen kẽ với nhau cho đỡ mệt! Nhưng tôi nhận thấy tình trạng sức khỏe của anh tôi lại quá yếu mà em tôi thì cũng chẳng hơn gì. Vì thế, tôi nói với anh:

"Anh cứ để việc đó cho em."

Liên tiếp cả tuần lễ bận rộn với công việc tiếp khách. Khách ra vào liên tục. Khách đến để thăm viếng, để chia buồn. Ban đêm, từng hội đoàn còn lần lượt kéo tới để đọc kinh, cầu nguyện cho linh hồn bố tôi sớm được về miền vĩnh phúc. Một tuần lễ trôi qua. Một tuần lễ đã để lại ở trong tôi cảm giác ngầy ngật, khó chịu. Tôi thấy mình cần phải nên đi ngủ. Chỉ có đi ngủ mới mong lấy lại được sự quân bình cho thể xác và lẫn cả về mặt tinh thần. Anh tôi khuyên tôi nên đi nghỉ cho lại sức. Mọi người trong gia đình cũng đều nói với tôi như thế. Tôi

biết điều ấy. Nhưng cuối cùng tôi vẫn không tài nào giỡn được giấc ngủ. Có lẽ vì thời tiết về mùa hè quá cay nghiệt chẳng! Hay tại nguyên nhân hoặc lý do nào khác! Về sự ra đi đột ngột của bố tôi không biết chừng! Chán nản, tôi ngồi bật dậy, uể oải, lững thững bước xuống cầu thang. Mấy đứa cháu đương loay hoay dọn dẹp. Mọi cờ xí đều được gỡ xuống và bàn ghế tuần tự được chở đi để hoàn trả lại cho hàng xóm. Căn nhà trở nên trống trải, thoáng khí hẳn ra. Tự nhiên tôi thấy thiếu vắng một thứ âm thanh quen thuộc nào đó. Thứ âm thanh rộn ràng, kể lể khiến cho tôi cảm thấy bùi ngùi, cảm xúc. Tôi nhủ mảy suy nghĩ. Thì ra là tiếng kèn. Tiếng kèn đồng bi ai, réo rắt trỗi lên kể từ khi tôi bước ra khỏi chiếc taxi, buồn bã bắt tay mọi người, rồi tiến thẳng vào trong nhà, kính cẩn, nghiêng mình trước linh cửu của bố tôi. Tiếng kèn ấy bao hàm ý nghĩa sâu xa về ơn nghĩa sinh thành cùng công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Càng nghe tôi lại càng thấy thấm thía vô cùng. Tôi chết lịm trong cơn sóng thủy triều âm thanh ấy. Bố tôi nằm bất động trong áo quan. Hai mắt ông nhắm nghiền và đôi môi ông mím chặt lại như còn khắc khoải, trông ngóng một điều gì thật xa vắng. Chắc ông linh thiêng, nghe rõ được từng bước chân của đứa con xa trở về cùng tiếng thở dài não nùng, đứt quãng. Tôi thấp lùn nén hương rồi cúi xuống trước linh cửu của bố tôi. Lúc đó đầu óc tôi tĩnh lặng lạ thường và đôi môi tôi tự động phát ra lời thì thầm với bố tôi. "Con đã về. Rồi anh con cũng sẽ về. Bố cứ thanh thản mà ra đi. Đừng vương bận gì cả! Cầu chúc cho bố được mọi sự yên bình trên vùng trời quê hương mới. Quê hương của vĩnh cửu, của hoan lạc. Quê hương với đầy đủ ý nghĩa trọn vẹn về hai chữ hạnh phúc cao cả và đích

thật của nó."

Đám tang ở Việt Nam thì khác hẳn với bất cứ đám tang nào ở bên Mỹ. Nó chất chứa, thể hiện bằng thứ tình cảm dạt dào, chân thật của hàng xóm, của láng giềng. Cái tình cảm đó cứ tiếp nối, phát triển không ngừng và thăng hoa, kết trái trong tâm tư của mỗi người Việt Nam. Tôi không khi nào quên được buổi sáng di quan bố tôi ra nhà thờ. Hôm ấy trời chưa sáng hẳn. Người ta tự động xếp thành hàng lối, lặng lẽ đi theo linh cửu của bố tôi. Tôi nhớ đến giây phút xúc động nhất ngoài nghĩa trang, khi cỗ áo quan chuẩn bị hạ xuống. Người ta bao quanh kín mít bên chiếc huyệt xinh xắn dành cho bố tôi. Đây là ngôi nhà mới mà bố tôi sắp sửa đi xuống. Ngôi nhà của một đời kế tiếp bất tận. Yên lặng. Tất cả đều yên lặng. Chung quanh tôi, mọi người đều lắng xuống sự im lặng tốt cùng. Rồi linh cửu của bố tôi từ từ hạ xuống, thấp dần, rồi cứ thế và cuối cùng thì nằm im lìm dưới lòng đất. Tôi khom người cúi xuống, cổ mở to đôi mắt, thờ thẩn nhìn bố tôi lần cuối. Mọi tế bào trên thân thể tôi đều co rúm lại. Tôi xúc động vô cùng. Trên khóe mắt, hai giòng nước mắt tuôn tự tuôn ra và hôm đó tôi thật sự khóc nhiều hơn lúc nào hết.

Người được mô tả là đau buồn, ray rứt nhất, phải nói đến là anh tôi. Lúc nào tôi cũng thấy anh tôi đắm chiêu, tư lự. Tôi biết anh tôi buồn. Tôi biết anh ấy xót xa. Tôi hiểu điều đó. Anh tôi dự định sẽ về thăm bố vào năm tới, sau mười bốn năm biệt, phiêu bạt, lê gót trên xứ người. Mười bốn năm tính từ ngày anh ấy bước chân xuống chiếc ghe Thái Lan, âm thầm từ biệt quê hương để ra đi. Bất chợt có tin bố tôi mất. Đột ngột và bất ngờ.

Vì thế anh tôi mới ân hận. Tôi hiểu anh tôi hơn ai hết. Anh tôi có nỗi khổ riêng. Nỗi khổ về gia đình. Về hai chữ hạnh phúc bị gãy đổ, sụp xuống. Nó chẳng khác nào nhát chém nghiệt ngã, đau nhói, nhức nhối triền miên ở tim anh. Một chứng bệnh ung thư bất trị, dày xéo, hành hạ lên thể xác anh ấy từ năm này sang năm khác. Anh tôi không muốn gặp lại người vợ cũ. Hai đứa con trai mà trước đây từng về hòa với mẹ chúng nó, đang tâm, ruồng rẫy, xua đuổi anh ấy ngay vào lúc nửa đêm. Anh tôi kể cho tôi nghe rất nhiều. Về nỗi cay đắng, nhục nhằn mà anh ấy phải cố cắn răng để chịu đựng. Những câu chữ mắng phủ đầu, kèm theo những lời hằn học, đe dọa hầu như chẳng bao giờ nguôi. Ngày nào cũng gây gổ. Ngày nào cũng cãi nhau. Anh tôi còn kể, tệ hơn nữa, trong lý lịch xin đi làm, người chị dâu cũ còn tráo trở khai rằng: Cuộc hôn nhân giữa chị ấy với anh tôi là cuộc hôn nhân mang tính chất gượng ép và bắt buộc. Nhiều đêm thức khuya, anh tôi tâm sự:

"Vì thế! Anh rất ngại về đây. Đành rằng trên danh chánh ngôn thuận, thì giữa anh và chị ấy đã ly dị, song phẳng với nhau về mặt pháp lý. Đấy! Em cũng thấy! Anh đâu có thiết bất cứ một thứ gì! Ngay đến căn nhà cũng thế. Anh nhường lại tất cả cho mẹ con chúng nó và bước ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng! Dù rằng trên nguyên tắc anh có quyền thừa hưởng một nửa của căn nhà đó. Nếu xét về mặt lý thì như thế. Nhưng nếu đứng về mặt tình thì lại khác. Mọi người sống ở quanh đây đều không hiểu cho anh. Thế nào họ cũng xầm xì, bàn tán. Nào là thằng này bỏ bê vợ con, chạy theo vợ bé, vượt biên ra nước ngoài. Nào là thằng này có mối quen cũ, có trăng quên đèn. Quên đi nghĩa cũ tình xưa. Họ

đâu có biết rằng: Ngay từ khi anh bước chân ra đến ngoài Bắc, thì chị ấy đã cấm sừng lên đầu anh rồi. Bao nhiêu tiền bạc đều tiêu tan theo mây khói. Chẳng bao giờ chị ấy đoái hoài đến anh, chứ đừng nói tới hai chữ ra thăm. Lâu lâu lại còn viết thư ra hăm dọa, cảnh cáo anh đủ điều, đồng thời còn bảo anh: Nếu sau này có may mắn được thả tự do, thì hãy khai địa chỉ cư trú về dưới này. Cũng may mà có chị Thảo, chứ không thì đời anh đã tiêu tùng từ lâu lắm rồi. Còn hai thằng con trai của anh. Cho dù chúng nó có bạc đãi anh đến mấy đi chăng nữa! Nhưng năm nào anh cũng không quên dành dụm gửi về cho chúng nó. Trách nhiệm, bổn phận anh chỉ lo có đến thế mà thôi! Chứ anh đâu có thể lo hơn được nữa? Bằng tuổi này đâu có còn nhanh nhẹn, bươn trải như hồi còn thanh niên. Chúng nó phải hiểu cho anh điều đó chứ!"

Tôi cất giọng vỗ về:

"Thôi! Anh! Kệ họ muốn nói gì thì nói. Miễn sao mình sống cho đúng với lòng mình là được rồi. Theo em thì họ nói chán rồi cũng thôi. Còn đối với chúng nó thì anh sống như vậy là quá đủ rồi còn gì nữa! Đương nhiên chúng nó phải hiểu cho anh chứ! Vả lại, bây giờ chúng nó cũng đều lớn khôn hết cả rồi. Đã đến lúc mà chúng nó phải hồi tâm nhìn lại, đồng thời có những ý nghĩ đúng đắn và chín chắn hơn."

Cứ vài đêm anh tôi lại nhắc đến chuyện này. Tôi lại tiếp tục lựa lời an ủi. Anh tôi ngược mắt nhìn vào khoảng không, rồi thốt nhẹ lên tiếng thở dài ngao ngán. Tôi mang ý nghĩ về bố tôi, về cuộc đời. Cuộc đời là phù du, là sương khói. Cuối cùng rồi tất cả cũng đều tan biến vào hư vô, cuốn trôi về với cát bụi. Đây là một định luật

bất di, bất dịch mà ai nấy cũng đều phải đi qua. Tôi xoay lưng, quay mặt vào trong tường. Đêm nào cũng giông như đêm nấy. Đêm nào anh em chúng tôi cũng cảm thấy trần trọc, khó ngủ. Thức khuya, chuyện vãn rồi tự động im bật, thao thức với ý nghĩ riêng tư của chính mình.

"Bác có uống cà phê không! Cháu pha."

Đứa cháu gái lên tiếng hỏi. Tôi quay sang lắc đầu.

"Bác có muốn đi đâu không? Cháu chờ bác đi."

Tôi ngần ngừ:

"Bác chẳng thiết đi đâu cả! Chỉ có ngày mai, bác muốn ra mộ ông xem họ xây đến đâu rồi!"

Dáo dác nhìn xuống nhà dưới, tôi hỏi:

"Bác Nguyễn và bố cháu đâu rồi?"

"Hình như bố cháu chở bác ấy lên Sài Gòn để điều chỉnh vé máy bay về Úc thì phải."

"Sao bác ấy nóng ruột muốn về sớm vậy?"

"Cháu cũng không biết! Chỉ nghe bác ấy kêu ở đây về mùa này nóng quá. Chịu không nổi."

Tôi buông mắt, lơ đãng nhìn ra bên ngoài. Nắng tản cư đi nơi khác từ lúc nào, chỉ còn tro bụi lơ lửng giăng ngang ngõ ngách, phơi mình trên chiếc cổng bằng xi măng màu xám ngắt. Có tiếng sấm chuyển động từ đằng xa, và trên cao, từng lũ mây đen cuộn cuộn, hung hãn, ùn ùn kéo tới.

Tôi buột miệng:

"Trời sắp mưa rồi."

Đứa cháu gái phụ họa theo:

"Cơn mưa này lớn lắm đấy bác."

Nghĩ ngợi giây lát. Nó lộ vẻ vui mừng:

"Kể ra đám của ông mình hên lắm bác nhỉ! Vừa mới mở cửa mả xong, thì tối đến trận mưa lớn ào xuống."

Tôi gật đầu:

"Tóm lại đám ông mình cái gì cũng may hết. Như mộ phần của ông chẳng hạn. Được nằm gần bà, mà lại còn gần đường nên rất tiện cho việc thăm viếng của con cháu. Hơn nữa thời tiết lại quang đãng. Nói đại, chứ mấy hôm ấy mà mưa xuống thì chẳng biết nói sao!"

Cháu tôi nói đúng. Chung qui mọi việc đều thuận lợi, đều may mắn. Bố tôi để ở trong nhà cả tuần lễ. Hơn nữa, Sài Gòn đang bước vào mùa mưa. Những cơn mưa ào xuống thật nhanh chóng, thật bất ngờ. Mấy đứa cháu còn nói với tôi. Mới cách đây vài ba hôm thì thành phố này ngày nào cũng mưa. Mưa đến nỗi có nhiều chỗ ngập đến cả gang tay, gây trở ngại cho việc giao thông rất nhiều. Ai cũng nói đám tang bố tôi thật hiếm thấy. Cả tuần lễ trong sáng và nắng ráo. Rồi đây con cháu sẽ làm ăn nên. Phát đạt và sung túc. Điều đó thì tôi không biết! Nhưng có điều là đám tang bố tôi không đến nỗi lạnh lẽo cho lắm. Tất cả những gì mà ông mơ ước cho cuộc ra đi thì chúng tôi đều thực hiện đầy đủ cho ông. Ông chỉ có mỗi một giấc mơ duy nhất, là sau khi ông xuôi tay, nằm xuống, giữa đời sống này, có đầy đủ ba đứa con trai, và bên tai được nghe tiếng kèn đồng rộn ràng đưa tiễn ông đi. Ông thường nói với đứa em tôi khi ông còn sống: "Đám tang mà không có kèn Tây thì là cả một sự thiếu sót to lớn."

Đám tang bố tôi phải thay đổi chương trình đến hai lần. Thọt đầu, anh tôi báo tin không về được. Lý do đơn giản là anh ấy chưa có hộ chiếu. Hai ngày sau, anh tôi gọi về, bảo chờ, bởi vì mọi thủ tục về giấy tờ đều xong xuôi. Chính vì thế mà lịch trình đành phải hoãn lại.

Nhiều đêm tôi vẫn thao thức, suy tư về bố tôi. Chắc bố tôi rất lấy làm hài lòng khi đi về với thế giới ở bên kia. Ba đứa con trai đều có mặt đầy đủ, buồn bã tiễn đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng. Giấc mơ ấy bố tôi vẫn ao ước từ lâu và ông thường thủ thỉ với em tôi:

"Bố chỉ có mỗi một điều mơ ước duy nhất, là sau khi bố nhắm mắt lìa khỏi cõi đời này, có đầy đủ ba anh em con là bố mãn nguyện lắm rồi."

Bố tôi mất. Cái tin em tôi báo sang qua hệ thống điện thoại từ Việt Nam. Tin ấy lại rơi đúng vào ngày thứ bảy. Thứ bảy thì tôi phải đi làm. Cái ca thật oái oăm đối nước Mỹ này. Hầu hết ai nấy đều không thích đi làm vào những ngày cuối tuần. Cuối tuần là thời gian để ngồi nghỉ, để đi ăn. Để cho đầu óc được thanh thoi đôi chút. Để coi TV. Để thưởng thức các trận đấu thể thao đầy ngoạn mục, gay cấn. Cuối tuần là ngày dành riêng cho gia đình, cho bạn bè, thân thuộc. Quan niệm ấy cũng có cái đúng của nó. Nhưng ngược lại thì tôi cho rằng: Cuối tuần cũng chẳng khác gì ngày thường. Cuối tuần thì lợi tức được tăng thêm chút đỉnh vào đồng lương hàng tháng của tôi. Vì thế, tôi làm liên tiếp, ròng rã suốt cả sáu, bảy năm trời. Sáu giờ chiều thì bắt tay vào công việc và sáu giờ sáng thì tan ca để về nhà. Mười hai tiếng cho một đêm. Rồi cứ thế! Đều đặn. Liên tục và không bao giờ thay đổi.

Tôi biết tin bố tôi mất vào lúc mười giờ tối. Đứa con trai lái xe vào hãng báo tin cho tôi biết. Tôi bàng hoàng, sửng sốt trước cái tin sét đánh ngang tai. Bố tôi qua đời. Sao chẳng thấy em tôi nói đau yếu gì cả! Bao nhiêu câu hỏi đổ xô về bữa vây kín mít ở tâm tư. Tôi nhắm mặt thờ

thần. Mới hai tuần trước, tôi còn nghe rõ giọng bố tôi trong điện thoại:

"Chừng nào thì anh cho mấy cháu về chơi!"

Tôi đáp để cho bố tôi yên lòng:

"Sang năm con sẽ thu xếp cho mấy cháu về thăm ông."

"Nhớ cố gắng cho mấy cháu về thăm lấy một chuyến. Bây giờ tôi cũng yếu lắm rồi. Tôi lúc này cũng giống như ngọn đèn dầu leo lét. Chẳng biết sáng giờ nào, tắt giờ nào! Sống được ngày nào thì biết ngày nấy, chứ chẳng biết đâu mà tính trước được."

"Bố cứ an tâm mà giữ gìn sức khỏe. Năm tới các cháu sẽ về thăm bố."

"Anh nhớ đấy nhé!"

"Vâng."

Bây giờ thì bố tôi không còn nữa! Mấy đứa con tôi cũng chẳng có dịp nào để gặp lại người ông chúng nó. Mãi mãi và mãi mãi. Bố tôi đã từ giã khỏi đời sống này để đi về với thế giới mờ ảo, xa xôi. Cái thế giới của hư vô, của bất tận. Xúc động, tôi rướm rướm nước mắt. Chợt nhớ có đứa con trai tôi đang đứng ở sau lưng, tôi cố giữ giọng bình tĩnh:

"Thế chú có nói gì thêm không?"

Con tôi buồn bã:

"Chú chỉ nói vắn tắt: Ông vừa mới mất nên vội báo tin cho bố biết, xem bố có thu xếp về được không? Con chỉ nghe tới đó, liền trao điện thoại cho mẹ, rồi vội vàng lái xe vào đây để báo tin cho bố biết."

Tôi quả quyết:

"Dĩ nhiên là bố phải về để thọ tang. Dù mọi giá bố cũng phải về để lo cho ông. Bố từng hứa với ông ba năm về trước. Cho dù bố không hứa đi chăng nữa thì bố cũng

phải về. Bởi vì đây là bổn phận, là trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ. Để về nhà rồi cha con mình sẽ tính sau. Bây giờ con cứ về trước đi. Bố ở lại gặp supervisor để xin phép rồi sẽ về sau."

Con tôi tỏ vẻ ái ngại:

"Con chỉ sợ bố bị chi phối nên thiếu sự bình tĩnh khi đi đường. Hay con đợi bố ở ngoài parking rồi sẽ về luôn thể."

Tôi xua tay:

"Bố không có sao đâu! Đừng lo lắng gì cả!"

Con trai tôi lưỡng lự chốc lát rồi lặng lẽ bước ra ngoài. Còn lại một mình, tôi xoay lưng đi dọc theo hành lang rồi tiến thẳng về hướng văn phòng.

Tôi lái xe như điên dại trên con đường trống trải, vắng lặng. Mấy ngọn đèn đường lung linh, nhòe nhoẹt, nhảy múa ở đằng xa. Tự nhiên, tôi thấy đầu óc mình choáng váng lạ thường. Hoảng hốt, tôi cố lấy lại bình tĩnh, buông nhẹ chân ga, rồi cẩn thận bẻ tay lái cho chiếc xe ép sát vào lề đường. Tắt máy. Tôi quay nhẹ cho tấm cửa kính từ từ hạ xuống. Gió từ bên ngoài thổi vào gây liên cảm giác nhẹ nhàng, dễ chịu. Tôi nhướn cặp mắt lơ dờ nhìn sang phía bên kia. Trong bóng đêm, hàng cây đen đứng lìm lìm, thâm lặng. Thỉnh thoảng, vài chiếc xe lạch lạch chạy vụt qua, kéo theo chuỗi âm thanh nổ rền, ròn rã rồi tự động mất hút ở mãi tận cuối đường. Đêm tĩnh mịch lạ thường. Có tiếng lá cửa mình trên khóm cây. Tiếng côn trùng rả rích phát ra tận gò đất ở gần đấy. Xa xa, mơ hồ tôi nghe như có tiếng vọng lại của một giọng ca quen thuộc nào đó. Tôi ngồi ngả đầu vào thành ghế và dần dần thấy tỉnh táo trở lại. Tôi thương bố

tôi vô cùng. Suốt cả đời ông phong trần, gian khổ. Cả đời người chưa tìm thấy được hai chữ bình yên cho nội tâm. Cả một đời người tận tụy, hy sinh, chăm bón cho ba anh em chúng tôi nên người. Đời ông gắn liền với binh nghiệp. Đó là cái nghiệp dĩ. Cái nghiệp dĩ đeo đuổi vào đời ông. Nhờ đấy, ba anh em chúng tôi mới vươn mình, trưởng thành rồi tung cánh bay vào cuộc đời. Bao nhiêu kỷ niệm xưa cũ lần lượt hiện về. Chuỗi ngày tháng vàng óng ở Thái Bình. Đêm êm đềm, lung linh bên bờ hồ Hoàn Kiếm ngoài Hà Nội. Lênh đênh trên chuyến tàu ray rút vào Nam. Những tháng ngày đầm ấm ở Hội An cùng những xuất hát bội về khuya lạc lõng. Bao nhiêu cái tết đơn độc, lẻ loi ở ngoài Huế. Chỗ nào cũng có kỷ niệm. Nơi đâu cũng đầy ắp, chất ngất. Những kỷ niệm ấy vẫn sống mãi theo thời gian và quện chặt trong lâu son ký ức của ba anh em chúng tôi.

Bây giờ thì bố tôi không còn nữa! Ông thật sự đã ra đi vào cái tuổi chín mươi ba. Chín mươi ba năm trong thân phận làm người. Chín mươi ba năm trải qua biết bao nhiêu bước thăng trầm nơi cuộc sống. Bao nhiêu biến cố trong đại đi qua đời ông. Từ cuộc cách mạng mùa thu năm bốn mươi lăm, cho đến cuộc di cư lịch sử năm một nghìn chín trăm năm mươi tư. Và cuối cùng thì ông chưa xót nhìn ba đứa con trai mình lặng lẽ đi vào nhà tù.

Trước đây em tôi vẫn thường viết thư gửi sang, với ngụ ý là muốn anh em chúng tôi về thăm. Tôi vẫn còn nhớ từng giòng chữ thật cảm động mà em tôi đã cô đọng ở trong đấy:

"Bây giờ thì bố mình đã luống tuổi quá rồi. Nhãn quan lẫn thính giác mỗi ngày mỗi suy mòn, yếu dần theo thời gian. Đầu óc, lý trí chẳng còn minh mẫn, thông suốt như

ngày nào. Niềm an ủi duy nhất đối với người lớn tuổi ở cuối đời là con cháu. Con cháu chẳng khác nào liều thuốc bổ, là nguồn vui, là sự vỗ về vào đời sống héo hắt còn lại. Nhìn vào bối cảnh của gia đình mình, tình từ năm bảy mươi lăm đến nay, với biết bao nhiêu biến cố dồn dập cuốn tới. Những biến cố đó chẳng khác nào cơn lốc xoáy mòn vào tâm tư người. Nhiều khi em thấy bố tha thẩn, dỗi mắt nhìn về chốn xa xăm với nỗi buồn vô hạn. Em biết, bố đang thả luồng tư tưởng về các anh, về những đứa con đang lưu lạc tại góc trời xa thẳm. Chính giữa lúc ấy em cảm thấy đau lòng vô cùng. Em chỉ mong cho các anh về lấy một chuyến, để cho em nhìn thấy niềm vui thấp sáng lên khuôn mặt người. Dù chỉ một chuyến thôi! Cho bố tạm thời quên đi hai tiếng thờ dài vào những buổi chiều khép kín, cô quạnh. Những buổi chiều làm cho căn nhà trở nên thê lương, ảm đạm vô cùng..." Lá thư ấy em tôi viết thật dài và đầy cũng là động lực mãnh liệt thúc đẩy cho tôi đi đến quyết định sự trở về.

Lần ấy bố tôi vui hẳn lên. Ông ôm ghì lấy tôi và tôi có cảm giác như sống lại cái thời kỳ còn thơ ấu. Trên khoe mắt nhăn nhúm, tôi đọc thấy được hai giọt nước mắt từ từ chảy ra và bố tôi đã khóc trong sự sung sướng tột cùng.

Tối hôm đó, gia đình tôi quây quần quanh chiếc bàn tròn trong bữa cơm thịnh soạn. Tôi rót bia vào ly rồi gấp thức ăn bỏ vào chén cho bố tôi.

"Bố ăn đi chứ!"

"Anh cứ để mặc tôi. Hôm nay thế này là tôi ăn nhiều lắm đấy. Cả như mọi khi thì chỉ có lưng chén, chứ không có hơn nữa."

Bố tôi nâng ly bia rồi nhấp một hớp nhỏ. Ông đưa mắt

nhìn tất cả mọi người rồi cất cao giọng:

"Nhà mình chưa khi nào vui như thế này. Giá có anh Nguyễn cùng toàn thể các cháu về đầy đủ thì còn vui biết mấy."

Tôi nói cho bố tôi yên lòng:

"Thế nào rồi cũng có một ngày bố ạ."

Bố tôi khẽ bật lên tiếng thở dài:

"Anh nói vậy, chứ tôi thấy khó lắm."

Có tiếng mưa lộp độp rơi trên mái tôn, hòa trộn với tiếng gió rít xoáy vào nhau tạo thành chuỗi âm thanh rộn ràng, hỗn độn. Đứa cháu gái chợt kêu lên:

"Mưa bắt đầu rồi đấy bác."

"Ừ! Bác cũng mong mưa xuống cho dễ ngủ."

Nhìn sang tôi, nó đột ngột hỏi:

"Chừng nào thì bác về lại Mỹ!"

Tôi đáp hờ hững:

"Năm ngày nữa."

"Nhanh quá bác nhỉ! Có hai bác về thì còn thấy vui vui! Chứ hai bác đi rồi thì nhà cháu vắng vẻ và buồn tẻ biết chừng nào."

Buông mắt nhìn ra bên ngoài. Mãi sau nó mới đổi giọng buồn buồn:

"Cháu nghe mẹ cháu nói: Ông mất rồi, không biết hai bác có còn về nữa không?"

Tôi đáp không cần suy nghĩ:

"Về chứ! Vài năm bác lại về. Nếu bác không về được thì cũng cho mấy anh chị ấy về."

"Thật! Hở bác!"

"Thật! Chứ bác đâu có nói chơi."

Đứa cháu gái ngồi lặng thinh không nói. Tiếng mưa gõ đều xuống mái tôn, tuôn xối xả xuống mặt đường, tạo

thành con nước cuộn cuộn, đổ xô, chen lấn nhau cuộn trôi về cuối ngõ.

Buổi trưa. Tôi đứng giữa không khí cô quạnh, hoang vắng bên phần mộ của bố tôi. Phần mộ vừa mới xây xong vào buổi sáng ngày hôm qua. Nén hương vẫn còn cháy âm ỉ, tỏa ra nghi ngút. Ngay đây trên, cách đây vài ba bước là phần mộ mẹ tôi đang nằm. Ngôi nhà ấy, chúng tôi cũng vừa chỉnh trang, làm mới lại. Tôi có linh cảm, vong hồn của bố tôi đang lẩn quất ở quanh đây. Ông muốn nghe tôi nói. Thầm thì với ông về những điều mà tôi muốn nói. Tôi nhích môi nói vừa đủ nghe:

"Bố hãy ngủ yên. Giấc ngủ thật êm đềm, thật mộng mị. Giấc ngủ sẽ đưa bố đi vào thiên thu. Bên cạnh còn có mẹ. Bố sẽ không còn cảm thấy cô đơn như ngày bố ở trần thế. Bố hãy quên đi mọi muộn phiền, đắng cay ở cõi trần gian tạm bợ, phù phiếm này. Quên đi nghe bố! Trước mắt bố hiện giờ là cả khoảng trời rạng ngời, tươi sáng. Ở đây có đồi núi chập chùng, có cỏ non xanh mượt cùng hoa nở bốn mùa rực rỡ, và bên tai bố, réo rắt tiếng nhạc khúc tấu lên bản trường ca bất tận./."

PHẠM VĂN NHÀN

(Hai truyện thật ngắn)

Mảnh Đời

Tôi và vợ tôi bắt đầu suy nghĩ, tính toán .

Không phải đợi đến hôm nay chúng tôi mới tính, mà đã lâu, khi con tôi còn vài tháng nữa là thi tốt nghiệp cấp ba. Có nên cho nó nghỉ học sau khi lấy xong bằng lớp 12, rồi buôn tảo bán tần chi đó để kiếm sống qua ngày. Nhưng, nào phải nó học kém... đằng này nó học rất khá ở trường. Sau khi chúng tôi vô tình nghe được những cuộc chuyện trò của nó với chúng bạn. Ai rồi cũng có những ước mơ khi còn đi học. Bạn nó, đứa nào cũng bảo: mày phải thi vào đại học. Tụi tao chắc chắn phải vào Sài Gòn, còn mày cũng phải đi với bọn tao. Đừng ra Huế..

Con vào Đại học! Vợ tôi ngồi sau bếp vùn vùn vạt áo. Tôi biết nàng rất buồn...làm sao đủ tiền để cho con vào đại học để kịp với chúng bạn đây, khi mà cuộc sống mỗi ngày mỗi khó, chỉ trông vào cái sổ lương thực với đồng lương “chết đói”. Khi mà mỗi ngày phải nhìn vào hũ gạo xem còn hay hết... còn tôi thì bất lực hoàn toàn khi mỗi ngày chỉ kiếm được hai ký gạo ảm từ một HTX. Trắng tay. Cả nhà chỉ còn trông vào con heo nái sắp đẻ.

Buổi chiều, biển sau nhà im ắng. Từng đợt sóng lăn tăn vỗ vào bờ. Những buổi chiều biển lặng như thế mực nước biển rút ra xa để lộ bãi cát ướt đầy dấu chân người trên phố xuống tắm. Biển ồn ào với những tiếng la và tiếng cười đùa. Chỉ có vợ chồng tôi là mỗi người mang một suy nghĩ .

“ Còn mấy hôm nữa heo đẻ ?”

“ Có lẽ hơn một tuần .” Vợ tôi nói.

“ Mong sao hơn chục con. Để làm vốn cho con bé vào đại học.”

“ Ông tưởng nhiều sao. Lứa đầu chỉ mong vài con.”

Hắn ngồi yên nhìn ra sau nhà. Biển lặng. Sóng im Con heo nái cao hơn thành chuồng đang gác đầu lên cái thanh gỗ há miệng kêu.

“ Nó đói đấy.” Vợ tôi vừa nói rồi đứng dậy đi lấy thức ăn. Tôi đi theo sau mà lòng ngổn ngang trăm mối. Những ý nghĩ quanh quẩn trong đầu. Cho con nghỉ học thì đau lòng quá; mà đi học thì tiền...mẹ kiếp, cái gì cũng tiền. Tôi muốn quy xuống, nếu không có vợ tôi bên cạnh. Quy xuống như ngày nào còn trong trại. Những dòng nước giải chảy ra, trắng phếu khi ăn phải những lá mì Ấn Độ vì đói. Ăn cho qua cơn đói, cái gì bỏ vào mồm được là cứ ăn, và tôi... trúng độc. Người bạn tốt bụng đã cứu kịp tôi khi cho tôi nửa tán đường đen. Đó là một gia tài rất lớn...Như hôm nay, những lời bàn của con, những ước vọng của con hoàn toàn ngoài tầm tay của tôi. Tôi nghĩ: làm sao có tiền để cho con vào đại học đây, khi tôi nhìn vợ đang cúi xuống đổ thức ăn vào máng cho heo ăn. Chẳng lẽ nhờ vào những lần cho heo ăn như thế này để mà hi vọng? Tôi nhìn vợ tôi, gầy và xanh quá!

Có lẽ nàng cũng đang nghĩ về cảnh bế tắc trong gia đình. Và cũng là sự bế tắc cho một ước vọng của con. Khi mà gia đình tôi chỉ trông vào con heo nái này. Để xua đi những ý nghĩ buồn, nàng chỉ con heo, nói giả lả: nhờ “ba” kiếm thêm cơm thừa cá cặn của bà con dưới phố mà da thịt nó hồng hào ghê. tôi cũng cười: vỗ cho nó tốt để đến ngày sanh đẻ. Nàng nhìn tôi cười. Nụ cười ấy, như ngày đầu tôi gặp nàng trong hành lang bệnh viện. Rồi

cũng nụ cười ấy mang theo tôi suốt dọc con đường quân ngũ, và ngay cả trong những năm tháng khổ sở sau này trong các trại... Cũng như hôm nay, bao lần tôi muốn quỳ xuống trong cuộc sống, thì nàng biết và cười. Nụ cười đã vực tôi đứng dậy trong nỗi bao dung của một người vợ; và trong mảnh đời của tôi còn lại đã.... có nàng./.

Buổi Tối.

Có tiếng gõ cửa bên ngoài. Tôi mở.

“Hôm nay gió mạnh ghê, anh nhỉ.”

Tôi nói khi thấy anh tổ trưởng dân phố đứng trước hiên nhà.

“Dạ. Biển động mạnh anh ạ.” Anh tổ trưởng nói.

Tôi mời anh vào nhà uống chén nước. Cô em vợ gom lại những cuốn sách, cuốn vở của con tôi đang ngồi học nơi cái bàn đọc nhất. Đẹp qua một bên., mỗi khi nhà có khách. Khách hay bạn bè vào thăm phải dọn dẹp cái bàn cho thơm mát. Anh tổ trưởng không vào, đứng trước hiên nhàn nháy mắt, nói to:

“Sáng mai vào lúc 4 giờ anh tập họp trước phường để đi dự lễ, có tôi đi điểm danh.”

“Vâng.”

Cái nháy mắt của anh tổ trưởng, tôi hiểu ý. Anh quay người ra đi. Tôi cũng đứng ngoài hiên nhìn trời đêm hút thuốc. Gió biển thổi lộng và mạnh vào con hẻm giữa hai nhà. Tiếng gió rít mạnh nghe rờn rợn. Những hạt cát bay nghe rào rào và chắc chắn sáng hôm sau sẽ đầy cát trước sân. Dãy nhà chung quanh mờ mờ ánh điện. Tôi thấy một bóng người đứng dậy sau bức tường đỏ trước

nhà bà Cháu. Tôi hiểu là ai.

Chú Tới bên cạnh nhà qua hỏi:

“ Tổ trưởng gọi anh mai đi lễ ?”

Tôi nói: Ủ, còn chú?.

“ Anh nhớ gọi em đi với. Làm sao tránh khỏi. Mẹ kiếp, có cái lễ mà cũng lừa dân đi. Em kẹt mấy cái thùng phải gò cho xong để người ta đi biển chiều mai.”

Tôi cười cười: Lễ là vui chơi mà. Thôi anh với chú cùng vui luôn thể.

Chú Tới cười méo: Con đang đói anh ạ.

Tôi cũng cười trong bóng đêm: Tôi có khác gì chú đâu.

Qua tối hôm sau. Anh công an khu vực vào nhà :

“ Hôm qua anh có đi dự lễ?”

Tôi cười xã giao: Có chứ. Tôi có thấy anh mà. Anh đứng nói chuyện với anh tổ trưởng. Sau đó tôi không thấy anh đâu.

“ Tôi tìm anh mà không thấy.”

“ Có chuyện gì không anh?” Tôi hỏi giả lả.

“ Không có gì đâu. Hỏi vậy mà”.

Nói xong, anh ta chào và ra đi. Tôi nhẹ nhõm người. Vì thật ra, tối điểm hành lễ gặp mấy người bạn cũng cùng cảnh ngộ như nhau. Có dịp gặp nhau, ngồi lại tán gẫu, nghe tâm sự của mỗi từ anh giáo sư, tới anh lính “ ngụ” cứ xoay quanh công việc làm ăn. mánh mung, chụp giựt, và tương lai thì chẳng có gì...cứ làm qua ngày qua buổi. Chẳng ai nghe họ nói gì trong buổi mít ting.

Anh công an đi rồi, vợ tôi từ dưới nhà bếp lên. Ôm ngực:

“ Em sợ quá. Sợ họ hỏi lung tung thì khổ”.

Cô em vợ đứng dựa vách cười cười: em đã nói hết “ nội dung” buổi lễ cho anh nghe rồi.

TRẦN BANG THẠCH

để gởi tới Đại Hội trường cũ, Wash.DC April 2006

Không thể là sự thật

Mặc dầu ông Glen Cliffs đã nghỉ dạy học từ hơn ba mươi năm nay, những người quen biết ông vẫn gọi ông là thầy. Còn những học trò hay những người trẻ có nhiều dịp gần gũi và tiếp xúc với ông thì thân mật gọi ông là "Pappy", là Bố, vì đối với họ ông Cliffs quả rất xứng đáng là bố qua lối cư xử, cách dạy dỗ, cả cách rầy la, nhất nhất đều tiết ra cái tình cha con. Người ta nói ông Cliffs có trái tim vĩ đại hơn cái hồ Lake Champlain, rộng 431 dặm vuông, ở tiểu bang Vermont của ông, vì tim ông có thể chứa hàng ngàn người trong đó. Còn riêng ông, ông thích tự gọi mình là Người Dọn Dẹp, một "Cleanup Man" thứ thiệt. Số là vào cuối thập niên bốn mươi, trường ông Cliffs dạy không có thư viện, ông bà Cliffs phải dọn dẹp cái nhà kho chứa than đốt của trường rồi ông bà vừa gởi thư xin sách báo từ các bạn bè gần xa, vừa tiện tặn mua sách vở làm cái thư viện đầu tiên của trường Cambridge High School. Nhiều người còn cho rằng đó là thư viện đầu tiên của thành phố Cambridge. Vị hiệu trưởng của trường thời đó có nói một câu bóng bẩy:

"Thầy Cliffs đã làm một công hai việc: xây dựng thư viện và dọn sạch sẽ đầu óc các học trò để nhét vào đó những cuốn sách quý".

Bây giờ ngồi một mình nhớ lại câu nói đó, ông Cliffs cảm thấy vui vui. Nó nhắc nhở cho ông nhiều thứ quá. Bao nhiêu thứ, bao nhiêu sự việc đang trôi bồng bềnh trong óc ông, có lớp có lang. Thời gian cũng lũ lượt kéo

qua đời ông, đi ngang rồi đi khuất. Còn những kỷ niệm thì vẫn trụ hình, có tình có tự, trong lòng ngực, trong tim óc ông. Gần một thế kỷ có mặt trên đời, hay chính xác hơn, chín mươi mốt năm làm người, ông Cliffs làm sao không thể có nhiều điều đáng nhớ.

Đã từng là một nông dân, rồi thành người bán bảo hiểm, rồi tham gia quân đội. Sau trận thế giới đại chiến lần thứ hai chàng trung niên cựu quân nhân Glen Cliffs, lúc đó đã ngoài ba mươi tuổi mới vào ngành giáo dục. Người ta nói mỗi người có một quãng đời để sống, còn những quãng đời khác, những quãng đời không biết sống, thì chỉ để có mặt trên trần ai mà thôi, không có ý nghĩa gì hết. Hơn ba mươi năm dạy học là một quãng đời ông Glen Cliffs đã sống hết đời mình. Ông căng đôi tay ra để ôm chầm, ôm chắc nghề dạy học. Ông nâng niu nó kể cả những năm dài nghỉ hưu. Ông trải quả tim ông ra để thương yêu tất cả các học trò của mình. Các học trò hình như chẳng có đứa nào ghét ông, ông nghĩ vậy. Thời gian càng dài, sự gắn bó thầy trò càng khấn khít.

"Hello, Thầy ơi, con đây. Đầu tháng tới con sẽ gửi Thầy cái vé máy bay để mời Thầy sang đây dự ngày ra trường của thằng út tụi con nhen Thầy...!"

Đó là cú điện thoại của gần hai mươi năm trước. Lời mời thì ngắn mà lời thăm hỏi, lời trò chuyện lan man thì dài. Người gọi không nói tên, nhưng ông Cliffs vẫn biết đó là chị Lisa ở Seattle. Ông có biết thằng Út đó là thằng Kevin sắp tốt nghiệp nha y. Mấy chục năm nay biết bao nhiêu là những cú điện thoại tương tự đến từ hàng trăm cựu môn sinh ở rải rác khắp nơi. Quan hôn tang tế cũng là dịp gặp gỡ của đồng môn, của thầy trò. Chỉ nghe mấy tiếng đầu từ bên kia là ông Cliffs biết đó là ai; biết cả cái

quá khứ, hiện tại, tương lai của người gọi.

Thầy giáo Cliffs làm sao quên được cái giọng khàn đục của anh Donald, biệt hiệu là Don Juan, người học trò cao to ngồi cuối lớp, học thì ít mà chơi thì nhiều, chọc phá các cô cũng dữ, đã nghỉ hưu từ hai năm nay, sẽ theo đưa cháu nội là thằng Mack tháng tới đi làm tùy viên văn hóa toà đại sứ Mỹ ở Việt Nam. Còn chị Jane Pellerin thì nói tiếng Mỹ bằng giọng Tây đặc sệt. Chị nói ông của chị từng là một vị Toàn quyền Đông Dương. Chị ngồi ngay ở đó đó, ở ngay cửa sổ ngó ra khoảng sân rộng, có cây cột cờ cao gần đụng trời. Chị Jane thường nhìn những con họa mi hermit ca hát véo von trên cây nhũ phong lẻ loi ở một góc sân. Chim thì cứ ca hót trên cây, chị Jane thì cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ làm thơ trong giờ học nên cứ bị thầy Cliffs rầy hoài. Kể từ cuối tháng Tư mười năm trước, người thầy hưu trí Cliffs không còn nghe tiếng líu lo như chim của chị Jane trên đường dây viễn liên nữa. Chị Jane đã bỏ thầy mà đi trước rồi. Từ đó cứ cuối tháng Tư mỗi năm, thầy giáo già Cliffs đều tình cờ đi ngang qua ngôi trường cũ, rồi tình cờ nhìn mấy cánh họa mi đậu ơ hờ buồn bã trên nhánh nhũ phong trụi lá, tình cờ nhìn về hướng cửa sổ của một lớp học xưa mà tự đứng làm rơi mấy giọt nước mắt.

Từ vài chục năm nay nhiều cựu môn sinh đã từ già thầy mà đi về cõi khác, để ông giáo già lụ khụ này rơi lệ tiễn đưa. Người học trò ra đi trước nhất có lẽ là anh Herman. Quan tài của anh được phủ lá quốc kỳ, đưa về từ vùng đất nằm bên kia bờ Thái Bình Dương. Thầy Cliffs không quên được buổi tối mùa đông đầu năm sáu mươi tám đó, cỗ xe tang tứ mã lốc cốc đưa xác anh Herman Fernandez đi ngang qua trường. Hôm ấy tuyết trắng xóa mênh mông

không làm rõ được cỗ xe đang như cánh lá thâm đen trời dật dờ trước ngôi trường cũ. Sân trường không một bóng người. Cây nhĩ phong âm u. Lá cờ rũ trên cột cao; rũ như cõi lòng người thấy giáo cũ đang co ro, ủ rũ đứng bên kia đường, vừa đưa cánh tay khẳng khiu vẫy tiễn đưa một thân xác thân yêu nằm lạnh cứng trong lòng xe tứ mã, vừa gạt nhanh những giọt lệ chực đóng băng trên mắt mình. Rồi từ đó, những Robert, những Suzane, những Tyler, Kathy...thay nhau mà vĩnh viễn ra đi, không kịp nói với thầy mình một lời từ giả! Nhắc tới Kathy King, người học trò có mái tóc đen mượt dài tới gối và đôi mắt nâu màu hạt dẻ, ông Cliffs nhớ mấy năm trước, trong khi nói chuyện qua điện thoại ông trách người học trò cũ này quá cở chỉ vì chị Kathy cứ đông dài chuyện này chuyện nọ mà quên không nói tới tình trạng học hành của thằng cháu nội Dillan của chị. Không biết từ hồi nào, ông Cliffs có thói quen hay quan tâm tới gia đình các môn sinh cũ, những người thường liên lạc với ông. Số này thì khá đông. Ông quan tâm nhất là về sự học hành, về tư cách, đạo đức của các con cháu của các môn sinh. Người ta không ngạc nhiên khi ông Cliffs biết được là nhà toán học đã tính toán chính xác tốc độ để một chiếc xe hơi bay an toàn ngang qua mấy toa xe lửa đang chạy nhanh chính là thằng Andre, cháu nội anh Ken Tate, người trưởng tràng gần nửa thế kỷ trước. Ông Cliffs còn biết cả cặp học trò cũ Nancy và Nick đã ly dị; biết anh Francis, ở tuổi quá lục tuần, vừa mới cưới người bạn cùng lớp năm xưa là chị Josephine. Cô dâu chú rể được bao quanh bởi mấy chục con cái, dâu, rể và các cháu nội, ngoại. Ngày đó vui hết sức, ông Cliffs thấy mình như vị thái thượng hoàng được cô dâu chú rể già cùng các con cháu cúi

mình cảm tạ và chúc phúc. Có lần ông Cliffs đến một thành phố xa vừa dự xong lễ cưới của gia đình người học trò này thì dự lễ tang của gia đình một học trò khác.

Các học trò cũ cũng quan tâm tới Thầy Cliffs của họ rất nhiều, nhất là từ khi vợ ông mất bảy năm trước.

"Hello, hello, hello...Thầy ơi, Thầy! Thầy!..."

"Chị Tammy đó hả? Có chuyện gì mà ..."

"Ồ, Thanks God. Nghe tiếng Thầy con mừng quá. My Goodness! Cảm tạ trời đất. Thầy vẫn khỏe hả thầy?"

"Từ từ mà nói. Có gì mà nghe có vẻ quan trọng quá vậy?"

"Mấy tuần nay, bận nhiều chuyện quá, hôm nay con mới nhớ, không biết thầy có mệnh hệ gì không. Nghe tiếng thầy là con mừng. Thầy vẫn ăn được, ngủ được hả thầy? Thầy vẫn còn tập 5 thế thể dục Tuổi Nguồn Tươi Trẻ hả thầy? Thầy tránh bớt ăn nhiều dầu mỡ và những thức ăn mặn nhen thầy. Thầy nên...Thầy đừng...Thầy đừng...Thầy nên...."

Cứ như vậy mà câu chuyện kéo dài. Đó chỉ là một phần ngắn cú điện thoại tháng trước của chị Tammy Schneider gọi từ Frankfurđ, Đức quốc. Đó cũng là một trong bao nhiêu cú điện thoại thân thương từ bao nhiêu năm nay. Đó là những tia nắng mai rực rỡ làm ấm cõi lòng của người thầy giáo già.

oOo

Trời bây giờ đang sụp tối. Tiếng rít của bánh sắt xe lửa từ bên kia dãy đồi phía sau nhà báo cho ông Cliffs biết đã 5 giờ chiều rồi. Đây có lẽ là con tàu cuối năm, cũng là con tàu cuối thế kỷ chạy ngang qua thị trấn này. Thời

gian vẫn trôi. Con tàu tuổi nhỏ của ông vẫn ngày ngày miệt mài trôi trên cùng một đường sắt, cả trăm năm nay. Ông Cliffs đứng dậy tăng thêm nhiệt độ lò sưởi, bật lên tất cả các ngọn đèn trong phòng khách. Phòng khách sáng choang để ông Cliffs có thể nhìn rõ những tấm ảnh treo gần kín một khung tường, đa số là ảnh đen trắng; có nhiều tấm không còn nguyên vẹn. Nhưng đâu có hề gì. Thầy giáo Cliffs nhắm mắt cũng hình dung được từng khuôn mặt, nhớ hết từng cá tính, thói quen, nét tốt và cả tật xấu của từng người trong ảnh vì đó là những học trò của thầy Cliffs. Còn trên chiếc bàn dài đặt ở bên góc trái căn phòng là mấy chục tập ảnh gồm ảnh xưa lúc thầy trò còn ở trường và ảnh nay lúc thầy trò đã mỗi người mỗi ngả. Ông Cliffs đã bao nhiêu lần lật đi lật lại những tập ảnh đến nỗi ông thuộc từng vị trí của mỗi tấm ảnh. Nhiều chục năm thầy giáo Cliffs đã sống với các hình ảnh học trò cũ như sống với những người quen thuộc trong cùng một ngôi nhà cổ. Trong tập ảnh thứ nhất, trang thứ 5 là toàn thể 28 học sinh lớp 9 niên học 49-50. Trang 12, 13 và 14 của tập ảnh thứ ba là ảnh picnic năm 1956 của các lớp 11 tại Mt.Mansfield, dãy núi có độ cao 4,400 bộ. Còn tập ảnh thứ 12 là của người học trò cũ tên Antonio tặng ông gồm tất cả hình ảnh chụp trong ngày Họa mặt truyền thống năm 1998 của học sinh cấp lớp 12 niên khóa 1953, cả thầy lẫn trò đều là những ông già bà cả mà trông mặt mũi người nào cũng tươi trẻ như mới đôi mươi! Nguyên tập ảnh thứ 15 là hình ảnh những chuyến "thăm dân cho biết sự tình" của ông thầy Cliffs đến nhà các học trò cũ trong những năm ông bà Cliffs về hưu và còn mạnh khỏe. Đa số là những chuyến đi ngắn trong tiểu bang hay các tiểu bang lân cận. Có những chuyến đi dài như chuyến đi

Hòa Lan lúc anh Henderson đang làm Giám đốc ngân hàng ở đó. Hay chuyến đi Etopia vào năm 1976 của ông Cliffs rất thú vị khi ông cùng vợ thấp tẹt đoàn y tế của chị học trò cũ Flores đi cho thuốc và khám bệnh dân chúng tận các vùng rừng sâu. Các môn sinh thường hay gửi cho ông ảnh của các con cháu chụp ngày ra trường trung học, đại học... ông Cliffs để chung vào tập ảnh số 17, đây là tập ảnh dày nhất vì con cháu mỗi ngày một đông thêm. Sáu tập bìa da dày cộm để trên kệ sách đằng kia là các bài luận văn của học trò cũ lúc ông dạy môn English mà ông đã đọc không biết bao nhiêu lần rồi. Trong đó có cả mấy bài thơ viết tay của chị Jane gửi thầy chỉ vài ngày trước khi chị qua đời vì bệnh ung thư phổi. Mỗi trang thơ đều có những chữ bị loang vết mực, ông Cliffs không còn nhớ đó là nước mắt của người làm thơ, hay ngấn lệ rớt xuống từ đôi tròng mắt sâu của người thầy cũ thương nhớ người học trò tài hoa mệnh bạc.

Ông Cliffs với lấy cây gậy rồi bước lần ra phía cửa. Con đường trước nhà giờ này có nhiều xe cộ chạy vội vã. Ông Cliffs biết người ta đang muốn về sớm cùng với gia đình ăn bữa cơm tối tiễn đưa năm cũ và đặc biệt là chào đón năm đầu của một thế kỷ mới, năm 2000. Riêng ông Cliffs thì ông biết ông phải làm gì cho cái ngày đầu của thiên niên kỷ này. Hôm qua, chị Louise đã điện thoại nhắc ông về cái hẹn ngày mai. Phải, cái hẹn ngày mai, một cuộc hẹn thật là đặc biệt, cũng là một trò chơi đánh cuộc xảy ra từ đầu năm 1949, từ 51 năm trước. Ngày đó thầy Cliffs đang dạy môn khoa học tại trường Cambridge High School, bài dạy hôm đó là Thời Gian và Khoảng Cách. Trong khi giảng có một lúc nào đó thầy Cliffs nói tới năm 2000 thì bé Louise Sander, lớp 9, 13 tuổi, bèn đưa

tay đứng lên xin nói:

"Dạ thưa thầy, sao thầy lo chi tới cái năm 2000 xa quá là xa đó. Lúc ấy chắc thầy trò mình không còn để mà thấy nó. Cả cái Time Square người ta đến đó ôm nhau mừng năm mới chưa biết có còn không nữa!"

"Xin lỗi cô bé, cô đang nói gì thầy không hiểu?"

Biết thầy có vẻ bất nhẫn vì câu nói của mình, bé Louise bèn dịu giọng:

"Tất cả chúng ta chưa biết ai còn ai mất 51 năm sau, thưa thầy".

Ngay sau đó thầy trò cả lớp bày ra trò chơi đánh cuộc: Thầy trò sẽ gặp nhau đúng 7 giờ sáng ngày 1 tháng Giêng năm 2000 tại sân nhà thờ The First Church of Christ trên đường Main, để xem ai mất, ai còn.

Hôm nay là ngày cuối năm 1999.

Mới đó mà đã 51 năm. Thầy Glen Cliffs đã 91 tuổi còn trò Louise Sander thì 64. Các trò khác thì cũng trên lục tuần. Suốt thời gian nửa thế kỷ đó, mỗi đầu năm thầy trò cùng nhau đếm số ngược từ 51 lui dần để cuối cùng hôm nay là con số 1. Con số 1 đã đứng đó chờ đợi thầy trò ông Cliffs đã 51 năm nay. Thầy Cliffs vẫn còn đó, chị Louise, chị Rosaline, anh Kenneth, anh Adrian....vẫn còn đó để đếm thời gian; còn những Jane, những Herman, những Jerry, Cook, Janet... thì đã bỏ cuộc chơi, bỏ lại những con số càng ngày càng nhỏ! Cũng đâu biết được những người học trò sớm ra đi này đang đứng đâu đó trên vùng trời thênh thang trên cao cùng đếm con số 1 với thầy và bạn mình dưới thấp.

Từ hôm đầu tháng 12 năm nay, chị Louise đã chuẩn bị cho ngày hội ngộ vô cùng kỳ thú này: Chị hoạch định

hắn một chương trình hành động, gọi là Project 2000. Đúng 7 giờ sáng ngày 1 tháng 12, chị Louise đã bắt loa truyền hịch cho hải nội chư quân, bằng dân thiên hạ năm châu bốn biển hãy mau kíp về đây dự ngày tụ hội. Năm mươi mốt năm mới có một ngày! Mọi dò, mọi dò! Bà con cô bác! Chị Louise cẩn thận dặn những người ở địa phương mỗi người làm món ăn mà Thầy Cliffs của mình thích nhất: Chị Peg nấu món măng hầm thịt nạc bò và củ hành trắng, mà phải nấu sao cho mềm rệu, thầy không còn răng thật đâu. Chị Rosaline nấu món súp hải sản, phải có rong biển thật nhiều, đừng quên thêm vào một chút rượu vang cho thơm. Lúc sanh tiền, anh Greg chuyên trị món kem trái cây trắng miệng, nay thì việc này giao cho Greg phu nhân vậy...Bộ sậu ban tổ chức Ngày Tụ Hội 2000 cũng không quên chuẩn bị một đêm ca nhạc kịch và dạ vũ với nhiều màn tự biên tự diễn vui nhộn để thầy trò chào mừng năm mới và đánh dấu một ước nguyện đã thành: Gặp nhau năm 2000. Một cuộc chơi dài 51 năm sẽ chấm dứt sáng mai. Tất cả sẽ là những người thắng cuộc. Cả tháng nay mọi chuyện tiến hành tốt đẹp. Người người nôn nóng. Nhà nhà nôn nao. Những con cháu cũng thấp thỏm chờ đợi như cha mẹ ông bà của chúng. Chúng có những trận cười thích thú khi chứng kiến các buổi tập kịch của ông bà tại nhà. Từ cử chỉ, cách ăn mặc cho tới việc tô son vẽ phấn để biến thành những teen agers trông thật tức cười. Thằng cháu ngoại 10 tuổi cười lộ hết mấy cái răng sún khi ông ngoại nó đóng vai chàng nam sinh lớp 12 năn nỉ ỉ ôi xin một chút tình từ cô nữ sinh cùng lớp trên đường đi học, do bà ngoại nó đóng. Anh Frank thì đóng vai thầy Cliffs y như thật, từ tiếng nói rồn rảng đến cái phác tay, cái nhướn

mày, tròng mắt...Không biết anh Frank tìm đâu được cái áo bành tô màu cứt ngựa y hệt cái áo mà ông Cliffs thường mặc vào nửa thế kỷ trước.

Nửa thế kỷ đã chờ được, chỉ còn một tí nữa thôi mà trái tim mỗi người như muốn bái bai cái lòng ngực, chờ được nhảy tung trên đường.

Phần ông giáo Cliffs thì ông cũng nôn nao. Hôm trước anh Daniel muốn rước thầy Cliffs đến nơi gặp mặt, nhưng thầy Cliffs đã từ chối, ông bảo mọi người hãy đến chỗ hẹn, đừng bận tâm về ông, ông muốn tự mình chu toàn lời hứa cũ. Ông hỏi về chương trình ngày mai, các học trò tuyệt đối giấu ông những gì họ sẽ làm. Ngày mai, ngày đầu thiên niên kỷ thứ ba, ngày hẹn. Phải, ngày hẹn nhau 51 năm trước sắp tới rồi. Sắp tới rồi! Trong niềm vui, tự nhiên ông Cliffs cảm thấy hơi buồn khi nhớ tới bà vợ Majorie. Vợ ông cũng đã chờ với ông trong mấy mươi năm. Cái chết đã làm bà mất cơ hội cùng ông vui ngày sum họp vô cùng đặc biệt này. Và còn thiếu thêm những ai trong số những môn đệ của ông? Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?

Trong nỗi vui buồn lẫn lộn đó, ông Glen Cliffs đi ngủ sớm để có mặt ngày mai trên đường Main, trước sân nhà thờ The First Church of Christ.

oOo

Trong phần tin tức lúc 7giờ sáng, làn sóng 640 AM của đài phát thanh địa phương có loan một bản tin ngắn: "Cuối cùng thì thầy giáo Glen Cliffs không đến được chỗ hẹn trước nhà thờ The First Church of Christ trên đường Main. Theo khám nghiệm thì ông giáo 91 tuổi mất

khoảng 6 giờ sáng nay, ngày 1 tháng Giêng năm 2000. Ông Cliffs đã bước những bước đi đầu tiên từ những năm đầu Thiên Niên Kỷ thứ hai, đã đặt chân lên Thiên Niên Kỷ thứ ba. Ông chỉ thiếu có hơn 1 tiếng đồng hồ để đặt chân lên chỗ hẹn, để hoàn thành lời ước từ 51 năm về trước".

Và người ta thấy một số những lão ông, lão bà tuổi lục tuần, thất tuần đang ngồi khóc tại một góc phố trên đường Main. Hình như không có ai trong số những người này tin những lời phát thanh là sự thật. Năm mươi một năm chờ đợi đã trôi qua như một giấc mộng. Con số 0 đã hiện ra để chấm dứt 51 năm chờ đợi, thì một con người vĩ đại đã biến mất. Một con số 0 khác bỗng xuất hiện như một cánh lá thu đang chao nghiêng bay về với đất. Ôi cái Có và cái Không! Sự ra đi đột ngột của người thầy kính yêu dù có nằm mơ cũng không thể xảy ra được. Thật hay mơ?

Thiên Niên Kỷ mới đã đem cho họ một nỗi buồn quá lớn lao.

Houston, trong khi chờ đợi ngày đầu năm 2000



TRANG VĂN HỌC
& ĐỌC SÁCH

ÔN NĂNG KHANG * CAO VỊ KHANH

ÔN NĂNG KHANG

**TRỜI QUA VĂN NGÔN TRUYỀN KHẨU
VIỆT NAM:**

**TỪ QUAN NIỆM THẦN LINH, SIÊU HÌNH, ĐẾN
THỰC NGHIỆM**

Mục I: Vũ Trụ Qua Nhận Thức Thần Linh:

Trong buổi bình minh của lịch sử loài người, tương tự những dân tộc khác, người Việt, khi mà tinh thần duy lý và thực nghiệm chưa được phát huy, đã nhìn vũ trụ bằng sự sợ hãi, tin tưởng. Từ đó đẻ ra những hình thức tín ngưỡng như: cúng, lạy, van xin, cầu khẩn, bói toán, đồng bóng... nhằm mục đích bảo vệ đời sống mà họ chưa đủ lý trí, óc phán đoán suy luận, nghị lực, ý chí, cũng như tự do để xây dựng và gìn giữ.

Bằng một cái nhìn khái quát, chúng ta thấy diễn trình nhận thức về vũ trụ của người Việt cũng bắt đầu từ giai đoạn bái vật giáo, tiến đến đa thần giáo, và dừng lại ở độc thần giáo như nhận thức của phần đông nhân loại. Cái nhìn của người Việt về vũ trụ ở giai đoạn này là một cái nhìn đầy tính chất bở ngỡ, ngạc nhiên. Từ đó nảy sinh lòng bái phục, biết ơn hay sợ hãi.

1.Vũ Trụ Qua Cái Nhìn Bái Vật:

Trước hết, chúng ta hãy nhận xét đến nhận thức vũ trụ có tính cách bái vật. Chúng ta thấy người Việt thờ kính từ một cái cây, một hòn đá, đến một con vật. Có thể nói đây là kết quả sự tác động của những đối tượng đó vào đời sống của người Việt, làm cho họ hạnh phúc hay đau khổ,

thí dụ: tục thờ cây cối như cây đa, cây đề có thể bắt nguồn từ lý do mà chúng tôi ước đoán sau đây. Trong đời sống nông nghiệp vất vả, lam lũ, một lúc nào đó người nông phu Việt sau buổi cấy mệt nhọc lên ngồi nghỉ ngơi ở gốc cây đa, cây đề và cảm thấy lại sức nhanh chóng. Vì chưa có kiến thức khoa học để biết rằng sở dĩ họ cảm thấy khỏe khoắn vì phổi hấp thụ được nhiều dưỡng khí do cây nhả ra lúc hô hấp nên họ cho rằng cây có một quyền năng mầu nhiệm. Và từ đó, họ nhìn những cây to bóng mát (cây đa, cây đề) như những vị thần linh. Tục ngữ có câu:

"Vị thần phải nể cây đa."

Cũng trong tín ngưỡng bái vật, người Việt còn thờ Ông bình vôi và tôn kính cái bếp lò mà họ gọi là Ông đầu rau. Khi bếp lò bằng đất quá cũ, họ đem để dưới gốc cây đa. Cũng trong nhận thức bái vật phát sinh từ lòng biết ơn, chúng ta phải kể đến sự kính trọng một loài vật bé nhỏ là con cóc. Ca dao có câu:

"Con cóc là cậu Ông Trời,

Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho."

Hai câu trên do truyện cổ cóc lên kiệu Trời vì đã lâu Trời làm hạn hán. Sau khi đại thắng binh tướng nhà Trời cóc đặt điều kiện khi nào cóc nghiêng rằng thì Trời phải mưa. Trời bằng lòng. Vì nhận thấy mỗi khi cóc nghiêng rằng là Trời sắp mưa, người Việt rất kính trọng cóc vì mưa rất cần thiết cho mùa màng.

Bây giờ chúng ta xét đến động lực thứ nhì tạo thành tín ngưỡng bái vật là lòng sợ hãi: "Người ta tin rằng có nhiều hòn đá có thần. Nhất là những hòn đá kỳ hình, quái tượng ở hang động hay trước cửa đền chùa, hoặc những hòn đá ở giữa ghềnh hoặc ở bờ biển thường gây nguy hiểm cho ghe thuyền."

Nếu những vật gì gây tai họa cho cuộc sinh hoạt được xem như có thần thì những loài thú nào gây nguy hiểm cho sinh mạng của mình cũng được người Việt thờ kính. "Cá voi được thờ như một vị thần bảo hộ của dân miền biển, cũng như cọp (Ông Cọp, Ông Ba Mươi) thì được dân miền rừng thờ."

Voi và rắn là hai loài thú dữ cũng được người ta kính sợ mà tôn xưng; voi là "Ông Vâm", rắn là "Ông Lốt". Thậm chí đến chuột, một giống vật nhỏ bé, hay ăn thóc gạo, có thể gây ra nạn đói cũng được gọi là "Ông Tí", "Ông Thiêng".

Sau khi lược xét quan niệm bái vật của người Việt, chúng ta nhận thấy cái nhìn của họ có những nét tương đồng với các dân tộc khác, chẳng hạn người Ấn. "Người Naga (thổ dân Ấn trước khi người Aryan tới) thờ vô số thần: thần đá, thần cây, thần gấu, thần cọp, thần sông, thần núi. Naga là rồng thần, Hanuman là khỉ thần, Nandi là bò mộng thần, Yaksha là cây thần."

Như vậy chúng ta nhận thấy bái vật là nhận thức của những người ngây thơ và yếu đuối. Vì ngây thơ không hiểu rõ tương quan giữa những hiện tượng thiên nhiên với con người nên dễ phát sinh lòng biết ơn hay kính phục. Vì yếu đuối bất lực trước những thế lực có thể đem lại tai họa, đe dọa sinh mạng của họ, con người phải thờ kính chúng.

2.Vũ Trụ Qua Cái Nhìn Đa Thần:

Sau khi từ lòng sợ hãi hoặc biết ơn, từ đó nhìn xung quanh mình bằng cái nhìn bái vật người Việt bắt đầu cố gắng giải thích những hiện tượng tự nhiên có ảnh hưởng xa gần đến đời sống của họ. Lối giải thích này dĩ nhiên không phải bằng tương quan như chúng ta ngày nay mà

bằng trí tưởng tượng của họ. Do đó mưa, gió, sấm, chớp, theo lòng tin của người Việt đều do thần tạo nên. "Thần Mưa là thần hình Rồng, thường xuống hạ giới hút nước biển, nước sông vào bụng rồi bay lên trời cao phun nước ra làm mưa cho thế gian có nước uống và cày cấy, cây cỏ trên mặt đất được tốt tươi. Thần Mưa thường theo lệnh Trời đi phân phát nước cho các nơi. Công việc này nặng nề, một mình thần Mưa làm không xuể nên Trời phải mở cuộc thi chọn giống thủy tộc có tài trở thành Rồng hút nước phun mưa giúp sức thần mưa. Cuộc thi chọn Rồng này diễn ra ở Vũ Môn, thuộc tỉnh Hà Tĩnh ngày nay. Do đó trong dân gian có câu ca dao về việc cá chép hóa Rồng:

*"Mông ba cá đi ăn thề,
Mông bốn cá về, cá vượt Vũ Môn."*

Ngoài những vị thần điều khiển việc thời tiết, người Việt tin rằng mỗi nơi, mỗi khu vực đều có thần cai quản. Tục ngữ có câu:

"Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá."

Một vị thần khác vô cùng quen thuộc với các gia đình Việt Nam là thần Bếp, còn gọi là Táo Quân hay Vua Bếp. Ca dao có câu:

*"Thế gian một vợ, một chồng
Chẳng như Vua Bếp hai ông một bà."*

Tóm lại, chúng ta nhận thấy sự cố gắng giải thích các hiện tượng vũ trụ hoặc những đối tượng vật giới của người Việt là hậu quả của nhận thức đa thần, theo đó không có việc gì là không có thần chủ nhiệm, không có nơi nào là không có thần cai quản.

3. Vũ Trụ Qua Cái Nhìn Độc Thần:

Theo sự tiến hóa của nhận thức, từ phức tạp đến đơn

nhất, dần dần người Việt thấy rằng những vị thần của họ cũng cần phải có một vị thần tối cao điều khiển, chỉ huy thì mới có thể hoạt động trật tự và hiệu quả. Nếu không sẽ có một sự tranh chấp tạo ra hỗn loạn. Do đó, người Việt tưởng tượng rằng ở trên các vị thần có một vị thần duy nhất, tối cao mà họ gọi là Trời. Ông Trời, trong quan niệm của họ là người sinh ra loài người và muôn vật. Tục ngữ có câu:

"Trời sinh, trời dưỡng."

hoặc: *"Trời sinh voi, sinh cỏ."*

Từ lòng tin ấy, họ thành khẩn cầu nguyện:

"Lạy Trời mưa xuống,

Lấy nước tôi uống,

Lấy ruộng tôi cày,

Lấy đầy bát cơm,

Lấy rơm đun bếp."

Ta có thể so sánh ông Trời của người Việt với thần Prajapati, chủ tể mọi thần linh trong tín ngưỡng của người Ấn: "Sự thờ thần Prajapati về sau gần như thành nhất thần giáo cho tới khi thần đó bị thần Brahma đoạt mất địa vị."

Tóm lại, từ quan niệm đa thần giáo có tính cách phiếm thần người Việt đã tiến đến quan niệm độc thần giáo, mang màu sắc nhất nguyên luận.

Mục II: Vũ Trụ Qua Nhận Thức Siêu Hình:

Ở mục I, chúng ta thấy trí tưởng tượng và tình cảm chi phối cái nhìn của người Việt về vũ trụ ngoại giới. Như đứa trẻ thơ, người Việt dễ bị những sức mạnh vô hình chế ngự, điều khiển khiến họ tin kính và thờ phụng những quyền lực siêu nhiên mà chúng ta gọi là thần quyền.

Tính mệnh và đời sống của họ dường như phó mặc cho quyền lực đó chi phối.

Nhưng dần dần, con người nói chung, người Việt nói riêng tiến hoá hơn. Người Việt bắt đầu biết quan sát những hiện tượng vũ trụ quanh mình. Họ bắt đầu đặt ra câu hỏi và tìm cách giải đáp. Nghĩa là họ không chỉ thỏa mãn với điều trước đây họ tin tưởng, thờ phụng. Họ đặt vấn đề nguyên nhân và hậu quả, lý do đầu tiên và cuối cùng của đời sống. Người Việt muốn giải thích mọi hiện tượng bằng thái độ vừa khôn ngoan hợp lý, vừa có tính cách phổ quát. Ý hướng muốn hiểu biết tận ngọn nguồn của sự vật ở người Việt khác nào hai câu thơ sau đây của thi hào Nguyễn Du:

"Trăm năm tính cuộc vương tròn,

Phải dò cho tới ngọn nguồn, lạch sông."

Trăm năm là cuộc sống vợ chồng, mà cũng có thể là cuộc nhân sinh. Như Khổng Tử đã nói: "Đạo của người quân tử lấy đạo vợ chồng làm đầu dây mối nhợ, nhưng nếu xét cho cùng cái lý của nó, chính là đạo của Trời Đất."

Hạ Kinh của Kinh Dịch bắt đầu từ hai quẻ Hàm và Hằng, trong khi Thượng Kinh bắt đầu bằng hai quẻ Kiền và Khôn, có ý so sánh sự liên hệ giữa đạo Trời Đất và đạo vợ chồng. Bởi vì người xưa tưởng rằng Trời hình tròn, còn Đất hình vuông. Trời Đất cũng có nghĩa là sự sinh thành, nên tục ngữ Việt có câu:

"Mẹ tròn con vuông."

để nói lên ý nghĩa thành tựu viên mãn.

Chúng ta nhận thấy nếu trước đây Trời được tin tưởng như căn nguyên của vạn vật, thì bây giờ Trời là đối tượng của óc suy luận, thắc mắc. Người Việt nhận thức về Trời Đất, tức là về thời gian và không gian đã bao trùm bên

trên và bên trong cuộc sống của mỗi người chúng ta..Trời ,bởi vậy được biểu thị như Tình yêu thuần khiết, trí tuệ siêu việt và ý chí công chính.

1.Trời, nguồn yêu thương:

Ý niệm về tình yêu thương bao hàm ý niệm về sự sinh thành, che chở. Tục ngữ Việt có câu:

"Trời sinh, Trời dưỡng."

hoặc: *"Trời che đất chở."*

Người Việt quan niệm Trời ở đây giống như người mẹ, mà vạn vật là con cái. Tiếng "Mẹ" cũng có nghĩa là cái nguồn nước chân thực nuôi sống muôn loài cho nên Lão Tử mới nói: "Ta quý Mẹ Thực: ngã độc dị ư nhơn, nhi quý Thực Mẫu."

Trời hay vũ trụ là nguyên nhân tác thành vạn loại, có nghĩa vạn loại và vũ trụ cùng là một. Nói cách khác không thể tách rời sự sống ra khỏi vũ trụ cũng như không thể tách rời vũ trụ ra khỏi sự sống. Sự sống và vũ trụ là một đại thể không thể chia cách. Chúng tác thành nhau theo luật hỗ tương. Đời sống bao gồm ý nghĩa về sự sinh diệt, về hạnh phúc và đau khổ, về những gì đã được thực hiện hay chưa thực hiện. Bởi vậy tình yêu thương của Trời là năng lực sáng tạo, tài bồi. Đứng trước sự lớn lao cao rộng của vũ trụ người Việt dường như thấy mình bé lại, thấy mình như trẻ thơ đang nằm trong lòng mẹ, được hơi ấm và giồng sữa ngọt nuôi nấng. Cảm nhận này được nói lên trong câu tục ngữ:

"Trời cao Đất dày."

Tiếng"đầy" mang ý nghĩa "đầy đặn", "trọn vẹn". Tiếng "cao" biểu lộ sự "sáng suốt", "tinh anh". "Cao", "đầy" là đức lớn của Trời. Cái đức ấy chủ sự Sinh. Vì vậy người Việt không muốn ai *"bứng cây sống, trồng cây chết"*. Ca

dao Việt có câu:

"Người trồng cây hạnh, người chơi,

Ta trồng Cây Đức để đời về sau."

Cây Đức ở đây tức là cây sống (tree of life).

Khi người Việt nói: "Trời cao biển thẳm" thì tiếng "thẳm" bao hàm một ý nghĩa sâu xa, không thể đo lường. Những hình dung từ (tính từ): dày, sâu, cao, thẳm... dùng để ca ngợi đức độ, tình yêu thương của Trời. Câu tục ngữ "Trời che Đất chở" cho ta một ý niệm về lòng bao dung, đùm bọc khiến ta liên tưởng đến một mái nhà ấm cúng, mà nóc nhà tượng trưng cho đỉnh cao chót vót. Điều này khiến ta liên tưởng đến Thái Cực của quả Kiền trong Kinh Dịch. Tục ngữ có câu:

"Con có cha, như nhà có nóc."

Tiếng "con" chỉ loài người và vạn vật; tiếng "cha" chỉ sự che chở, đùm bọc. Tiếng Trời mà người Việt dùng ở đây bao gồm cả vũ trụ, trong đó có Trời Đất. Một ngôi nhà với cái nóc cao cũng phải nhờ vào nền móng mới đứng vững. Đời sống cũng vậy, không thể không nương tựa vào Đất, khác nào bầy con phải nương tựa vào Mẹ. Tục ngữ Việt Nam có câu:

"Con nên nhờ phúc Mẹ."

Cái ý niệm Trời cha, Đất mẹ đó của người Việt chính là lấy đức Sinh làm nền tảng bởi vì đức lớn của Trời Đất hay vũ trụ là sự sinh hóa. Trời là nguồn gốc của sự sinh hóa nên nhận thức về Trời là nhận thức về sự sống. Mà yếu tố căn bản để cấu thành sự sống là tình yêu thương. Tình yêu là sự tổng hợp của hai nguyên lý Cha và Mẹ, hay Trời và Đất. Đây có thể gọi là một đại nguyên lý của vũ trụ mà người Việt đã quan niệm:

"Có Cha, có Mẹ thì hơn,

Không Cha, không Mẹ, như đờn đứt dây."

Cả một đại hòa điệu của cuộc sống sẽ trở thành im lìm, tan rã, chết chóc nếu cái nguyên lý này vì một sự rủi ro nào đó biến mất, tức là không còn tương ứng với nhau nữa. Như vậy, vũ trụ, nếu nhìn toàn bộ là một nguyên động lực biến đổi không ngừng mà người Việt gọi là "Trời che Đất chở." Sự che chở ấy biểu thị tính cách vững vàng, ổn cố mà nguồn gốc của nó là cái lý Thái Cực hay bản chất tuyệt đối. Nói cách khác, chính cái vô sinh đã tác thành sự sống hay cái hữu sinh. Và nếu một vật hữu sinh thiếu yếu tố bên ngoài tạo nên nó, tức là thiếu sự bồi bổ, thì nó sẽ bị phân hoại. Tục ngữ Việt có câu:

"Cha sinh, Mẹ dưỡng"

Dưỡng là điều kiện bồi bổ cần thiết để tạo lập sự quân bình của đời sống vật chất và tinh thần. Chính điều kiện này đã tài bồi vật hữu sinh, làm cho nó liên tục hiện hữu. Ở vạn vật, ý niệm "hữu sinh, hữu dưỡng" của người Việt nhằm mục đích tạo lập thế quân bình.

Tình yêu chính là cái gạch nối giúp cho người Việt cảm thông được cái đại thể của vũ trụ, vạn vật. Trong đoạn trên chúng ta đã biết tình yêu của Trời là Đức sinh hóa mà đặc tính chung là sự tài bồi. Khi nhận thức được vũ trụ có năng lực sáng tạo (sinh hóa) và tình yêu (sự che chở) người Việt đã khám phá được chiếc cầu nối giữa tha nhân và chủ thể, giữa vũ trụ và vạn vật. Nói khác, họ không còn đứng về phía mình để nhìn vũ trụ một cách khách quan, mà họ đã xâm chiếm mạch máu, đường gân của vũ trụ. Họ biến Trời thành cái Tôi-Chủ-Thể, nghĩa là Trời đã sống trong tôi, đã hiện diện như tôi hiện diện. Và còn đang tiếp tục. Đây là Siêu-Việt-Tính thường tại, không cần vấn nài, dò hỏi lý do. Ở đây chúng ta không

thấy có sự hoà nghi hay phân biệt. Chỉ có thái độ đoan chắc, tin tưởng giữa chủ thể và khách thể, giữa vũ-trụ-hiện-hữu và cái-tôi-hiện-hữu. Vậy, siêu hình học về vũ trụ là một thứ siêu hình hướng nội, vừa có tính cách duy tâm, nhưng không phải duy tâm, mà đứng ngoài duy tâm, vừa có tính cách một luân lý nhưng không phải luân lý, mà đứng ngoài luân lý.

2.Trời, nguồn sáng:

Trong ngôn ngữ của người Việt, "Trời" được đối với "Đất". Nếu chúng ta gọi Trời là nguồn sáng thì phải nghĩ Đất là bóng tối. Cũng như khi nói tới "động" thì phải nghĩ tới "tĩnh", nói "dương" thì nghĩ tới "âm", nói "cao" thì nghĩ tới "thấp"... Đó là luật đối xứng trong vũ trụ mà người Việt đã nhận thức một cách khái quát dựa trên giác quan và óc suy luận. Nếu phân loại, "Trời" được đi kèm với những tiếng sau đây: Trời-Sáng-Ngày-Động-Dương-Tinh Thần-Mạnh-Cứng-Cao... Như vậy khi nói tới Trời, người Việt nghĩ tới cái gì cao cả, mạnh mẽ, cứng cỏi, sáng láng. Ở đây đúng như ông Trần Trọng Kim đã nhận xét: "Văn đời cổ thường ít có những từ tượng danh từ cho nên hay dùng những cụ thể danh từ để nói những điều cao siêu."

Khi người Việt nói "cao xanh" thì ta không nên hiểu là bầu trời hay các tầng khí quyển, mà phải hiểu cái nghĩa tiềm ẩn. "Cao xanh" là cái lẽ cao siêu nhiệm màu của vũ trụ mà con người khó dùng giác quan để thẩm dò. Tri thức hữu hạn của con người khó lĩnh hội, khó nhận biết một vũ trụ lớn lao vô hạn. Cõi giới đó con người không nghe được, không tiếp cận được sự lớn lao của nó. Mặc dù nhận thức của họ tỏ ra bất lực trước sự sâu thẳm, bao la của vũ trụ, nhưng từ trong cõi lòng thâm kín con người

vẫn hướng vọng về một thế thăng bằng giữa cái cực tiểu và cái cực đại, giữa ánh sáng và bóng tối, giữa tinh thần và thân xác. Chính vì cảm nhận được phần tối tăm ngu dốt, bé nhỏ, yếu hèn của mình con người luôn tìm cách vươn lên, tìm cách lấp hố sâu ngăn cách giữa mình với vũ trụ. Nói cách khác, họ muốn thoát khỏi bóng tối để đến ánh sáng.

Sự sáng láng của Trời được người Việt học hỏi và ca ngợi. Tục ngữ có câu:

"Trời cao có mắt."

hoặc: *"Đèn trời soi xét."*

Lòng tin tưởng vào sự sáng láng của Trời được biểu lộ qua bài ca dao sau đây:

"Người ta đi cấy lấy công,

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề:

Trông trời, trông đất, trông mây,

Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.

Trông: cho chân cứng đá mềm,

Trời êm biển lặng mới yên tấm lòng."

Những tiếng "trông" trong bài này được lặp đi lặp lại chín lần. Tiếng "trông" ở câu 2 bao gồm ý nghĩa của 8 tiếng "trông" ở những câu dưới. Trông nhiều bề: 1/ Trời, 2/ Đất, 3/ Mây, 4/ Mưa, 5/ Nắng, 6/ Ngày, 7/ Đêm, 8/ Chân cứng đá mềm, trời êm, biển lặng.

Những tiếng "trông" trong bài ca dao ở trên đã không còn quy lụy như tiếng "lạy" trong bài "Lạy trời mưa xuống..." (mà chúng ta đã bàn ở Mục I). Tiếng "trông" ngoài nghĩa "tin cậy", còn có nghĩa "quan sát", nếu hiểu theo tính thần thực nghiệm. "Trông" có nghĩa nhìn thấy bằng trực giác siêu hình, mà đối tượng là cái nhiều bề, cái bao quát cả thời gian và không gian, cả chiều kích thứ tư như quan niệm của Einstein. Cái chiều

kích sâu thẳm đó tuy chúng ta chưa thể nào dò biết được nhưng nó đã biểu lộ chân tướng bên ngoài. Tục ngữ Việt có câu:

"Coi mặt mà bắt hình dong."

"Hình dong" là toàn vẹn thân tâm của con người hay là cái đại thể của vũ trụ. Chúng ta nhận biết được sự sáng láng của vũ trụ nhờ sự soi sáng của mặt trời, mặt trăng. Cũng như chúng ta nhận biết được một con người là do thấy rõ tâm hồn của họ hiện ra ngoài mặt. Nói cách khác, là dựa vào cái rõ ràng, cái đã biết để phán đoán, hiểu biết phần tiềm ẩn. Suy ra nếu muốn hiểu thiên ý (bản ý của trời) thì trước tiên phải quan sát thiên tượng (mặt trời, mặt trăng...). Bản chất của thiên tượng là sự sáng, do đó chúng ta có thể tin tưởng hoàn toàn vào ý hướng sáng suốt của trời. Điều này phần lớn các tôn giáo và triết học của nhân loại đều đề cập đến.

3.Trời, nguồn lực:

Chúng ta thường nghe người Việt nói: "Trời làm," "Trời lấy," "Trời ở" như trong những câu ca dao sau đây:

"Trời làm một trận lãng nhãng,

Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông!"

hoặc: " Của Trời, Trời lại lấy đi,

Giương đôi mắt ếch làm chi được Trời?"

hoặc: "Trời sao Trời ở không cân,

Kẻ ăn không hết, người mần không ra?"

Những động từ "làm, lấy, ở" làm chúng ta nghĩ đến một nguồn lực bất diệt nào đó ở vũ trụ siêu hình. Nếu trước đây, chúng ta thấy người Việt xem mặt trời, mặt trăng là biểu hiện một trí tuệ sáng láng của Trời, soi chiếu cho cuộc đời của họ. Nhưng chỉ nhìn như vậy, chưa đủ giải thích lý do hay nguồn gốc đã biến mặt trời thành năng

lượng ánh sáng. Nói cách khác, Trời làm cách nào để thấu hiểu tâm hồn con người? Nghĩa là, Trời có phải là một chủ lực, một sức mạnh để điều khiển và chế ngự vạn vật không? Cái gì đã khiến: "Nước trong giòng khi trong khi đục," và "Sông kia khi lở khi bồi."

Nếu câu "Trời cao có mắt" tượng trưng cho trí tuệ, sự minh triết của Trời thì ở đây Trời không nói mà làm. Câu tục ngữ "Trời sinh, Trời dưỡng" cho ta ý niệm về sự tác thành và nuôi nấng. Nhưng sự sinh dưỡng ấy không chỉ ở thể xác bề ngoài mà còn ở tâm tính bên trong nữa. Nói cách khác, nó bao gồm cả nội dung và hình thức mà người xưa gọi là Thiên Chí hay Nguồn Lực của Trời.

Mặc Tử, một triết gia Trung Hoa thời Chiến Quốc đã nhận ra Thiên Chí như một kết tinh của tư tưởng, học thuật Nho Giáo thời thượng cổ. "Thật vậy, Thiên Chí là do Thiên Mệnh hay Thiên Đế mà có. Mệnh cũng có nghĩa là thứ nghiêm pháp được ban ra từ tay kẻ có quyền lực. Chẳng hạn người ta nói Vương Mệnh, Quân Mệnh, Định Mệnh. Vậy chữ Mệnh đồng nghĩa với chữ Chí, tức là cái năng lực quyết định và thực thi một việc gì can dự đến sự sống chết của ai."

Vậy Thiên Chí là cái lương tri lương năng của vũ trụ, tức là nguyên lý điều khiển hoạt động của vạn vật. Người Việt đã quan niệm việc Trời Đất lưu hành bằng hai tiếng "úp, mở." Úp mở ám chỉ một cái gì khó có thể bộc lộ tường tận, một tác động thu hút (úp) và trương nở (mở). Một cái gì vừa thấy đầy rồi bỗng biến mất như sự nhấp nháy của các vì sao trên dải Thiên Hà mà người Việt gọi là "Cửa Trời." Ca dao Việt có câu:

Chìa và khóa ở đây là cái then máy để đi đến chỗ ngẫu cơ (chance) hòa hợp, âm dương giao hội của Trời Đất

cũng như con người. Ý niệm về thời gian biến đổi là một sức mạnh đã chi phối không những ngoại vật mà còn ngay cả đời sống con người:

"Làm người phải nghĩ thân sau,

Đất luôn cũng lở, hướng cầu bắc ngang."

"Đất luôn": là đất liền, tức là cái gì bền bỉ, vững chắc. Nhưng cái liền cũng có khi đứt. Vật lý học đã phân tích trong một mảnh hạt nguyên tử có nhiều mảnh hạt khác. Sự liền và đứt, sự cố định và bất định, sự úp mở...tương đối tương liên để tạo nên sự biến dịch. Vậy Trời là bậc đã nắm cái chìa khóa đóng mở này. Bằng con mắt quan sát thực nghiệm, người Việt đã trực nhận một điều vượt ngoài suy tưởng. Họ muốn từ bỏ nhận thức thần linh để đi tới việc phân giải những hiện tượng thiên nhiên bằng cái nhìn toàn diện. Họ cố gắng tìm một nguyên động lực duy nhất chế ngự và điều hành sự vật. Quan niệm về quyền lực siêu nhiên hay Thiên Chí nằm rải rác trong những câu tục ngữ mà chúng ta đã lược xét ở trên. Chúng tôi nhận thấy người Việt không dựa trên những lý số phức tạp để phỏng đoán lẽ tiến thoái đóng mở của Trời Đất mà họ xử dụng trực giác tâm linh để nhìn về nguyên lý tuyệt đối mang tính cố định thường hằng mà họ xem là nguyên lý mẫu mực. Nguyên lý này vừa là hữu thể (être) vừa là vô thể (non-être). Nguyên lý đó được xem như khởi nguyên của năng lực tinh thần. Vì vậy khi chúng ta nghe người Việt nói: "Mẹ tròn, con vuông" làm chúng ta nghĩ tới tấm lòng bao la của vũ trụ và sự biến thành sinh hóa muôn thuở của thời gian. Mẹ và con ở đây có thể sánh ngang với Trời và Đất. Ở đây, nhận thức vũ trụ của người Việt nhắm vào chiều hướng động lực siêu hình hay Thiên Chí làm chúng ta liên tưởng tới ý niệm HữuThể (l'être) của Heidegger gắn liền trong một thời gian và

không gian duy nhất.

Mục III: Vũ Trụ Qua Nhận Thức Thực Nghiệm:

Nhận thức thực nghiệm về vũ trụ khác với nhận thức thần linh và nhận thức siêu hình ở phương pháp, đối tượng và mục đích. Thực vậy, quan niệm về thần thánh đến đây đã nhường bước cho quan niệm về con người. Một con người đứng giữa hai đối cực vô tận về sự nhỏ bé (microcosm) và sự lớn lao (macrocosm), về thần linh và thú vật. Con người thay vì chỉ sống bằng đam mê, cảm xúc, tưởng tượng, bằng tin tưởng theo tập quán, còn biết hoài nghi những gì được xem là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Con người biết dùng trí quan sát để thăm dò thực tại cụ thể, dùng tri giác để lãnh hội, dùng ý chí và nghị lực để thực thi những điều mình hiểu biết, để kiểm nghiệm đúng, sai. Lịch sử, xã hội, và con người Việt đã nhiều lần chứng tỏ khả năng nhận thức về thực tế của họ trên mọi lãnh vực xã hội, tôn giáo, chính trị, quân sự với những tác phẩm văn chương nghệ thuật có giá trị cao. Về mặt khoa học vũ trụ mặc dù người Việt chưa có những nhà bác học cỡ lớn, chưa có những máy móc tinh xảo để khảo sát các hiện tượng hữu hình. Nhưng người Việt cũng không cố chấp về một giả thuyết được coi là chân lý ngàn đời về vũ trụ.

Trước đây nhiều lần chúng tôi đã đề cập đến tiếng "Trời" trong ngôn ngữ Việt và chúng tôi đã trình bày quan niệm của họ về "Trời" như thế nào. Bây giờ một lần nữa chúng ta tìm hiểu quan niệm về Trời qua nhận thức thực nghiệm. Trước đây, trong nhận thức thần linh, chúng ta thấy họ tin tưởng và kính sợ TRỜI (viết hoa) xem như một vị thần tối linh, nắm trong tay mọi quyền sinh tử họa

phức. Qua nhận thức siêu hình, chúng ta thấy Ông Trời mà trước đây họ cầu xin, lạy lục trở thành một nguyên lý phổ biến bao trùm vũ trụ và nhân sinh, ở ngoài mọi lý do của vũ trụ hữu hình. Trời ở đây tượng trưng cho người nắm cán cân luật pháp, có uy quyền như một vị quan tòa hay một ông vua, ông cha. Bây giờ đến nhận thức thực nghiệm, ông Trời tối cao của họ đã mất bản chất thiêng liêng hoặc duy lý trừu tượng mà trở thành một hiện tượng có thể quan sát được. Ông Trời (viết thường) đồng nghĩa với thiên nhiên, với tạo vật, với vũ trụ hữu hình, là đối tượng của tinh thần tìm hiểu, chế ngự, khắc phục. Một ông Trời có tính cách tương đối, hoặc vô tính, bị con người nhìn bằng đôi mắt tò mò, phê phán. Chúng ta hãy nghe người Việt đặt vấn đề:

"Trời sao trời ở không cân,

Kẻ ăn không hết, người mần không ra."

Qua câu ca dao trên chúng ta nhận thấy ý thức của người Việt đã chuyển hướng. Thay vì chấp nhận những quan niệm cũ về trời một cách mù quáng, họ trở nên hoài nghi. Người Việt không còn xem trời là đấng đã sáng tạo ra vũ trụ nữa. Những tiếng họ nói thông thường như: trời mưa, trời nắng, trời tốt, trời xấu, trời lạnh, trời nóng... đã trở thành những tiếng thông thường để diễn tả những hiện tượng biến đổi của vũ trụ. Đó là quan niệm về một thiên nhiên nhiều mặt, bất thường, tương đối và phức tạp:

"Đố ai biết : lúa mấy cây?

biết : sông mấy khúc?

biết : mây mấy tầng?

Đố ai quét : sạch lá rừng,

Để ta van gió : gió đừng rung cây."

Chúng ta biết rằng muốn có tinh thần thực nghiệm phải có sự tò mò, ngạc nhiên về những gì mình chưa biết. Sự

tò mò kích thích tính hiếu kỳ của nhà khoa học khi ông đối diện sự ngu dốt mênh mông của con người. Trước những bí mật của vũ trụ tự nhiên người Việt đã sử dụng những câu đối, câu vè, câu hỏi nhằm mục đích đưa con người tới gần chân lý.

Dựa vào những vật quen thuộc mà giác quan có thể nhìn thấy được: cây lúa, con sông, đám mây, ngọn lá, trận gió, là những đối tượng có trong không gian và thời gian mà ai cũng có thể nhận biết, người Việt đã khéo dẫn dụ chúng ta bước vào một thực tại vượt ngoài tầm nhận thức để đi tới một thực tại siêu nhiên mà chúng tôi tạm gọi là thực tại siêu nghiệm. Nói cách khác, đó là thực tại tự nhiên nhưng vượt ngoài nhận thức thực nghiệm của con người.

Phân tích bài ca dao trên, chúng ta thấy người Việt thách thức: "Đố ai biết?" bằng ba lần đặt câu hỏi khi nêu lên những thí dụ thông thường trước mắt, để nói lên ý nghĩa của giới hạn (mây mấy tầng), của phức số (lúa mấy cây), và của thời gian (sông mấy khúc). Đó là những vấn đề lớn của tri thức nhân loại: không gian, thời gian, định lượng... ở tầm độ tuyệt đối của sự quan sát.

Còn trên hành vi thì sao? Biết và làm tất nhiên phải đi đôi. Điều mà ta có thể biết được thì cũng có thể thực thi được, dù sớm hay muộn, dù ngay bây giờ hay mai sau. Nhưng làm gì có mai sau, khi mà ở tầm độ tuyệt đối ta không còn thấy có thời gian? Vậy nên, một lần nữa người Việt lại thách: "Đố ai quét sạch lá rừng?" Hành động biện minh cho lý thuyết. Nếu ở câu trên lý thuyết được xác nhận thì chắc hẳn chúng ta phải nhờ một cuộc thí nghiệm chắc chắn sẽ tạo lập ở câu dưới. Nói cách khác, nếu có người trả lời biết, ắt họ sẽ làm được. Tuy nhiên

như ta đã thấy, về mặt luận lý, câu đố đã đưa chúng ta vào chỗ bí, thì về mặt hành động nó lại càng làm ta bối rối hơn. Người ra câu đố biết mình không thể làm được việc "van gió đừng rung cây" thì làm sao trong thiên hạ có người "quét sạch lá rừng"?

Câu đố trên sau khi nêu rõ tính cách giới hạn của hành vi và tri thức con người, nó đã dẫn ta đến một kết luận rằng: vũ trụ và nhân sinh có cùng năng lực tự tạo. Nghĩa là không do bàn tay của một vị thần chủ, một ông Trời hoặc đấng tạo hóa nào sắp đặt cả. Chúng tôi dùng chữ "tự nhiên thành tựu" để chỉ sự tự sinh tự diệt của vũ trụ. Như vậy, một vật chất trong vũ trụ biến mất không phải là chết đi, là tiêu diệt mà thật sự để cấu thành một mảnh hạt mới, một vật chất khác. Thời gian ở giữa sự biến đổi hay tiêu diệt của một vật chất này và sự tái sinh một vật chất khác nhanh chóng đến nỗi ta không thể nào quan sát được khoảng cách trước sau. Vậy chữ "tự nhiên thành tựu" mà chúng tôi dùng để biểu thị nguồn gốc vũ trụ vượt ngoài không gian, thời gian và nhận thức hữu hạn của con người. Chúng ta hãy tìm hiểu câu ca dao sau đây:

"Núi kia ai đắp mà cao,

Sông kia ai bồi, ai đào, mà sâu?"

Thật là một câu hỏi mà thoạt nghe chúng ta thấy quá trẻ con, ngây thơ. Nhưng xin chờ vội mỉm cười. Bởi vì sự giải thích về cấu tạo địa cầu qua các thời kỳ địa chất vẫn không làm chúng ta thỏa mãn. Ngày nay, chúng ta đòi hỏi muốn biết những mảnh hạt và những đám mây khinh khí lỏng tạo thành mặt trời và những vì tinh tú kia từ đâu mà có, và chúng được cấu tạo bằng cách nào? Chúng ta biết chúng là vật chất, nhưng không thấu triệt nguồn gốc của vật chất, cùng cách thức vật chất cấu thành. Nếu không có bàn tay của vị thần chủ hay ông Trời nào đó

tạo dựng thì tiếng "ai" được nhắc đi nhắc lại ba lần trong câu ca dao trên đây không gì khác hơn là "tự nhiên thành tự." Và, nếu khoa học sau này tiến bộ, trả lời được cho con người câu hỏi đó, chính là vì tự bản chất câu hỏi không nêu lên một xác định nào về chân lý tuyệt đối cả. Như vậy, đứng trên quan điểm vũ trụ luận, người Việt khi tìm hiểu nguồn gốc vũ trụ, chỉ đặt vấn đề hơn là giải quyết một cách hàm hồ, võ đoán. Trước kia, người ta tưởng căn bản của vật chất chỉ gồm ba mảnh hạt là dương-điện-tử (proton), âm-điện-tử (electron), và trung-hòa-tử (neutron) tạo thành hạt-nhân-nguyên-tử (nucleus). Nhưng người ta cũng chưa biết được nguyên nhân và bản tính vật chất. Các nhà khoa học đã hoài nghi ba mảnh hạt trên chưa phải là duy nhất. Năm 1932, nhà vật lý Hoa Kỳ David Anderson đã khám phá trong âm-điện-tử (electron) có phi-âm-điện-tử (antielectron) mà điện tích không giống với điện tích âm. Điều này đã chứng minh cho lý thuyết của nhà vật lý Anh quốc Paul Dirac công bố trước đó. Năm 1955, hạt phi-dương-điện-tử (antiproton) được chế tạo ở Đại Học Berkeley, Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đứng trên quan điểm nhận thức, những vật-chất (matter) và phi-vật-chất (antimatter) cho ta biết một quan niệm về tổng hợp vật chất là do hai nghịch chất mà thành. Và một sự tương xứng được cấu thành bởi sự bất tương xứng. Nói cách khác, nếu đứng ở quan niệm nghịch để nhìn sang quan niệm thuận thì thuận niệm kia sẽ biến thành nghịch niệm này. Tức là, cái phải của người có thể là cái trái của ta, và cái phải của ta có thể là cái trái của người. Như vậy vạn vật trong vũ trụ đều có tính cách tương đối. Tuy nhiên, người Việt đã muốn vượt lên khỏi hai chiều đối nghịch mâu thuẫn đó. Họ muốn đi tìm một

chân lý hòa điệu, vượt qua hai trạng thái thuận nghịch. Họ nhắm vào hiệu quả của vật chất, tức là cái năng lượng, hơn là tìm hiểu trạng huống đối nghịch. Đó là quan niệm về một vũ trụ toàn diện mà chúng tôi gọi là vũ trụ tự nhiên hay siêu nghiệm. Từ quan niệm toàn diện đó, người Việt không còn đứng ở lãnh vực siêu hình để nhìn về vũ trụ mà sử dụng giác quan thông thường để quan sát sự vật. Do đó, những hiện tượng vũ trụ dưới tầm mắt thông thường có một tương quan chặt chẽ với nhau, giữa hai chiều hướng tưởng như đối nghịch, bất tương ứng:

"Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,

Lúa bao nhiêu tuổi gọi là lúa non?"

Một lần nữa, chúng ta lại thấy vấn đề thời gian (non, già) được đem ra chất vấn. Thời gian sở dĩ có là vì có chuyển động. Nếu đứng ở địa cầu, thì một năm có khoảng 365 ngày. Nhưng nếu so với Thủy Vương Tinh (Pluto), hành tinh cách xa mặt trời khoảng 5,875 triệu km, thì một năm ở đó bằng 284 năm ở địa cầu. Điều này nói lên tính chất không đồng nhất của thời gian và không gian, tức là thời gian chỉ là một khái niệm tương đối.

Như vậy, chúng ta nhận thấy người Việt không quả quyết có Một Nguyên Nhân Duy Nhất cấu thành vật chất. Họ cũng không khẳng định có một thời gian đồng nhất và hiện tượng bất biến của vũ trụ. Qua những câu đố vừa trưng dẫn, chúng ta nhận thấy họ quan niệm vũ trụ là phức tạp, biến đổi, tương đối. Nói một cách khác, chúng ta có định luật: "Sự đơn giản cùng cực của vật chất là do sự phức tạp cùng cực của nó sinh ra", hay ngược lại: "Sự phức tạp cùng cực sinh ra bởi cái đơn giản cùng cực". Đó là cái nhìn động và tĩnh về vũ trụ: cái đơn giản là cái tĩnh, cái phức tạp là cái động. Hay nói một cách luận lý:

cái đơn giản là cái phân tích được, và cái phức tạp là cái tổng hợp. Vậy, lý do sinh thành vũ trụ hiện tượng không chỉ là luật nhân quả tất định, mà còn ngẫu nhiên, còn bất định, còn điều kiện, còn nhu cầu hỗ tương,... Vì thế, đứng trước cái phức tạp và sự biến đổi liên hồi của vũ trụ vật chất, người Việt không phân định thời gian trước sau, hoặc khoảng cách không gian xa gần. Họ chỉ đặt câu hỏi mở đường cho tinh thần khám phá và phát minh. Một tầm độ nhận thức bao gồm cả động và tĩnh, cả đơn giản và phức tạp, cả siêu nhiên và thực nghiệm. Ở đây, chúng ta không đánh giá vào thành quả hay giá trị của lý thuyết mà người Việt muốn nêu lên. Chỉ cần nhìn vào những câu hỏi mà họ đặt ra tới tấp trong các câu đố, bài về... chúng ta cũng thấy được tinh thần khách quan và cẩn trọng của người Việt khi họ đứng trước những hiện tượng hữu hình và vô hình, giữa cái hữu hạn và cái vô hạn.

Nếu ánh sáng là năng lượng của mặt trời thì chúng ta có thể nói tư tưởng hay nhận thức là năng lượng của con người và nhịp độ co giãn của mặt trời cũng giống như ý thức phản tỉnh, tự giác của con người. Ý thức đó giúp cho con người vươn lên khỏi mọi ràng buộc, mọi hệ thống, mọi ý thức hệ để hòa nhập vào trong sự Im Lặng không-thời-gian, không-không-gian, vô thủy vô chung. Nói cách khác, họ muốn rút gọn tất cả mọi câu hỏi thành một tiếng, và chỉ một tiếng thôi: "AI?" Rồi im lặng hoàn toàn. Đó chính là phương pháp người Việt áp dụng để tìm hiểu vũ trụ, để cuối cùng thoát ra khỏi giới hạn của vũ trụ.

Davis, August 20, 2005.

Ôn Năng Khang.

Sinh năm 1946 tại Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Năm 1954 theo gia đình vào sống ở Phan Thiết.

Tốt nghiệp cao học Triết Học Đông Phương tại Trường Đại Học Văn Khoa, Sài Gòn năm 1972 với đề tài "Diễn Trình Nhận Thức Của Người Việt Nam Qua Văn Ngôn Truyền Khẩu."

Giảng dạy Tư Tưởng Việt Nam tại Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn từ 1973-1975. Từ 1995 giảng dạy tại Đại Học dân lập Văn Lang và hiện đang tiếp tục nghiên cứu văn ngôn truyền khẩu Việt Nam. Vào khoảng tháng 5- 2005 anh đến Hoa Kỳ thăm các con. Và Khang đã điện thoại thăm tôi. Và anh cho biết, có thể giữa năm 2006 Khang sẽ qua định cư bên Mỹ với các con.
(pvn)

Độc Sách: Quẩn Quanh Chuyện Đời *

CAO VỊ KHANH

Đi loanh quanh với Trần Bang Thạch

Bắt đầu bằng một chuyện-trên-trời, cái chuyện vắn đáp giữa cậu bé Hạng Thác và ông vạn thế sư biểu họ Khổng. Cái thứ chuyện để dạy đời thì hồng là trên-trời thì là gì !

... Khi Hạng Thác hỏi vậy chớ lông mày có mấy sợi thì Khổng Tử bí. Dù đó là một câu hỏi lãng nhách về một thứ lãng òm và thiệt tình là lãng xẹt vì chẳng ăn nhằm gì tới đạo-lớn là thứ chuyên trị của người đối thoại. Lại là thứ hiển nhiên tới nỗi chẳng làm ai bận tâm dù có mọc ngay boong trên mặt người (ngoại trừ mấy cửa hàng xâm mắt hoặc giả đi hỏi cái anh chàng Vô Kỵ cứ hay sáng sáng kê-lại-chân-mày-cho-m thì họa may)
Ờ có những chuyện ngay trước mắt sát bên tai mà chừng hỏi lại thì ai cũng chưng hửng. Không nghe không thấy không hay không biết. Đúng ra là tại vô tình, tại hồng-để-ý, tại quên khuấy, tại xem thường... hay tại... hay tại... (ở đời có hàng triệu thứ tại-bị-bỏ-vì khi người ta... bí)

* Tập truyện của Trần Bang Thạch, dày 276 trang, Thư Án Quán xb tháng 3 năm 2006. Giá \$14.

Có hôm nào ngồi buồn kiểu vọc-nước-giỡn-trăng mà rảo mắt quanh mình, nhẩn nha ngó bộ bàn ăn với mấy cái ghế bọc da (mấy cái ghế ?), cái bàn thờ vốn là cái tủ kiến kiểu tây có chừa mấy chai rượu (mấy chai ?), mấy bức tranh của Monet treo trên tường vẽ nội cái góc vườn ở Giverny nhìn dưới nhiều thời khắc khác nhau (mấy bức tranh ?)... Nhìn ra xa một chút, mà cũng không xa lắm, quanh đây thôi, ngay trong ngôi nhà mình đang sống sớm hôm, ra vô từng buổi... vậy chớ nhà mình có mấy cái cửa sổ há ? cửa trước trở ra hướng nào, đông tây nam bắc ? còn cái cửa sổ phòng ngủ nữa quay về đâu mà con trăng xế gần sáng cứ gọi mình thức giấc những ngày cuối năm làm như nhớ nhớ một cái gì ?...

Giả sử vậy, câu hỏi về những đồ vật quen thuộc nhất, gần gũi nhất đó có đôi khi lại làm ngớ ngẩn. Ngớ ngẩn không phải vì xa lạ. Ngớ ngẩn vì quá gần gũi. Ngớ ngẩn vì quá quen thuộc. Quen vì thấy hoài thấy hũy. Thuộc vì vốn của mình chớ của ai vô đây.

Ờ, ở đời vậy đó, có những cái vốn của mình (như tứ đại ngũ uẩn mà Phật cũng đã nêu nghi vấn về quyền sở hữu), còn nhiều cái khi không mình quơ quào nhận đại là của mình thí dụ như là cái nhà của tôi, chiếc xe của tôi, hàng xóm của tôi, thậm chí đến con vợ của tôi...) mà lắm khi hỏi tới mới giật mình... coi lại. À xe mình mang bản số gì há? Nhớ không? ... Con vợ tui cao mấy thước? (ủa nói lộn nói lại vợ tui cao thước mấy). Biết không, dù vẫn nói là đầu gối tay ấp ? Còn mấy cái vòng số một số hai số ba nữa, sức mấy mà có người thứ hai biết được ngoài ông Đông Hồ mua-áo-cho-người-yêu mà khỏi phải xách thước đo ?)... Còn bà già người Trung Hoa cứ hay

bất ghế ngồi trước hàng ba, im ỉm và xa vắng như một cung nữ bị đầy chốn lãnh cung, sáng qua gập đầu chào, chiều về gập đầu chào, bà ta gục gặc chào lại khi mình qua sáng, gục gặc chào khi mình về chiều... Lâu ngày rồi thành một hình ảnh quen thuộc, quen thuộc đến độ làm mình quên bẵng có một người ngồi hôm sớm, buồn hiu ở một góc hiên... Sau một mùa đông dài và khắc nghiệt, mùa xuân tới rồi mà chưa thấy cái ghế và người ngồi. Sáng đi qua, chiều về lại, có một cái gì thiếu thiếu, đâu đây... Rồi mùa xuân qua, mùa hè tới vẫn chưa thấy lại, hàng ba vẫn bỏ trống... một hôm nghe trẽ nít hàng xóm dọa nhau về một bóng ma tàu... giựt mình hỏi lại. À thì ra, người đàn bà tàu đã chết giữa mùa đông năm qua, ngay trong cơn bão tuyết thứ nhất. À là như vậy, chỗ đó đã có một người đàn bà nhỏ thó hay ngồi lặng lẽ ngó trời ngó đất, lặng lẽ tới đổi làm mình tưởng đến một thứ quý phi thất sủng ngồi nhớ tiếng vua đòi... Người đàn bà đó mấy tuổi nhỉ, tên gì, con cái ra sao ? Suốt một đời (bao nhiêu năm?), theo cha mẹ bỏ Trùng Khánh ? Hàng Châu? ... gồng gánh nhau qua Việt Nam rồi năm 75 theo con cái cồng bồng nhau lội biển qua tuốt bên này, cái cuộc đời nạn phụ đó có thua gì cái cuộc vạ-ly-trường-chinh của Mao-xénh-xáng đâu mà không nghe ai nói tới!... Không hay ! Không biết ! Vậy mà người đàn bà đó trong mấy năm đã là lảng giềng trong cái khu phố không nhiều lắm cái màu da vàng sẫm này. Tại thói đời cứ hay nhìn xa hơn cái tầm con mắt mình, ngóng cao hơn cái cần cổ mình... cho có vẻ nhìn-xa-trông-rộng theo cái kiểu con-mắt-nhìn-ra-tám-cối !

Kể ra quanh quẩn đây còn có bao nhiêu thứ dẫu "nhìn"

mà không "thấy", có thấy cũng không thông. Mà có thông cũng không đủ lòng nghĩ đến.

Vậy mà rồi có người nhìn và thấy, thấy lại mang lòng nghĩ đến, mà lại nghĩ miên man tới nơi tới chốn... về những cái vụn vặt, lẻ tẻ, không đâu ra đâu. Những cái thứ ở ngay sát bên mình, lẫn lút, loay hoay, lặng lẽ xoay trở quanh quanh, mờ mờ nhạt nhạt, tưởng như không mà có, có thật. Những mẫu chuyện đời không có quá một chi tiết hiểu kỳ đủ để kêu gọi sự tò mò của người bên cạnh. Thứ chuyện đời mà người nghe đã có sẵn câu phản ứng... ối-hơi-đâu-mà-nghe !

Mà thật ra nếu chịu lắng lòng mà nghe thì dường như có nhiều điều để nghe lắm. Niệm-thiên-địa-chi-du-du...

Ông Trần Bang Thạch là một trong những người hay lắng nghe những tiếng đời không lấy gì làm huyền ảo đó. Làm như một kẻ rất nhàn du trong một cuộc đời rất là chộn rộn, ông ta đi tới đi lui, lẩn thẩn, đôi khi lúc tha lúc thức, một mình (chớ ai mà rảnh rỗi đi cùng), ông ta qua lại nhẹ nhàng, nói năng chậm rãi, từ tốn như sợ làm kinh động cái nhịp sống vốn dĩ rất trầm kha... như một người chẳng ăn nhằm gì với cái dòng đời rộn rịp đó cả. Mà thật ra cái vẻ nhàn lẫm đó không giấu được chút nào cái nhìn rất tinh tế, cái soi mói rất mặc mủ ngay đến cả những cái không ra gì (mà có cái gì ra cái gì chớ) của cái cõi ba-vạn-sáu-ngàn-ngày-là-mấy này.

Độc thương-nhiên-nhi-lệ-hạ !

Nội cái chuyện mua nhà (căn nhà thì nhỏ như cái hộp quẹt mà cái chuyện mua nhà thì xưa chỉ ít hơn trái đất

xưa có chút xiu mà ông cũng thấy và nghe ra trong đó bao nhiêu chuyện đáng nói làm người nghe theo cũng thấy bụng dạ dầu dầu) Căn nhà ở đường Busch. Mà đường Busch nào nhỉ ? phải đường Busch ở Houston ? mà sao nghe ra cũng hao hao cái chuyện mua nhà đâu đó ở Amarillo, ở New Jersey, ở Dallas, ở Toronto, mà cũng lại giống y chang cái chuyện mua nhà ở bên tây bên úc... trong những chương đầu của cuốn chuyện dài ngàn chương ty nạn. Cũng là... *nhà nhỏ, cũ, hai phòng ngủ... nhà thuộc loại "frame house" nên giá rẻ...* Cái chuyện mua nhà của đám người bùng-con-mất-dậy thấy mình thân sơ thất sở với mớ điều kiện ắt-có-mà-chưa-đủ: nhỏ, cũ, rẻ tiền. Thật ra có một điều kiện khác không có giá trị gì hết trên thị trường mà dường như ở đây lại là điều làm cho cái ắt-có thành đủ. Hai ông bà T gì đó (gọi là ông bà A, ông bà B, ông bà C hay ông bà Danh... cũng được vậy) đã quyết định chọn mua căn nhà trên đường Busch đó chỉ vì... *hai hàng me keo*. Hai hàng me keo! Đúng là lãng nhách. Cái loại cây mọc đầy, hoang dại, thừa thãi trên đất cát miền Nam, chẳng ít lợi gì ngoài cái việc chụm củi, chỉ được mớ bóng lá giao đầu phả chút hơi mát dịu dàng xuống những buổi trưa miền Nam nóng hổi, cho đám con nít đánh trống, bắn cu-li, hay mấy chị vú ăm con chủ ra ngồi nói chuyện tào lao hoặc cùng lắm là trăn mình chịu trận mấy cái màn tình tự trai gái thiếu chỗ tự tình... Vậy đó cái thứ me keo chẳng làm nên tích sự gì.

Nhưng bỗng dưng, khi đi xa rồi, thì mấy hàng me keo đó không còn vô tích sự chút nào. Mà lại đầy sự tích. Sự tích về một Châu Đốc, Rạch Giá, Cần Thơ, Vĩnh Long, Sa Đéc,... cả Sài Gòn hay cả Miền Nam với những con

đường lớn nhỏ dài ngắn, cong queo hay thẳng tắp rợp toàn một bóng me keo. Sự tích về những ngôi trường làng, trường tỉnh với vuông sân chơi mát rượi, những góc đường góc phố với hàng xe bán nước-đá-bào-đậu-đỗ-bánh-lọt-em-tan-trường-về-ghé-lại-ăn-hàng...đụt nắng che mưa dưới cái tàng lá lưa thưa xanh mướt.... Sự tích về chính một quê hương lưu đầy trong lòng người đi, thứ quê hương bỏ thì thương mà vương thì tội. Ở hai hàng me keo *nối liền bến đò chợ Cái Dầu với thị trấn Hòa Hảo đã là máu là thịt là xương là da của anh chị*. Vậy đó, hai hàng me keo ở đây (hay... hai hàng còn ở đó, hai hàng bả đậu trong này, hay hai hàng sấu đậu ngoài nở cũng vậy, mà hai hàng khuynh diệp góc phố, hai hàng sưa dừa dưới quê, hay làm bộ thơ mộng một chút... hai hàng phượng đỏ đã nhỏ -xuống-lòng-tôi-những-giọt-châu...) cũng chỉ là một đắp đổi cho những mắc mớ trong lòng, giữa khi mình ngó đâu cũng thấy lạ hoắc lạ hươ. Nhớ lại mà bồi hồi, cái thời buổi gì kỳ cục! Thời đó, người ta cứ hay quơ quào chụp bắt bất cứ cái gì đang-có-trước-mắt mà lại mang mang hơi hướm cái-đã-khuất-mặt như để... thu ngắn lại mấy tắc lòng cổ quận. Thời đó ai nấy cũng thấy như mình đang phụ rầy một cái gì, một cái gì đang lằm than quá đổi... Bởi vậy rồi cái hàng me keo đó, cái cọng rau húng lủi đó, giàn bầu giàn bí đó, cái cầu gỗ bắt xéo cong cong đó..., trong những ngày bơ vơ đó, đã có giá trị như những chiếc phao thấp thoáng trên dòng đời lơ ngơ, người ta vói chụp bắt nó lại với mình như cố níu lại chút xíu quê-nhà một sớm một chiều dưng không mà xa mù xa mịt. Nói cách khác, tìm cho mình một hình ảnh rồi vỗ về mình là quen thuộc là cốt để trấn áp sức phản kháng vô thức của cái mầm chùm gửi trước khi chịu thắp

mình vào một thân cây khác giống lạ nòi.

Chút xú đó thôi, cái hàng me keo đó, bỗng làm người ta thấy gần lắm, cái quê hương khốn khổ. Và... người ta yên chí làm lại cuộc đời. Cái hàng me keo đó đã gỡ giùm nhiều người lắm, những sợi chỉ nhện mắc mớ, những ngày ai nấy mới bỏ quê... Cử đầu vọng mình nguyệt.... Đê đầu tư cố hương !

Cái ông Trần Bang Thạch này, lắm rắm vậy mà thâm lắm. Lý do gì mua nhà thì không biết chớ tại-cái-hàng-me-keo mà mua nhà thì biết ý nhau quá mạng. Cái lý do không văn tự nào chứng giám (kể cả giấy tờ mua bán nhà đất) mà nó lại có cả giá trị của một sự thề nguyện (dẫu có xa nhà mà không xa quê!). Dĩ nhiên lời thề có sắt son hay không thì hồi sau phân giải. Nhưng mà hồi đó vậy đó. Ai cũng có một nỗi lòng!

Kể chuyện mua nhà thật ra là để kể chuyện đời ta-ở-xứ-người. Mà đường vào đời ta ở xứ người thì cũng giống như đường-vào-tình-yêu của Trúc Phương vậy, chỉ có trăm lần-vui mà lại có tới vạn-lần-buồn ! Ông tản mẩn tử mĩ vòng vo từ hàng me keo quê người tới cái vườn nhỏ xúu trồng đủ thứ rau quê mình, chính là để nói tới cái giấc mộng thiết lớn trong cái nhà thiết nhỏ của một người Việt Nam ở xứ người mà cứ tưởng ở xứ mình. Ông bà T mua nhà vì muốn dựng nên một cảnh sống quê nhà ở quê người. Có điều, cây cỏ ép uổng còn tầm tạt chớ con người thì đã có cái khuôn phép của xã hội quanh nó. Người Việt ở nước ngoài là thác cái đời mình vào đời người chớ không là ngược lại. Cho nên ông T mua nhà với bao nhiêu là mộng lớn với mộng con mà chừng con

lớn rồi thì con cũng mông lung như mộng. Đó là một sự thật rất... thật. Ông T tính mở lớn nhà thêm khi con cái lớn lên, che thêm mái dựng thêm phòng khi có dâu có rể y chang cái tính toán của một người-việt-trăm-phần-trăm-cốt-y. Nhưng mà dâu có vui như vậy, đường vào đời ta ! Cách nói loanh quanh của Trần Bang Thạch là dẫn mình đi qua những căn phòng bề bộn đồ đạc ăm ắp tiếng cười rồi dẫn mình quày trở lại cũng chính căn phòng đó khi đồ đạc đã dọn đi, mọi âm thanh đã tắt hết vì người ở đó chỉ là khách trọ, đến rồi đi, bỏ lại đó cái trống trơn làm bằng cho chứng phù du của sự thế. Ông ta đi loanh quanh mà rồi tới ngay boong cốt lõi. Làm gì thì làm mua nhà mua đất hay mua gì gì nữa thì nhà đất hay gì gì nữa đó cũng là của người chớ không phải của mình. Nhà với đất thì tiếng mình làm chủ mà mấy ông chủ ngân hàng thì cứ đứng xớ rớ kế bên, chỉ chực chờ là đưa vai gánh đỡ. Con cái lớn lên ở xứ này thì theo điệu xứ này mà bung ra tứ xứ. Chùm gởi có quần cây trăm vòng thì cây cứ là cây và chùm gởi thì cứ lặc lưa lặc lợ mớ rế lá lặc loài. Ông Trần Bang Thạch viết chuyện mua nhà mà như viết cả hành trình của một người Việt Nam ở xứ người, mà như viết cả hành trình của một CON NGƯỜI (viết hoa). Đọc Căn nhà trên đường Busch là theo ông loanh quanh những nẻo đời bất tận, vòng tới vòng lui, xoay qua trở lại, giống như thứ trò chơi rỗng rần, di-dâu-rồi-cũng-trở-về-Hà-tĩnh (ủa Hà Tĩnh là quê "bác" mà, về làm chi), đi dâu rồi cũng trở lại chỗ bắt-dầu, chỗ-khởi-di cũng là chỗ-trở-về của một đời người đó thôi. Đã bắt đầu từ một số không, thì chấm hết bằng cái dấu chấm than cũng là phải lắm. Họa may như bà T , ngày tính sổ cuối đời *chỉ còn một nhúm tro than của người ba sinh*

hương lửa để mang theo đã phải kể là vạn hạnh. Chấm than.

Vậy đó, ông Trần Bang Thạch có nói chuyện gì cao xa đâu, toàn là ba cái chuyện đầu-trên-xóm-dưới, từ-thành-đến-tỉnh, đăng lên báo thì cũng chỉ ở trang ba trang tư. Chuyện của ông ta gần xích, quanh quất đâu đây. Nhưng trong cái quanh quất chòm xóm có cái hun hút của thiên địa du du. Ông ta nói chuyện hằng ngày, nhan nhản. Mà trong cái nhan nhản đó có cái lẽ biến thiên của trời đất thường hằng. Chuyện của tôi, của anh, của chị, của người hàng xóm, của ông giáo già về hưu lỡ một kỳ hẹn chót với môn sinh, của anh tài xế xe hàng tan tành hạnh phúc từ một sẩy tay định mệnh, của chị lao công da đen hy sinh cho chồng con đến hết đời, của anh chàng A-Phú-Hản (Việt, Miên Lèo... ?) lưu vong và buồn rầu cứ hay ra bờ sông ngó mấy ống khói tàu vật vờ mà thả hồn theo nước lớn nước ròng về cố xứ, của người đàn ông già hết thời đi lượm lon nhỏ làm việc lớn, của ông kếp hát cả đời chung vui cùng thiên hạ đến giờ chót có chút vui riêng mà không vui kịp... nghĩa là của những người bình thường với những mơ ước, vui buồn, hạnh phúc khổ đau cũng bình thường như chính cái cuộc sống rất bình thường không-có-gì-để-nói của họ. Cái để nói ở đây chính là tấm lòng của ông đã nhìn ra, nghe được từ những sự kiện rất bình thường đó cái lớn lao trong những nhỏ nhoi, cái phổ quát từ những riêng tư, cái không thường giữa những việc quá thường. Nhân vật của ông (mà có gọi là nhân vật được không, những ông bà T, anh Benito Vasquez, chị Rosa, bà Carol... hay ai ai nữa? Mà nếu không gọi là nhân vật thì gọi là gì trong cái vở tuồng

ba hồi sáu cảnh mười tám cái linh đình đó), họ không sấm tuông, múa may cười khóc theo một định ý nào hết, nếu không nói là chỉ có cái định ý của ông tác giả ở tuốt trên cao. Nhân vật của ông sống cái đời của họ. Vậy thôi. Mà qua đó cũng không thông điệp chẳng tuyên ngôn gì ráo. Họ chỉ làm cái chuyện như anh, như tôi, như chị đã đang và sẽ làm, chẳng anh-hùng cũng không tiên-tiến, không vĩ đại mà cũng không ti tiện, họ làm cái chuyện họ phải làm, không cao cả mà cũng không thấp hèn. Họ làm cái chuyện cần làm. Vậy thôi. Chấm và hết. Chắc vì vậy mà truyện thường đơn giản. Có điều đơn giản nhưng không đơn điệu. Mà làm sao đơn điệu cho được. Cuộc đời vốn trăm mặt. Mà ông Trần Bang Thạch này còn muốn lôi ra cái mặt thứ một trăm lẻ một nữa là khác.

Theo Trần Bang Thạch là đi loanh quanh vào một thế giới rất thực, là khép lại con mắt mộng mị để nhìn ngó cuộc đời như chính nó là nó. Cuộc đời rất quen thuộc với tất cả những kỳ hoặc của nó. Cuộc đời rất vô nghĩa với tất cả những nghĩa lý của nó. Và cũng chính là cuộc đời với tất cả những nhỏ nhoi rất phi thường của nó vậy. Ông ta phan phui rất ân cần. Ông ta soi mói tới hết dạ. Ông ta lật tới lật lui những mảnh đời, ngắm nghía so đo cân nhắc để tìm cái chỗ thương-cho-được (mà thật ra có cuộc đời nào mà không đáng thương giữa cái cõi đời đáng ghét này). Cho nên ông ta nghe thấy những điều mà mọi người không thấy không nghe. Cả đến *một điều chưa kịp nói* giữa cha con sau khi đã tử biệt. Cả đến nụ cười mãn nguyện của *mẹ từ trên mây*, nhiều năm sau, khi bầu con mồ côi vừa thành đạt. Ông cảm được hết, những

hạnh phúc rất trái cựa, những đau khổ rất lặng lẽ, những oái ăm nằm ở đằng sau cái vẻ nhớn nhơ của những nếp đời rất mực phẳng phiu. Có điều khác với cái lối bi quan cố hữu của những kẻ lối đời, Trần Bang Thạch luôn tìm được từ trong cái trái cựa sự thỏa hiệp nào đó với bi kịch, trong cái lặng lẽ sự vinh quang của lấm than và trong những nghịch cảnh luôn luôn có những thăng hoa rất là luân-lý-giáo-khoa-thư.

Điều đó xuất phát từ một tâm địa rất lành. Lành như văn chương của ông vậy.

Lành như những câu viết rất giản dị, rất gần với văn nói, đặc biệt là lối nói miền Nam. Nhưng là một miền Nam kẻ-chợ. Lâu lâu lại chêm vào đôi ba chữ đặt sệt miệt-vườn làm điếng người như cái miệng cô ba cười nháng nháng cái răng vàng. Mạch văn sông sỏ, lưu loát, chắc-tại-vì-bỏ-nước-di-lâu-rồi, đọc lên nghe khoái tai, nghe như dễ ợt ai-viết-cũng-được mà thật ra cái kỳ khu thì đã nằm sẵn trong sự chọn lựa và sắp xếp chữ nghĩa theo một luật lệ âm thanh nào đó của riêng ông.

Văn của ông vì vậy nghe nhẹ hều, chữ nghĩa êm ru bà rù, lại lẫn tha lẫn thẩn giống giống điệu mấy ngón tay rờ rẫm đầu đầu... vậy rồi giữa lúc đang mê mê, ông nhéo một cái, móng tay sắc lēm, làm ai nẩy nhói đau mà không kịp kêu á... vì cái đau đã thấm sâu, sâu lắm, thấu tuột vào tới ruột gan.... *Thức ăn dư thừa* (của bà mẹ già nấu sẵn "dụ" mấy đứa con về ăn mà nó... không về) *bà còn có thể đổ đi, còn nỗi buồn của người mẹ già nua... bà biết đổ đi đâu !* Trời ơi nỗi buồn biết đổ đi đâu ! Chữ "đổ" của ông quả là hết ý. Có thua gì chữ "đổ" trong mức-ánh-trắng-vàng-đổ-di. Có điều mức buồn "đổ" đi

còn có cái vẻ giận-lấy-dễ-thương-hết-sức của mấy bà mẹ già móm sọm thương con đứt ruột, muốn đem đồ-hết-di-cho-rồi-mà-sợ-nó-về-đói-bụng ?! Chữ hết nghĩa ông ơi. Còn nữa... *sáng sáng vừa đi bách bộ vừa nghe tiếng chim hót trên ngọn me keo, vừa thấy lòng mình đang mọc cánh bay về một thời cù lao bên bờ sông Hậu*. Sao tui khoái cái chữ "thời" của ông lắm vậy. Làm cho nổi thiết tha với khoảnh cù lao nhỏ xíu của ông bỗng lớn vọt lên, tỉ lệ nghịch với tầm vóc được thu nhỏ lại thành thời bỏ-lọt-túi-áo, kiểu như thời kẹo thời đường hay thời "tình" của mấy anh si hồi xưa thương-em-không-biết-để-đâu-để-trong-túi-áo-lâu-lâu-lại-dòm vậy đó. Lại có lần theo ông về thăm mẹ ở miệt lục tỉnh, đang mơ mơ màng màng trước cảnh cũ người xưa, bỗng ông giáng cho mấy chữ *bên bờ kinh sáng thối*, tui muốn té ngựa ông ơi. Ở mấy cái bờ kinh sáng thối giữa một miền Nam sông nước ngổn ngang làm cho cái xa xôi nó bỗng xích lại gần tận mặt, gần tận mặt mà vẫn đành thiên lý nên giữa lòng ta bỗng quây chút ba đào.

Cái lối viết theo kiểu người đứng, đứng bên lề, để mặc cho chính sự kiện bày tỏ tình ý còn là một dụng ý công phu, những sự kiện nối đuôi nhau liên lạc như tính liên tục của dòng đời, đôi khi chuyển tới sau làm phản đề cho chuyện tới trước khiến cho bố cục gây đột biến một cách tự nhiên làm người đọc bị lôi cuốn một cách dễ chịu, buồn vui rồi hờn giận theo lúc nào không biết, mà buồn vui hờn giận gì cũng nhẹ nhàng, thanh thản... dù có đôi khi thấy chính mình ở trong đó... là một lối-viết-rất-trần-bang-thạch. Lối viết của một người tốt-bụng.

Ông Trần Bang Thạch ơi, ông làm văn chương tuyệt cú

lắm. Văn chương là loay hoay loanh quanh vậy đó ông. Đâu có phải gồng hơi thở phì phò như kéo cây kéo gỗ. Hay trăn mình mà la lối chuyện trời ơi đất hỡi gì đâu. Làm văn chương thì thủng thẳng mà làm, thấy đâu nói đó, thấy gì nói nấy, miễn có thấy thì nói. Còn không thấy thì ráng làm chi mà phùng mang trộn má. Ai thấy chuyện ngàn sao thì bay bổng nói chuyện trên-trời. Ai thấy chuyện xe cán chó hay chó đụng xe thì rà rà kể chuyện dưới-đất. Còn ai nghe được cái tiếng đời rủ rủ như ông thì cứ rừ rừ mà kể lể. Gió lớn có cái khoái tai phong dã thì gió hiu hiu có cái êm ái thâm thì.

Thâm thì thì thâm.

Nhóm chủ trương:

Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư, Trần Bang
Thạch (Hoa Kỳ) , Cao Vị Khanh (Canada) ,

NG~ (VN)

Bài vở gửi về:

Phamvannhan1942@yahoo.com

tranhoaithu@verizon.net

Hay:

TQBT

P.O.Box 58

South Bound Brook

NJ 08880

Thành thật xin lỗi

Vì cần trang cho số chủ đề tưởng nhớ nhà thơ Vũ Hữu Định, cho nên có nhiều bài thơ cũng như văn của các bạn gửi đến TQBT chúng tôi xin giữ lại để đi vào số sau (TQBT 24). Thành thật xin lỗi cùng các bạn

